

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Nguyễn Thị Thùy Dung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG VIDEO TRONG THIẾT KẾ
KẾ HOẠCH BÀI DẠY PHẦN “LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ
X ĐẾN THẾ KỶ XVI” (MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 7)

Mã sinh viên: 2652490026

Ngành: Sư phạm Lịch sử - Địa lý

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Nguyễn Thị Thùy Dung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG VIDEO TRONG THIẾT KẾ
KẾ HOẠCH BÀI DẠY PHẦN “LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ
X ĐẾN THẾ KỶ XVI” (MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 7)

Mã sinh viên: 2652490026

Ngành: Sư phạm Lịch sử - Địa lý

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Loan

NINH BÌNH, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những kết quả trong đề tài khóa luận “*Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy phần “Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI” (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7)* là quá trình nghiên cứu tìm hiểu cá nhân của tôi dưới sự hướng dẫn của giảng viên - ThS. Phạm Thị Loan. Tôi xin đảm bảo rằng tôi không sao chép ở bất cứ tài liệu tương tự mà tất cả được trình bày dựa trên quan điểm cá nhân của tôi. Trong quá trình nghiên cứu, những nguồn tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng, xuất xứ cụ thể và được trích dẫn đúng theo quy định. Nếu phát hiện bất kì sự gian lận và sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường.

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

Sinh viên

Nguyễn Thị Thùy Dung

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ và tên người hướng dẫn: Th.S Phạm Thị Loan
2. Đơn vị: Khoa sư phạm Trung học
3. Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Dung
4. Mã sinh viên: 2652490026
5. Khoa: Sư phạm Trung học
6. Tên đề tài khóa luận: Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy phần “Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI” (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7)

Tôi xác nhận rằng tôi đã trực tiếp hướng dẫn sinh viên Nguyễn Thị Thùy Dung thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồng ý cho sinh viên Nguyễn Thị Thùy Dung được phép bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học mà sinh viên đã thực hiện!

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Phạm Thị Loan

BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Nội dung đầy đủ
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	DH	Dạy học
3	ĐC	Đối chứng
4	GV	Giáo viên
5	HS	Học sinh
6	HTKT	Hình thành kiến thức
7	KHBD	Kế hoạch bài dạy
8	NXB	Nhà xuất bản
9	PHT	Phiếu học tập
10	PPDH	Phương pháp dạy học
11	PPDHLS	Phương pháp dạy học lịch sử
12	SGK	Sách giáo khoa
13	THCS	Trung học cơ sở
14	TN	Thực nghiệm
15	YCCĐ	Yêu cầu cài đặt

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Danh sách thống kê các trường THCS có GV tham gia khảo sát	28
Biểu đồ 1.1. Biểu đồ thống kê thâm niên giảng dạy của GV.....	29
Biểu đồ 1.2. Nhận thức và quan điểm trong việc sử dụng video trong dạy học của GV.....	29
Biểu đồ 1.3. Các hình thức video được sử dụng trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí	30
Biểu đồ 1.4. Về tiêu chí đánh giá hiệu quả của video trong dạy học.....	30
Biểu đồ 1.5. Tỷ trọng video trong tổng thời lượng hoạt động HTKT	30
Biểu đồ 1.6. Đề xuất để nâng cao hiệu quả xây dựng và sử dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí	31
Biểu đồ 1.7. Mức độ cần thiết của việc xây dựng và khai thác video trong dạy học nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến XVI môn lịch sử và Địa lí lớp 7.....	31
Biểu đồ 1.8. Mức độ tự thiết kế video của GV	32
Biểu đồ 1.9. Đánh giá loại hình video mang lại hiệu quả trực quan nhất đối với nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - XVI (Lớp 7)	32
Biểu đồ 1.10. Đánh giá mức độ cần thiết của việc tích hợp công nghệ (AI, thực tế ảo, 3D) vào các video trong bài giảng nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X – XVI.....	32
Bảng 1.2. Bảng thống kê đề xuất của GV tham gia khảo sát.....	33
Bảng 2.1. Hệ thống video sử dụng trong kế hoạch bài dạy Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225).....	67
Bảng 2.2. Danh mục video sử dụng trong kế hoạch bài dạy Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 - 1400)	70
Bảng 2.3. Hệ thống video sử dụng trong kế hoạch bài dạy Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)	74
Bảng 2.4. Hệ thống video sử dụng trong kế hoạch bài dạy Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ	77
Bảng 3.1. Bảng thống kê các điểm số của HS	79
Biểu đồ 2.1: Biểu đồ phân bố tần suất	80
Đồ thị 2.2: Đồ thị phân bố tần suất	80
Bảng 3.2. Bảng phân loại điểm kiểm tra của HS	80

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Hình ảnh video Bài 18 [PL.3.2_10]	46
Hình 2. Hình ảnh video Bài 16 [PL3.2_7]	49
Hình 3. Hình ảnh video Bài 9 [PL3.1_3]	50
Hình 4. Hình ảnh video Bài 9 [PL 3.2_4]	51
Hình 5. Hình ảnh video bài [PL 3.2_5]	51
Hình 6. Hình ảnh trong video Bài 16 [PL 3.2_8].....	52
Hình 7. Hình ảnh trong video bài 18. [PL3.2_9]	52
Hình 8. Hình ảnh trong video Bài 16 [PL 3.1_26].....	54
Hình 9. Hình ảnh trong video Bài 13 [PL 3.1_16].....	54
Hình 10. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.1_7].....	55
Hình 11. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.1_8].....	55
Hình 12. Hình ảnh trong video Bài 10 [PL3.2_2].....	56
Hình 13. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.2_3].....	56
Hình 14. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.2_3].....	57
Hình 15. Hình ảnh trong video Bài 18 [PL 3.2_11].....	58
Hình 16. Hình ảnh trong video Bài 15 [PL 3.1_27].....	59
Hình 17. Hình ảnh trong video Bài 18 [PL 3.1_4].....	59
Hình 18. Hình ảnh trong video Bài 18 [PL3.1_43].....	60
Hình19: Hình ảnh giao diện cắt video trên máy tính cá nhân.....	65
Hình 20: Hình ảnh giao diện cắt video trên máy tính cá nhân.....	65
Hình 21: Hình ảnh kho lưu trữ trên máy tính cá nhân video phục vụ dạy học phần lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.....	66
Hình 22. Hình ảnh video Bài 9 [PL 3.2_4]	67

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn	5
NỘI DUNG.....	7
Chương 1.....	7
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	7
1.1. Cơ sở lý luận	7
1.1.1. Một số khái niệm.....	7
1.1.2. Các loại video trong dạy học.....	11
1.1.2.2. Phân loại video theo nguồn gốc xây dựng	12
1.1.3. Vai trò của video trong dạy học	15
1.1.4. Một số yêu cầu trong xây dựng và sử dụng video trong dạy học	20
1.1.5. Chương trình môn học Lịch sử và Địa lí lớp 7	23
1.2. Cơ sở thực tiễn	26
1.2.1. Thực trạng sử dụng video trong dạy học	26
1.2.2. Thực trạng xây dựng và sử dụng video trong môn Lịch sử và Địa lí	26
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	34
Chương 2.....	35
XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG VIDEO ĐỂ THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY VÀ THỰC NGHIỆM TRONG DẠY HỌC PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVI.....	35
2.1. Xây dựng video trong dạy học	35
2.1.1. Video tư liệu.....	35
2.1.2. Video tự xây dựng.....	42
2.2. Các hình thức sử dụng video trong tiến trình dạy học.....	50
2.2.1. Hoạt động khởi động.....	50
2.2.2. Hoạt động hình thành kiến thức	53
2.2.3. Hoạt động luyện tập	57

2.2.4. Hoạt động vận dụng	58
2.3. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy sử dụng video trong dạy học phân môn Lịch sử.....	61
2.4. Thực nghiệm.....	77
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	82
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85
DANH MỤC PHỤ LỤC.....	1

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông hiện nay, việc ứng dụng CNTT và phương tiện dạy học hiện đại trong hoạt động giảng dạy không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu bắt buộc nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS, hướng tới hình thành và phát triển, năng lực, phẩm chất người học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục thực hiện hiệu quả chương trình mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản quan trọng làm cơ sở pháp lý, như: Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020, quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các trường mầm non, tiểu học, THCS, trung học phổ thông, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng cường hạ tầng CNTT, thiết bị hỗ trợ dạy học hiện đại; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020, ban hành quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông, khuyến khích việc trang bị thiết bị trình chiếu, máy tính, mạng Internet và phương tiện nghe nhìn phục vụ đổi mới PPDH; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, trong đó có các thiết bị hỗ trợ khai thác tư liệu hình ảnh, video và học liệu số trong giảng dạy.

Trên cơ sở các quy định đó, việc tăng cường ứng dụng video học liệu trong dạy học là một hướng đi đúng đắn và cần thiết. Trong môn Lịch sử và Địa lí ở THCS phần nội dung lịch sử có nội dung phong phú, bao gồm nhiều sự kiện, nhân vật, quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, khu vực và thế giới.... Tuy nhiên, do đặc thù kiến thức lịch sử thường trừu tượng, khô khan và đòi hỏi khả năng tưởng tượng, logic nên nhiều HS còn thụ động, khó hình dung bối cảnh lịch sử và chưa thật sự hứng thú với môn học.

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 7, phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI, có nội dung phong phú, bao gồm nhiều sự kiện, nhân vật, quá trình phát triển của dân tộc qua các triều đại phong kiến độc lập với các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược và từng bước xây dựng nền văn minh Đại Việt rực rỡ, nhưng không tránh khỏi những hạn chế của đặc thù kiến thức, nhận thức đó của bộ môn. Video học liệu với ưu thế trực quan, sinh động và hấp dẫn có khả năng tái hiện chân thực bối cảnh, nhân vật và sự kiện lịch sử, giúp HS dễ tiếp nhận, ghi nhớ sâu hơn và hình thành tình cảm, thái độ tích cực với môn học.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy việc xây dựng và sử dụng video trong dạy học nội dung lịch sử vẫn còn hạn chế. Đa số GV trong dạy học Lịch sử và Địa

lí mới chỉ dừng ở việc khai thác video tư liệu sẵn có trên Internet; nhiều GV chưa có điều kiện, kỹ năng hoặc thời gian để tự thiết kế video phù hợp với nội dung và mục tiêu bài học, khiến việc sử dụng video đôi khi chỉ dừng ở mức minh họa, chưa thật sự phát huy hiệu quả sư phạm.

Từ thực tiễn đó, việc xây dựng và sử dụng video vào thiết kế kế hoạch bài dạy phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI môn Lịch sử và Địa lí lớp 7 là rất cần thiết. Đề tài không chỉ góp phần đổi mới PPDH, nâng cao hiệu quả dạy học, mà còn giúp GV chủ động, sáng tạo trong thiết kế học liệu số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục và phù hợp với định hướng của Bộ GD&ĐT trong giai đoạn hiện nay.

Là sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Địa lý, với mong muốn được đóng góp phần nhỏ của mình vào việc làm giàu thêm kho tư liệu dạy học điện tử cho bộ môn tôi lựa chọn đề tài *“Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7)”* làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Trên thế giới, việc ứng dụng video trong dạy học đã được triển khai từ sớm và phát triển mạnh trong kỷ nguyên công nghệ số. Các nghiên cứu quốc tế đều khẳng định video là công cụ học tập đa phương tiện hiệu quả, giúp người học quan sát, nghe, cảm nhận và tương tác với nội dung bài học, qua đó tăng khả năng ghi nhớ, phát triển tư duy phản biện và kích thích hứng thú học tập.

Trong lĩnh vực giáo dục nói chung và với môn Lịch sử nói riêng, video được xem như một phương tiện tái hiện quá khứ sinh động, hỗ trợ người học tiếp cận kiến thức một cách trực quan, cụ thể và cảm xúc hơn. Nhiều học giả nhấn mạnh rằng video không chỉ là công cụ minh họa mà còn là nguồn tư liệu học tập giúp HS từ hình thành đến hoàn thiện quá trình thao tác tư duy: phân tích, so sánh, đánh giá và rút ra bài học lịch sử.

Ở góc độ nhận thức, Richard E. Mayer (2009) trong tác phẩm *“Multimedia Learning”* cho rằng con người tiếp nhận thông tin thông qua hai kênh xử lý chính là kênh hình ảnh và kênh ngôn ngữ. Việc kết hợp hợp lý giữa hình ảnh, âm thanh và lời nói giúp tối ưu hóa quá trình xử lý thông tin, nâng cao khả năng ghi nhớ và hiểu bài của người học. Đồng thời, tác giả cũng nhấn mạnh rằng việc thiết kế phương tiện dạy học không phù hợp có thể gây quá tải nhận thức, làm giảm hiệu

quả tiếp thu. Do đó, video giáo dục chỉ thực sự phát huy giá trị khi được xây dựng theo nguyên tắc sư phạm và phù hợp với đặc điểm nhận thức của người học.

Theo Yildirim (2018) trong bài viết “*The Effect of Educational Videos Used in History Education on Academic Success*” đã TN và đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng video giáo dục trong dạy học lịch sử đến thành tích học tập của HS và cho thấy HS học qua video có mức độ động cơ, hứng thú học tập cao hơn, video giúp cải thiện kết quả học tập so với phương pháp truyền thống. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy có những điểm khác biệt tùy theo phong cách video (video có âm thanh, hoạt họa, văn bản...) ảnh hưởng khác nhau đến mức độ tiếp thu và kết quả.

Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới đều thống nhất rằng video là phương tiện dạy học có giá trị cả về mặt nhận thức lẫn cảm xúc, đặc biệt phù hợp với dạy học Lịch sử - môn học đòi hỏi sự kết hợp giữa tri thức, hình dung không gian - thời gian và khả năng đồng cảm với bối cảnh lịch sử.

2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Các nghị quyết, chỉ thị, chương trình của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo đều nhấn mạnh vai trò của CNTT và phương tiện dạy học hiện đại trong việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành “*Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*”, trong đó khẳng định việc phát triển phẩm chất, năng lực người học phải được thực hiện thông qua các PPDH tích cực, lấy người học làm trung tâm và sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị hiện đại. Bên cạnh đó, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường học, Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 về quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông và Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc tích hợp công nghệ và học liệu số (trong đó có video) vào quá trình giảng dạy.

Cùng với định hướng đổi mới giáo dục, nhiều công trình nghiên cứu trong nước đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và vai trò của phương tiện dạy học trong quá trình giảng dạy.

Đặng Thị Thu Thủy (2011) trong “*Phương tiện dạy học - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” đã hệ thống hóa các khái niệm, phân loại và chức năng của

phương tiện dạy học. Tác giả khẳng định việc sử dụng phương tiện phù hợp giúp tối ưu hóa nhận thức về nội dung bài học, phát huy tính tích cực của HS và tăng cường hiệu quả dạy học.

Tác giả Nguyễn Hữu Châu (2004) trong công trình “*Phương pháp, phương tiện kỹ thuật và hình thức tổ chức trong nhà trường*” cũng nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa phương pháp và phương tiện dạy học, đây là hai yếu tố quyết định

Nhìn chung, các công trình trong nước đã cung cấp cơ sở lý thuyết cho việc ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại vào quá trình giáo dục, đặc biệt là trong các môn học có tính trừu tượng và yêu cầu trực quan cao như Lịch sử.

Trong số các phương tiện dạy học hiện đại, video là phương tiện có nhiều ưu thế bởi khả năng tái hiện sinh động các sự kiện, nhân vật và bối cảnh lịch sử. Do vậy, phương tiện video trong dạy học được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm nghiên cứu đề xuất các biện pháp trong dạy học nói chung và dạy học Lịch sử nói riêng.

Ngoài ra, Phan Ngọc Liên trong (2002) “*Phương pháp dạy học lịch sử*” cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng phương tiện trực quan nhằm tạo biểu tượng lịch sử và củng cố kiến thức, trong đó video là một hình thức hiệu quả

Tác giả Hoàng Đức Mạnh – Trần Huy Hoàng (2010) trong bài viết “*Vai trò của videoclip trong hoạt động dạy học*” cho rằng video có khả năng truyền tải nội dung lịch sử một cách hấp dẫn, chân thực, từ đó giúp HS phát triển năng lực quan sát, tư duy và cảm xúc lịch sử.

Bên cạnh đó, tác giả Đoàn Nguyệt Linh (2021) với bài “*Xây dựng và sử dụng hệ thống video hỗ trợ dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông*” đã bước đầu đề xuất quy trình thiết kế và khai thác video trong giảng dạy Lịch sử, bao gồm các bước: xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, xây dựng kịch bản, sản xuất và sử dụng video. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng video không chỉ nâng cao chất lượng tiếp thu mà còn khơi dậy hứng thú và phát triển năng lực học tập tích cực của HS.

Các kết quả nghiên cứu trên đều khẳng định vai trò to lớn của video trong quá trình đổi mới dạy học lịch sử. Tuy nhiên, hầu hết các công trình mới tập trung ở cấp trung học phổ thông hoặc ở mức độ khái quát lý luận. Việc nghiên cứu xây dựng và sử dụng video trong cụ thể phân môn Lịch sử ở THCS và đặc biệt trong thiết kế bài dạy Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI - môn Lịch sử và Địa lí lớp 7 vẫn còn là khoảng trống cần được bổ sung và phát triển. Các nghiên cứu trên là nguồn tài liệu giá trị cho việc triển khai khóa luận.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Quy trình xây dựng và sử dụng video trong thiết kế bài dạy phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy ở các bài học thuộc phân môn Lịch sử, môn Lịch sử và Địa lí lớp 7 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

- Xây dựng và sử dụng video để nâng cao hiệu quả trong thiết kế kế hoạch bài dạy phục vụ cho nội dung lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI).

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về sử dụng video trong dạy học Lịch sử.

- Phân loại, tuyển chọn, xây dựng video học liệu.
- Thiết kế kế hoạch bài dạy có tích hợp video.
- TN sư phạm và rút ra kết luận.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, tôi sử dụng các phương pháp sau:

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết:
 - + Phương pháp phân loại, hệ thống hoá lý thuyết: nghiên cứu các bài viết, nghiên cứu khoa học, luận văn, liên quan đến đề tài.
 - + Phương pháp phân tích và tổng hợp: nghiên cứu nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 7; xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.
- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:
 - + Điều tra xã hội học: điều tra khảo sát, lấy số liệu đánh giá thực tiễn ở các trường học.
 - + Thiết kế bài giảng có tích hợp video, TN sư phạm.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Đề tài làm rõ vai trò của việc sử dụng video nói riêng trong đổi mới PPDH môn Lịch sử và Địa lí, góp phần phát triển năng lực và phẩm chất của HS, đồng thời làm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu sâu hơn về ứng dụng video và học liệu số trong giáo dục nói chung, trong dạy học Lịch sử và Địa lí nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Củng cố kỹ năng ứng dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.
- Thiết kế được bài giảng sử dụng phương tiện dạy học cho chương trình Lịch sử và Địa lí lớp 7, nâng cao hiệu quả giảng dạy.
- Hệ thống hóa tài nguyên học liệu số, hỗ trợ GV và HS, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn ở Trường THCS.
- Khoá luận là nguồn tài liệu tin cậy phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy của GV và sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

NỘI DUNG

Chương 1.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số khái niệm

Trong nghiên cứu giáo dục, việc xác lập hệ thống khái niệm giữ vai trò nền tảng trong định hướng phương pháp luận, góp phần làm rõ phạm vi và nội hàm nghiên cứu, đồng thời đảm bảo tính nhất quán trong toàn bộ quá trình triển khai đề tài. Hệ thống khái niệm không chỉ mang chức năng mô tả mà còn định hình cách tiếp cận và tổ chức nghiên cứu một cách khoa học. Trong đề tài này, các khái niệm được sắp xếp theo trình tự từ lý luận chung đến các khái niệm chuyên biệt, bao gồm: dạy học, phương tiện dạy học, phương tiện dạy học Lịch sử - Địa lí, video và video trong dạy học.

1.1.1.1. Dạy học

Dạy học là khái niệm trung tâm của khoa học giáo dục. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), dạy học là quá trình tổ chức có mục đích, có kế hoạch của GV nhằm tác động đến hoạt động nhận thức của HS, qua đó hình thành tri thức, kỹ năng, thái độ và phát triển năng lực. Dưới góc độ hệ thống, dạy học được xem là một quá trình tương tác phức hợp giữa các thành tố cơ bản như mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và người học; trong đó, các thành tố này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau và tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

Về phương diện lý luận, dạy học có thể được tiếp cận theo hai khuynh hướng chủ yếu:

- Tiếp cận truyền thống: Nhấn mạnh vai trò trung tâm của GV trong việc truyền thụ tri thức, người học chủ yếu tiếp nhận một cách thụ động.
- Tiếp cận hiện đại: Coi người học là chủ thể của quá trình nhận thức, trong đó tri thức được hình thành thông qua hoạt động, trải nghiệm và tương tác.

Như vậy, dạy học là quá trình tổ chức hoạt động nhận thức có mục đích, trong đó GV giữ vai trò thiết kế và định hướng môi trường học tập, còn HS là chủ thể tích cực trong việc kiến tạo tri thức, kỹ năng, thái độ và năng lực.

1.1.1.2. Phương tiện dạy học

Trong cấu trúc của quá trình dạy học, phương tiện dạy học là thành tố trung gian quan trọng, giữ vai trò kết nối giữa nội dung tri thức và hoạt động nhận thức của người học. phương tiện dạy học là hệ thống công cụ, thiết bị và học liệu được sử dụng nhằm hỗ trợ quá trình dạy học. Về bản chất, phương tiện không chỉ có

chức năng minh họa mà còn tham gia trực tiếp vào việc tổ chức hoạt động học tập, định hướng nhận thức và nâng cao hiệu quả tiếp thu tri thức.

Căn cứ vào mức độ hiện đại hóa, phương tiện dạy học được phân thành bốn nhóm: phương tiện trực quan truyền thống; phương tiện nghe - nhìn; phương tiện đa phương tiện; phương tiện số và tương tác. Sự phân loại này phản ánh xu hướng chuyển dịch từ đơn kênh sang đa kênh trong dạy học hiện đại.

Thứ nhất, phương tiện trực quan truyền thống là nhóm phương tiện xuất hiện sớm trong lịch sử giáo dục, bao gồm tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, mô hình, hiện vật, bảng biểu,... Nhóm này chủ yếu hỗ trợ HS tiếp cận tri thức thông qua quan sát trực tiếp, góp phần hình thành biểu tượng ban đầu về sự vật, hiện tượng và quá trình lịch sử. Tuy nhiên, khả năng truyền tải thông tin còn tương đối đơn giản, chủ yếu thiên về kênh hình ảnh hoặc văn bản riêng lẻ.

Thứ hai, phương tiện nghe – nhìn như radio, loa, tivi, phim tư liệu, video, video clip,... cho phép kết hợp đồng thời âm thanh và hình ảnh, từ đó nâng cao tính trực quan và khả năng tái hiện nội dung. So với phương tiện truyền thống, nhóm này giúp HS không chỉ “nhìn thấy” mà còn “nghe thấy”, tạo điều kiện tiếp nhận thông tin đa giác quan và tăng cường hứng thú học tập.

Thứ ba, phương tiện đa phương tiện là bước phát triển cao hơn khi tích hợp nhiều loại dữ liệu như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, hoạt hình trong cùng một môi trường trình bày. Các bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng hay tài liệu e-learning là ví dụ tiêu biểu. Nhóm phương tiện này cho phép nội dung được trình bày sinh động, logic và hỗ trợ tốt hơn cho quá trình xử lý thông tin của người học.

Thứ tư, phương tiện số và tương tác bao gồm máy tính, bảng tương tác, nền tảng học trực tuyến, ứng dụng học tập và kho học liệu số. Điểm nổi bật của nhóm này là khả năng tương tác hai chiều, cho phép HS tham gia trực tiếp vào hoạt động học tập thông qua thao tác, phản hồi và tự điều chỉnh quá trình học. Điều này góp phần chuyển vai trò của HS từ vị thế tiếp nhận thụ động sang chủ thể tích cực khám phá và kiến tạo tri thức.

Như vậy, sự phân loại trên phản ánh rõ xu hướng phát triển của giáo dục hiện đại từ phương thức truyền tải thông tin đơn kênh (chủ yếu chữ viết hoặc hình ảnh riêng lẻ) sang đa kênh (kết hợp hình ảnh, âm thanh, chuyển động, tương tác số), đồng thời chuyển từ mô hình dạy học lấy GV làm trung tâm sang mô hình chú trọng trải nghiệm, tính chủ động và sự tham gia tích cực của HS trong quá trình học tập

Ở góc độ nhận thức, Richard Mayer khẳng định việc kết hợp kênh hình ảnh và ngôn ngữ giúp tối ưu hóa xử lý thông tin. Trên thực tế, chúng ta dễ dàng nhận thấy việc thiết kế phương tiện không phù hợp có thể dẫn đến quá tải nhận thức [14, tr. 47-60]

Tóm lại, phương tiện dạy học là hệ thống công cụ và học liệu hỗ trợ tổ chức hoạt động dạy học, đóng vai trò trung gian trong chuyển hóa tri thức và chỉ phát huy hiệu quả khi được sử dụng phù hợp với mục tiêu sư phạm và đặc điểm nhận thức của HS.

1.1.1.3. Phương tiện dạy học Lịch sử - Địa lí

Phương tiện dạy học Lịch sử - Địa lí mang những đặc trưng riêng do đối tượng nhận thức gắn với các yếu tố quá khứ và không gian địa lí - những đối tượng mà người học không thể trực tiếp quan sát. Vì vậy, phương tiện không chỉ có chức năng minh họa mà còn giữ vai trò tái hiện, mô phỏng và hỗ trợ hình thành biểu tượng nhận thức.

Có thể hiểu, phương tiện dạy học Lịch sử - Địa lí là hệ thống công cụ và học liệu được sử dụng nhằm hỗ trợ quá trình tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh, giúp tái hiện không gian - thời gian lịch sử, địa lí, đồng thời phát triển tư duy đặc thù của môn học. Các phương tiện này bao gồm phương tiện truyền thống như bản đồ, lược đồ, tranh ảnh, sơ đồ, mô hình, hiện vật, tư liệu văn bản; và phương tiện hiện đại như máy chiếu, video, phim tư liệu, phần mềm học tập, bản đồ số, học liệu điện tử.

Theo tác giả Trịnh Đình Tùng, *“Các phương tiện kỹ thuật trong dạy học lịch sử có thể phân loại theo kênh tiếp nhận thông tin của học sinh gồm: phương tiện tác động vào thấy - nhìn như tài liệu minh họa, phim đèn chiếu, bảng chiếu hình, phóng ảnh; phương tiện tác động vào nghe như phát thanh, đĩa ghi âm, băng ghi âm; và phương tiện nghe nhìn như phim điện ảnh, băng video, ti vi”* [13, tr 89]. Sự phân loại này cho thấy phương tiện dạy học không chỉ cung cấp thông tin mà còn kích thích nhiều giác quan, nâng cao khả năng tiếp nhận và ghi nhớ kiến thức của học sinh.

Đặc biệt, trong dạy học Lịch sử và Địa lí, các phương tiện nghe nhìn có ưu thế nổi bật nhờ khả năng kết hợp hình ảnh, âm thanh và chuyển động. Tác giả Trịnh Đình Tùng cho rằng: *“Phim video trong dạy học lịch sử không phải để giải trí, minh họa bài học mà chủ yếu là để bổ sung kiến thức, giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về bài học”* [13, tr 88]. Qua đó, HS có thể hình dung sinh động hơn về sự

kiện lịch sử, bối cảnh và mối quan hệ giữa các yếu tố trong bài học, từ đó nâng cao hứng thú học tập và hiệu quả lĩnh hội tri thức.

Như vậy, phương tiện dạy học Lịch sử và Địa lí không chỉ là công cụ hỗ trợ truyền đạt nội dung mà còn là cầu nối giúp HS tiếp cận các đối tượng nhận thức mang tính gián tiếp, góp phần phát triển năng lực nhận thức lịch sử, tư duy địa lí và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

1.1.1.4. Khái niệm Video

Video là một dạng phương tiện đa phương tiện có khả năng ghi lại và tái hiện hình ảnh chuyển động kết hợp âm thanh thông qua thiết bị điện tử. Theo Oxford English Dictionary, “*video là quá trình ghi và phát lại hình ảnh động bằng phương tiện điện tử*” [16]. Dưới góc độ kỹ thuật, theo tiêu chuẩn ISO/IEC, video được cấu thành từ chuỗi các khung hình tĩnh hiển thị liên tục với tốc độ xác định, kết hợp với âm thanh đồng bộ để tạo cảm giác chuyển động.

Dưới góc độ công nghệ “*Video là một dạng hình ảnh động tập hợp của rất nhiều ảnh tĩnh xuất hiện liên tục nói tiếp nhau.*” [11, tr17].

Trên cơ sở kết hợp giữa video và clip, video clip được hiểu là một sản phẩm nghe nhìn có thời lượng ngắn, cô đọng nội dung và hướng đến mục đích truyền tải thông tin nhanh chóng, trực quan. Theo Lê Thị Huê “*Video clip là một đoạn phim ngắn, nó là một loại hình phương tiện liên kết hợp nghe nhìn, được trích từ một bộ phim, một bài hát, hay là một đoạn phim ghi lại một quá trình, một sự kiện,...*” [7, tr.20].

Từ những quan niệm trên, có thể hiểu video là một phương tiện đa phương tiện dưới dạng hình ảnh động, được tạo thành từ chuỗi các khung hình tĩnh hiển thị liên tục kết hợp với âm thanh đồng bộ nhằm truyền tải thông tin, nội dung hoặc thông điệp đến người xem một cách trực quan và sinh động.

1.1.1.5. Video trong dạy học

Trên cơ sở khái niệm video, video trong dạy học được hiểu là một loại phương tiện dạy học đa phương tiện được thiết kế và sử dụng theo mục đích sư phạm nhằm hỗ trợ truyền đạt tri thức, tổ chức hoạt động học tập và nâng cao hiệu quả giáo dục. Khác với video thông thường mang tính giải trí hoặc cung cấp thông tin đơn thuần, video trong dạy học luôn gắn với mục tiêu bài học, nội dung kiến thức, đối tượng người học và phương pháp tổ chức dạy học cụ thể.

Trong dạy học hiện đại, video có ưu thế nổi bật ở khả năng kết hợp hình ảnh và âm thanh, từ đó làm tăng tính trực quan, sinh động và khả năng thu hút sự chú ý của HS. Đồng thời, video còn cho phép tái hiện những đối tượng nhận thức

khó quan sát trực tiếp, đặc biệt là các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển xã hội hoặc hiện tượng địa lí diễn ra trong không gian và thời gian khác nhau. Điều này giúp HS hình thành biểu tượng cụ thể, hiểu sâu bản chất vấn đề và ghi nhớ kiến thức bền vững hơn.

Đối với môn Lịch sử và Địa lí, video có ý nghĩa đặc thù bởi đây là môn học gắn với các đối tượng nhận thức thuộc về quá khứ lịch sử và không gian địa lí, vốn khó tái hiện bằng lời giảng hoặc văn bản đơn thuần. Thông qua video, các sự kiện, nhân vật, tiến trình lịch sử hay đặc điểm không gian lãnh thổ có thể được trực quan hóa rõ nét hơn, qua đó hỗ trợ HS quan sát, phân tích và kết nối kiến thức hiệu quả.

Như vậy, video trong dạy học là phương tiện dạy học đa phương tiện có định hướng sư phạm, giữ vai trò quan trọng trong việc trực quan hóa tri thức, tổ chức hoạt động học tập và phát triển năng lực người học trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Đây đồng thời là cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu việc sử dụng video trong dạy học phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI (Lớp 7) ở các chương tiếp theo của đề tài.

1.1.2. Các loại video trong dạy học

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và chuyển đổi số, video dạy học không chỉ là phương tiện minh họa mà đã trở thành một dạng học liệu số đa phương thức, tích hợp đồng thời nhiều kênh thông tin như hình ảnh, âm thanh, văn bản và chuyển động. Nhờ đó, video góp phần kích thích đa giác quan, hỗ trợ tổ chức hoạt động học tập và phát triển tư duy của HS, đặc biệt trong dạy học Lịch sử.

Tùy theo mục đích sử dụng, hình thức thể hiện và nguồn gốc xây dựng, video trong dạy học có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Việc nhận diện rõ các loại video giúp GV lựa chọn và khai thác phù hợp với nội dung bài học, đối tượng HS và mục tiêu giáo dục cụ thể.

1.1.2.1. Phân loại theo hình thức thể hiện

Tiêu chí này phản ánh phương thức biểu đạt nội dung của video, qua đó giúp GV lựa chọn hình thức trực quan phù hợp với đặc thù kiến thức và mục tiêu dạy học.

Video tư liệu lịch sử, là các thước phim gốc, hình ảnh động hoặc phim tài liệu phản ánh trực tiếp các sự kiện, nhân vật, di tích có thật. Trong dạy học Lịch sử, loại video này có vai trò như một nguồn sử liệu trực quan, góp phần thu hẹp

“khoảng cách thời gian”, giúp HS hình thành biểu tượng lịch sử về không gian, bối cảnh và con người trong quá khứ.

Video minh họa và mô phỏng, sử dụng kỹ thuật đồ họa, hoạt hình hoặc mô phỏng để tái hiện các quá trình lịch sử không thể ghi hình trực tiếp. Loại video này giúp cụ thể hóa các nội dung trừu tượng, hỗ trợ HS xây dựng mô hình nhận thức về các tiến trình lịch sử phức tạp.

Video trailer lịch sử, là các video ngắn, có tính khái quát cao, nhằm gợi mở nội dung bài học. Loại video này thường được sử dụng trong hoạt động khởi động hoặc ôn tập, góp phần định hướng nội dung và tạo động cơ học tập cho HS.

Video kể chuyện số, là sự kết hợp nội dung lịch sử với yếu tố tự sự, lời kể và cảm xúc, hình thức này giúp HS kết nối tri thức với trải nghiệm cá nhân, qua đó phát triển năng lực đồng cảm lịch sử và hình thành thái độ tích cực đối với quá khứ.

Video ứng dụng trí tuệ nhân tạo, là loại video được tạo lập hoặc hỗ trợ bởi công nghệ AI nhằm tái hiện hình ảnh, bối cảnh, nhân vật hoặc sự kiện lịch sử thông qua mô phỏng dữ liệu hoặc mô tả văn bản. Loại video này có ưu thế trong việc trực quan hóa những nội dung thiếu tư liệu hình ảnh gốc, đồng thời mở rộng khả năng thiết kế học liệu số trong dạy học Lịch sử.

1.1.2.2. Phân loại video theo nguồn gốc xây dựng

Căn cứ vào nguồn hình thành học liệu và mức độ tham gia của GV trong quá trình thiết kế, video sử dụng trong dạy học có thể được phân thành các loại sau:

a) Video khai thác từ nguồn có sẵn

Video khai thác từ nguồn có sẵn là những video được GV lựa chọn từ các kho học liệu mở, nền tảng trực tuyến hoặc thư viện số nhằm phục vụ mục tiêu dạy học như: Khát vọng non sông, Hào khí ngàn năm, bảo tàng lịch sử quốc gia, các đài truyền hình địa phương,...

Loại hình video này có ưu điểm là giúp GV tiết kiệm thời gian và công sức trong quá trình chuẩn bị học liệu, đồng thời tận dụng được nguồn tư liệu vừa có độ tin cậy cao vừa có đa dạng về nội dung và hình thức thể hiện. Trong dạy học Lịch sử, GV khai thác nguồn video này vào thiết kế kế hoạch bài dạy để minh họa các nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử và di tích lịch sử - văn hoá, giúp hiện tượng lịch sử hoặc tái hiện bối cảnh quá khứ một cách trực quan, sinh động.

Tuy nhiên, để khai thác có hiệu quả GV phải chọn lọc các nội dung phù hợp với KHBĐ, trình độ nhận thức và đặc điểm của từng nhóm HS để xử lý

những trích đoạn, phân đoạn video phù hợp. Để làm được GV không chỉ cần ngoài kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn cần có khả năng ứng dụng CNTT. Bên cạnh đó, GV bị hạn chế trong việc điều chỉnh nội dung, thời lượng hoặc hình thức tổ chức hoạt động học tập theo nhu cầu dạy học cụ thể.

b) Video do giáo viên tự xây dựng

Dựa vào nguồn học liệu sẵn có và ý tưởng của GV trong thiết kế KHBD, video do GV tự xây dựng loại hình video này gồm hai loại video cải biên từ nguồn tư liệu có sẵn, video xây dựng có sự hỗ trợ của AI

*** Video cải biên từ nguồn tư liệu có sẵn**

Đây là loại video được GV chủ động thiết kế từ khâu xác định mục tiêu, biên soạn nội dung, xây dựng kịch bản, lựa chọn tư liệu hình ảnh, âm thanh, ghi âm hoặc ghi hình, sau đó biên tập và hoàn thiện sản phẩm bằng các phần mềm chỉnh sửa video. Phổ biến GV đang dừng lại ở loại hình này

Ưu điểm của loại video này là nội dung được xây dựng bám sát chương trình, mục tiêu bài học và đặc điểm nhận thức của HS. GV có thể chủ động điều chỉnh thời lượng, hình thức thể hiện và tích hợp các nhiệm vụ học tập phù hợp với quá trình tổ chức dạy học.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng video theo cách thức này đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, đồng thời yêu cầu GV có năng lực thiết kế học liệu số và kỹ năng sử dụng công nghệ tương đối tốt.

*** Video xây dựng có sự hỗ trợ của AI**

Video do GV xây dựng có sự hỗ trợ của AI là loại video trong đó GV vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc xác định mục tiêu, định hướng nội dung và kiểm soát chất lượng sản phẩm, đồng thời ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ một số bước như xây dựng kịch bản, tạo hình ảnh, tạo giọng đọc, dựng video hoặc chỉnh sửa hậu kỳ.

So với quy trình xây dựng video cải biên từ nguồn tư liệu có sẵn, việc ứng dụng AI giúp rút ngắn thời gian sản xuất, giảm bớt áp lực về kỹ thuật, đồng thời góp phần nâng cao tính trực quan, sinh động và đa dạng hóa hình thức thể hiện của video.

Tuy nhiên, loại video này cũng đặt ra yêu cầu đối với GV trong việc lựa chọn công cụ phù hợp, xây dựng câu lệnh hiệu quả, đồng thời kiểm tra, chọn lọc và hiệu chỉnh nội dung nhằm bảo đảm tính chính xác, khoa học tính sư phạm và sự phù hợp với mục tiêu giáo dục.

1.1.2.3. Phân loại theo mục đích sư phạm

Tiêu chí này giúp xác định vai trò của video trong từng giai đoạn của tiến trình dạy học, từ đó định hướng cách sử dụng phù hợp.

Video khởi động, là loại video được sử dụng ở giai đoạn mở đầu bài học nhằm tạo tình huống có vấn đề, kích thích hứng thú học tập và huy động vốn hiểu biết ban đầu của HS. Nội dung video thường có thời lượng ngắn, mang tính khái quát cao, giàu yếu tố gợi mở, có thể là đoạn phim tư liệu, hình ảnh lịch sử kết hợp âm thanh, lời dẫn chuyện hoặc video kể chuyện lịch sử. Trong dạy học Lịch sử, video khởi động không chỉ đóng vai trò thu hút sự chú ý mà còn có ý nghĩa định hướng nhận thức ban đầu, giúp HS xác định được “điểm xuất phát tư duy” trước khi tiếp cận nội dung mới. Thông qua các hình ảnh, sự kiện hoặc nhân vật được gợi mở trong video, HS bước đầu hình thành câu hỏi nhận thức, từ đó xuất hiện nhu cầu tìm hiểu và giải thích hiện tượng lịch sử. Đây là cơ sở quan trọng để chuyển từ trạng thái tiếp nhận thụ động sang trạng thái học tập tích cực.

Video hình thành kiến thức mới, là loại video được thiết kế nhằm truyền tải nội dung cốt lõi của bài học theo cấu trúc logic, hệ thống và có định hướng sư phạm rõ ràng. Nội dung video thường tập trung vào việc tái hiện bối cảnh lịch sử, diễn biến sự kiện, nhân vật lịch sử, nguyên nhân – kết quả, hoặc giải thích các khái niệm và hiện tượng lịch sử. Trong quá trình sử dụng, GV không chỉ cho HS xem video một cách thụ động mà cần thiết kế các “điểm dừng nhận thức” (pause points) kết hợp hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ quan sát, PHT hoặc hoạt động thảo luận nhóm. Điều này giúp chuyển quá trình tiếp nhận thông tin từ trạng thái đơn chiều sang tương tác nhận thức hai chiều. Về mặt sư phạm, video hình thành kiến thức mới có vai trò đặc biệt quan trọng trong môn Lịch sử, bởi nó giúp trực quan hóa các đối tượng nhận thức vốn không thể quan sát trực tiếp. Nhờ sự kết hợp giữa hình ảnh, âm thanh và chuyển động, HS có thể hình thành biểu tượng lịch sử rõ ràng hơn, giảm tính trừu tượng của tri thức, đồng thời tăng khả năng hiểu bản chất của sự kiện và mối quan hệ giữa các yếu tố lịch sử.

Video luyện tập, là loại video được sử dụng sau khi HS đã tiếp nhận kiến thức mới, nhằm củng cố, hệ thống hóa và khắc sâu nội dung đã học. Nội dung của video thường được thiết kế dưới dạng câu hỏi kiểm tra nhanh, bài tập nhận diện, hệ thống hóa kiến thức hoặc yêu cầu tái hiện lại các sự kiện, nhân vật, mốc thời gian quan trọng. Trong dạy học Lịch sử, video luyện tập có vai trò giúp HS chuyển hóa kiến thức từ trí nhớ ngắn hạn sang trí nhớ dài hạn thông qua hoạt động lặp lại có định hướng. Đồng thời, loại video này giúp GV kiểm tra mức độ tiếp thu kiến

thức của HS một cách nhanh chóng, từ đó có cơ sở điều chỉnh hoạt động dạy học nếu cần thiết. Ngoài ra, video luyện tập còn góp phần rèn luyện khả năng tái hiện thông tin lịch sử một cách có hệ thống, giúp HS củng cố các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học.

Video vận dụng, là loại video được thiết kế nhằm tạo cơ hội cho HS sử dụng kiến thức đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập mang tính mở và gắn với tình huống cụ thể. Nội dung video thường bao gồm các tình huống lịch sử giả định, bài tập phân tích - so sánh, nhiệm vụ đánh giá tư liệu lịch sử hoặc yêu cầu liên hệ kiến thức lịch sử với thực tiễn. Khác với video luyện tập, video vận dụng không chỉ dừng lại ở việc củng cố kiến thức mà hướng tới phát triển tư duy bậc cao của HS. Thông qua việc xử lý các nhiệm vụ trong video, HS được rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá và giải quyết vấn đề lịch sử. Đồng thời, video vận dụng còn góp phần hình thành năng lực tư duy phản biện và năng lực vận dụng kiến thức vào các bối cảnh mới, qua đó tăng tính thực tiễn của môn học.

Từ cách phân loại trên có thể thấy, mỗi loại video đều có những ưu điểm và hạn chế riêng, phù hợp với những điều kiện và mục tiêu dạy học khác nhau. Trong thực tiễn, ở mỗi KHBĐ GV cần lựa chọn và kết hợp linh hoạt các loại hình video nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động học tập.

1.1.3. Vai trò của video trong dạy học

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, sử dụng video trong dạy học ngày càng khẳng định vai trò là một học liệu số hiệu quả, tích hợp hình ảnh, âm thanh, chuyển động và ngôn ngữ, qua đó tạo ra môi trường học tập tốt. Video giúp mở rộng không gian và thời gian học tập, đồng thời là công cụ hỗ trợ hiệu quả việc tổ chức các hoạt động học tập theo hướng tích cực và tương tác.

1.1.3.1. Vai trò đối với quá trình nhận thức của học sinh

Trong dạy học lịch sử, do tri thức thuộc về quá khứ nên quá trình học tập không xuất phát từ trực quan sinh động mà chủ yếu từ việc nắm bắt sự kiện và hình thành biểu tượng lịch sử trong nhận thức học sinh. Biểu tượng lịch sử được hiểu là hình ảnh khái quát về các sự kiện, nhân vật và điều kiện địa lí... được phản ánh trong tư duy người học với những đặc trưng tiêu biểu và điển hình. Vì vậy, nếu chỉ tiếp nhận thông tin qua kênh chữ đơn thuần thì khó có thể giúp học sinh hình dung đầy đủ và chính xác về đối tượng lịch sử. Trong bối cảnh đó, việc sử dụng video với sự kết hợp giữa hình ảnh động và âm thanh có khả năng tái hiện sinh động bối cảnh, nhân vật và diễn biến sự kiện, từ đó tăng cường tính trực quan và hỗ trợ hiệu quả quá trình hình thành biểu tượng lịch sử cho học sinh trong học

tập. Chẳng hạn, trong dạy học phân môn lịch sử lớp 7 *Bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn* GV có thể xây dựng và sử dụng video về Nguyễn Trãi đóng vai trò dẫn dắt, giúp HS hình dung được phong thái, trang phục và khí chất làm cho nhân vật trở nên gần gũi và sống động hơn trong tâm trí HS.

Bên cạnh đó, việc sử dụng video trong dạy học góp phần hỗ trợ HS tiếp nhận thông tin hiệu quả hơn nhờ sự kết hợp giữa hình ảnh và âm thanh. Các video mô phỏng có khả năng trực quan hóa những nội dung phức tạp từ đó giúp HS dễ hình dung bản chất của hiện tượng lịch sử vấn đề và giảm bớt áp lực tiếp nhận thông tin thuần văn bản. Trong dạy học lịch sử GV có thể sử dụng video “*Vua Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn*” mô phỏng giúp HS dễ hình dung những vấn đề dưới thời Lý và lí do dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Sử dụng video đồ họa động hoặc sơ đồ hóa nội dung giúp HS hiểu được cấu trúc chính quyền thời Lý một cách logic và khoa học trong *Bài 11 Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225)*. Hoặc khi dạy học về nội dung các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến XVI, để làm rõ về chiến thuật và diễn biến các cuộc kháng chiến GV có thể xây dựng video mô phỏng 2D/3D về trận chiến trên sông Như Nguyệt (*Bài 12 cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống*) giúp HS hình dung được phòng tuyến, cách bố trí quân và chiến thuật đánh giặc độc đáo. Loại hình này giúp trực quan hóa những nội dung trừu tượng về nghệ thuật quân sự mà sách giáo khoa khó mô tả chi tiết bằng hình ảnh tĩnh.

Ngoài ra, học liệu video còn tạo ra tác động cảm xúc tích cực, góp phần hình thành thái độ, tình cảm và giá trị kiến thức cho HS. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong giáo dục lịch sử, khi quá trình học không chỉ dừng lại ở việc lĩnh hội tri thức mà còn hướng tới phát triển phẩm chất cho người học. Trong dạy học lịch sử nói chung và ở THCS nói riêng, video có thể mạnh gợi cảm xúc tích cực, góp phần hình thành phẩm chất cho HS. GV có thể sử dụng video “*Lê Lợi và nghĩa quân những ngày đầu khởi nghĩa*” để thiết kế KHBD *Bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)* để giúp HS cảm nhận sâu sắc lòng yêu nước và ý chí bất khuất của dân ta. Trong video, các yếu tố âm thanh (tiếng trống trận, nhạc hào hùng) kết hợp hình ảnh động tạo ra sự xúc động mạnh mẽ, phát triển phẩm chất nhân văn, nhân ái, sẻ chia của HS. Bên cạnh đó, GV khai thác video thực tế ảo 360° “*Thánh Địa Mỹ Sơn - Di sản văn hóa Thế giới*” để tham quan kiến trúc thánh địa Mỹ Sơn (*Bài 18 Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI*). Giúp HS có thể trải nghiệm không gian lịch sử qua video từ đó HS có thái độ trân trọng và ý thức bảo tồn các giá trị truyền thống.

Tóm lại, việc đa dạng hóa các loại hình video (từ tư liệu, hoạt hình đến AI) không chỉ giúp HS nắm vững tri thức mà còn chuyển hóa quá trình học tập từ ghi nhớ thụ động sang khám phá tích cực thông qua các giác quan, tác động đến cảm xúc và phát triển phẩm chất cho người học.

1.1.3.2. Vai trò đối với việc phát triển năng lực học sinh

Trên phương diện phát triển năng lực, video không chỉ đóng vai trò cung cấp thông tin mà còn tạo điều kiện để HS tham gia vào các hoạt động nhận thức ở mức độ cao hơn. Khi được tích hợp với hệ thống nhiệm vụ học tập phù hợp, học liệu này hỗ trợ HS thực hiện các thao tác như phân tích, so sánh, đánh giá và rút ra kết luận, từ đó góp phần phát triển tư duy và năng lực học tập tích cực của HS.

Video đóng vai trò là nguồn sử liệu trực quan, qua đó HS thực hiện các thao tác phân tích, so sánh, đánh giá và rút ra kết luận, giúp HS rèn luyện tư duy phản biện và khả năng tổng hợp tri thức lịch sử. Ví dụ khi dạy học *Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225)* sử dụng video “*Vua Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn*” để hiểu rõ hơn về bộ máy chính trị và *Bài 17. Đại Việt thời Lê Sơ (1428-1527)* sử dụng video “*Đất nước dưới thời Vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi)*” để HS có thể thực hiện so sánh sơ đồ bộ máy chính quyền qua hai thời kỳ để thấy được sự hoàn thiện và tính tập quyền ngày càng cao của nhà nước quân chủ chuyên chế.

Hoặc sử dụng video “*Cuộc Kháng chiến chống Quân Nguyên Mông lần thứ 2*” trong dạy học *Bài 14 ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên*. HS xem video, phân tích kế sách đánh giặc và tinh thần đoàn kết của quân dân nhà Trần.

Đồng thời, video góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học. HS có thể chủ động điều chỉnh thời gian và tốc độ tiếp cận nội dung thông qua các thao tác như tạm dừng hoặc xem lại, từ đó nâng cao tính tự chủ trong học tập. Trong việc rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác video được sử dụng như một nhiệm vụ chung, yêu cầu HS phải trao đổi, thảo luận để giải quyết vấn đề. Khi dạy *Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)*, về những năm đầu của cuộc khởi nghĩa khởi nghĩa (1418-1423), GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, cùng xem video và thảo luận để hiểu về cách mà khởi nghĩa Lam Sơn đã vượt qua giai đoạn khó khăn trước sự vây quét của chính quyền đô hộ nhà Minh để “*từ cuộc khởi nghĩa địa phương trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc*”. Qua đó rèn luyện khả năng trình bày và lắng nghe ý kiến đồng đội. Hoặc với *Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) về những thành tựu của nước Đại Việt* trên các lĩnh vực về văn hóa, GV có thể giao cho HS cùng nhau lên ý tưởng và thực hiện một video ngắn, video

thực tế ảo 360° tham quan di sản văn hóa Đại Việt giới thiệu về một danh nhân hoặc thành tựu văn hóa thời Lê sơ, hoạt động đòi hỏi sự phân công công việc và phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên nhờ đó năng lực tự chủ và tự học của các em được hoàn thiện.

Bên cạnh đó, việc khai thác video trong các hoạt động nhóm còn góp phần rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, thông qua quá trình trao đổi, thảo luận và phản biện của HS.

Trong việc rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, video được sử dụng như một nhiệm vụ chung, yêu cầu HS phải trao đổi, thảo luận để giải quyết vấn đề. Khi dạy *Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)*, về các giai đoạn của khởi nghĩa Lam Sơn, GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, cùng xem video và thảo luận về quá trình mà khởi nghĩa Lam Sơn đã vượt qua các giai đoạn khó khăn, trước sự vây quét của chính quyền đô hộ nhà Minh và trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Qua đó rèn luyện khả năng trình bày và lắng nghe ý kiến đồng đội. Hoặc với *Bài 17. Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527)*, GV có thể giao cho HS cùng nhau lên ý tưởng và thực hiện một video ngắn, video thực tế ảo 360° tham quan di sản văn hóa Đại Việt giới thiệu về một danh nhân hoặc thành tựu văn hóa thời Lê Sơ, hoạt động này đòi hỏi sự phân công công việc và phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên giúp hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác cho các em.

Việc sử dụng các loại hình video tương tác giúp HS chủ động chiếm lĩnh kiến thức và kiểm tra mức độ hiểu bài của bản thân, do vậy mà năng lực tự chủ và tự học dần được hoàn thiện. Trong dạy học phân môn lịch sử lớp 7 *Bài 10. Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 – 1009)* GV có thể giao nhiệm vụ cho HS tự xem video ở nhà (mô hình lớp học đảo ngược) qua video thuyết minh bài giảng hoặc video sơ đồ hóa nội dung về thời Đinh - Tiền Lê, HS tự ghi chép lại các mốc thời gian quan trọng và hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy, thể hiện tính tự giác và chủ động trong học tập. Hoặc trong *Bài 12 Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)* khi xem video về cuộc kháng chống quân xâm lược Tống, HS phải dừng lại để trả lời các câu hỏi gắn với video. Điều này giúp HS tự đánh giá mức độ tiếp thu và điều chỉnh tốc độ học tập phù hợp với bản thân.

Như vậy, thông qua hệ thống video học liệu đa dạng (tài liệu, hoạt hình đồ họa, mô phỏng 3D, video AI, video tương tác), HS không chỉ nắm vững tri thức lịch sử mà còn được rèn luyện các năng lực cốt lõi theo định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành như năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và

hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, đồng thời phát triển năng lực đặc thù môn Lịch sử gồm tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn.

1.1.3.3. Vai trò trong tổ chức dạy học

Xét ở góc độ tổ chức dạy học, việc sử dụng video góp phần linh hoạt hóa tiến trình sư phạm. GV có thể khai thác video ở nhiều hoạt động khác nhau của bài học như khởi động, HTKT, luyện tập, củng cố và đánh giá, qua đó tạo sự đa dạng trong hình thức tổ chức và hạn chế sự đơn điệu của PPDH truyền thống. Đối với *Bài 16 khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)*, sử dụng video “*Nghĩa quân Lam Sơn đại thắng ở Chi Lăng*” mô phỏng cảnh nghĩa quân sử dụng chiến thuật dụ địch vào trận địa mai phục giúp HS hình dung rõ nét nghệ thuật quân sự độc đáo của cha ông. Video được khai thác ở hoạt động HTKT để thay thế những đoạn mô tả khô khan, giúp trực quan hóa các diễn biến chiến lược phức tạp mà sơ đồ tĩnh không thể hiện hết. Điều này có mục đích tạo sự linh hoạt trong tổ chức dạy học, giúp HS chủ động phân tích tư liệu và thay đổi không khí lớp học so với phương pháp thuyết giảng truyền thống.

Bên cạnh đó, video đóng vai trò là cầu nối cho các mô hình dạy học hiện đại như dạy học kết hợp và lớp học đảo ngược, phù hợp với xu thế chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay. Trong nội dung về kiến trúc và điêu khắc Chăm-pa (*Bài 18 Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI*), việc sử dụng video “*Mỹ Sơn - 20 năm di sản thế giới*” đóng vai trò là học liệu số cốt lõi để GV gửi trước cho HS tìm hiểu tại nhà về kỹ thuật xây tháp và điêu khắc đá. Video được khai thác theo mô hình lớp học đảo ngược, giúp giải phóng thời gian thuyết giảng trên lớp để tập trung vào các hoạt động thảo luận chuyên sâu và thực hành phân tích đặc điểm văn hóa. Điều này tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ, giúp chuyển đổi hình thức học tập từ thụ động sang chủ động và đáp ứng đúng yêu cầu số hóa tư liệu trong dạy học lịch sử hiện nay.

Trong dạy học lịch sử, video đóng vai trò là phương tiện tái hiện quá khứ, góp phần khắc phục khoảng cách về thời gian lịch sử. Việc sử dụng phim tư liệu và video mô phỏng giúp HS tiếp cận bối cảnh văn hóa - xã hội một cách trực quan, từ đó hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, video dạy học không chỉ là một phương tiện hỗ trợ mà còn là một học liệu số có vai trò quan trọng trong việc tổ chức hoạt động học tập theo định hướng phát triển năng lực. Việc khai thác video một cách khoa học và có định hướng sư phạm rõ ràng không chỉ góp

phần nâng cao chất lượng dạy học mà còn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, đây là cơ sở lí luận quan trọng cho việc đề xuất các biện pháp sử dụng video trong dạy học ở các chương tiếp theo

1.1.4. Một số yêu cầu trong xây dựng và sử dụng video trong dạy học

Trong quá trình thiết kế KHBD mỗi GV tiến hành việc xây dựng và sử dụng video cần đáp ứng đồng thời các yêu cầu về tính khoa học, tính sư phạm và tính kỹ thuật nhằm đảm bảo hiệu quả bài học. Trong đó tính khoa học giữ vai trò nền tảng, tính sư phạm định hướng quá trình tổ chức dạy học, còn yếu tố kỹ thuật là điều kiện đảm bảo cho việc triển khai hiệu quả trong thực tiễn.

1.1.4.1. Yêu cầu về nội dung

Video dạy học phải đảm bảo tính chính xác và chuẩn mực khoa học. Nội dung cần phản ánh đúng các kiến thức, khái niệm, sự kiện, nhân vật và mốc thời gian theo Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành (Bộ GD&ĐT, 2018). Đối với môn Lịch sử và Địa lí, mọi sai lệch về dữ liệu không chỉ làm giảm độ tin cậy mà còn có thể dẫn đến nhận thức sai lệch của HS.

Đây là yêu cầu tiên quyết, giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành biểu tượng lịch sử đúng đắn cho người học. Video học liệu phải dựa trên nguồn sử liệu chính thống, đảm bảo tính khách quan và trung thực tuyệt đối. Chẳng hạn, khi xây dựng học liệu cho *Bài 11 Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (lịch sử địa lí lớp 7)* việc mô phỏng phòng tuyến Như Nguyệt phải bám sát các mô tả về chiều dài và vị trí địa lí trong sử liệu để giúp HS nhận thức đúng về nghệ thuật quân sự của Lý Thường Kiệt.

Bên cạnh đó, nội dung cần đảm bảo tính chọn lọc và tính cập nhật. Việc lựa chọn phải tập trung vào các đơn vị kiến thức cốt lõi, tránh dàn trải, đồng thời phản ánh những biến đổi của thực tiễn như sự thay đổi các địa danh hành chính sau đợt sắp xếp, sáp nhập năm 2025. Sự kết hợp giữa tính chính xác, chọn lọc và cập nhật góp phần nâng cao giá trị khoa học và tính ứng dụng của video dạy học, tạo cơ sở cho việc triển khai các yêu cầu sư phạm tiếp theo.

1.1.4.2. Yêu cầu về tính Đảng

Nội dung video dạy học lịch sử cần đảm bảo yêu cầu về tính Đảng và định hướng giáo dục tư tưởng. Việc lựa chọn và khai thác tư liệu lịch sử phải phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng, phản ánh đúng bản chất của các sự kiện lịch sử dân tộc, góp phần bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh môi trường số hiện nay tồn tại nhiều nguồn thông tin thiếu kiểm chứng hoặc có xu

hướng xuyên tạc lịch sử. Vì vậy, GV cần ưu tiên sử dụng các nguồn tư liệu chính thống, có độ tin cậy cao, đồng thời định hướng cho HS cách tiếp cận, phân tích và đánh giá thông tin lịch sử một cách khách quan, đúng đắn.

Ví dụ, khi xây dựng video cho *Bài 14 Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên*, nội dung cần làm nổi bật tinh thần đoàn kết toàn dân, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc và nghệ thuật quân sự sáng tạo của nhà Trần. Qua các hình ảnh tái hiện Hội nghị Diên Hồng, chiến thắng Bạch Đằng hay tinh thần hi sinh của quân dân Đại Việt, HS không chỉ tiếp nhận kiến thức lịch sử mà còn được giáo dục lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm đối với đất nước. Tương tự, trong *Bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)*, video cần nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Lê Lợi, Nguyễn Trãi cùng tinh thần đấu tranh kiên cường của nghĩa quân Lam Sơn, nhằm giúp HS nhận thức đúng về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm và giá trị của độc lập dân tộc.

1.1.4.3. Yêu cầu về sư phạm

Trên cơ sở đảm bảo tính khoa học của nội dung, yêu cầu về sư phạm giữ vai trò định hướng cách thức tổ chức và khai thác video trong dạy học.

Yếu tố sư phạm là tiêu chí cốt lõi để phân biệt video dạy học với các sản phẩm video thông thường. Video cần được thiết kế với mục tiêu sư phạm rõ ràng, phục vụ cụ thể cho từng giai đoạn trong tiến trình dạy học như khởi động, HTKT, luyện tập, củng cố hoặc đánh giá. Phương tiện trực quan chỉ phát huy hiệu quả khi được sử dụng đúng mục đích, đúng thời điểm và phù hợp với đối tượng người học.

Video được khai thác là công cụ tổ chức hoạt động học tập tích cực chứ không chỉ dừng lại ở phương tiện quan sát thụ động. Cấu trúc video phải tương ứng với các yêu cầu năng lực đặc thù của bộ môn trong tiến trình dạy học: *Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên*, thông qua các đoạn phim tư liệu về kháng chiến chống Mông - Nguyên, GV có thể yêu cầu HS phân tích nguyên nhân thắng lợi và đánh giá về kế sách “*vườn không nhà trống*”, từ đó rút ra quy luật về nghệ thuật quân sự lấy dân làm gốc của nhà Trần. Qua đó, phát triển năng lực phân tích và đánh giá của HS. Với *Bài 10 Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 – 1009)*, GV có thể cung cấp video thuyết minh về bộ máy chính quyền thời Đinh - Tiền Lê để HS tự nghiên cứu, hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy trước khi đến lớp, qua đó rèn luyện khả năng học tập độc lập. Nhờ vậy, năng lực tự chủ và tự học của các em được rèn luyện tốt hơn.

Ngoài ra, thời lượng video cần được kiểm soát hợp lý nhằm tránh quá tải nhận thức. Cụ thể, video khởi động nên kéo dài từ 1-2 phút; video HTKT khoảng

3-5 phút và video luyện tập, củng cố khoảng 2-3 phút. Việc phân bổ thời lượng phù hợp giúp duy trì sự tập trung.

Đặc biệt, việc thiết kế video cần tuân thủ nguyên tắc đa phương tiện. Sự kết hợp hợp lý giữa kênh hình và kênh tiếng có thể đạt hiệu quả cao trong quá trình xử lý thông tin, đồng thời hạn chế hiện tượng quá tải nhận thức do trùng lặp hoặc dư thừa thông tin đối với người học.

1.1.4.4. Yêu cầu về kỹ thuật và tính trực quan

Trong xây dựng và sử dụng video, chất lượng kỹ thuật là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của HS. Tính trực quan thể hiện ở việc lựa chọn các thước video liệu tái hiện đúng bối cảnh, trang phục và khí giới của từng thời đại lịch sử.

Khi thiết kế KHBD phân môn lịch sử lớp 7, *Bài.9 Đất nước buổi đầu độc lập (939 – 967)* GV có thể sử dụng video về “Ngô Quyền dựng nền tự chủ”, để giúp HS hiểu rõ hơn về kế hoạch sử dụng trận địa cọc gỗ. Nếu hình ảnh mờ, HS sẽ khó hình dung được sự hiểm hóc của nghệ thuật quân sự này.

Bài 11 Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước GV sử dụng các đoạn video tái hiện kiến trúc Hoàng thành Thăng Long. Hình ảnh sắc nét giúp HS nhận diện được sự tinh xảo của “*Hình tượng rồng thời Lý*” hay sự quy mô của các công trình kiến trúc Phật giáo.

Một video có chất lượng kỹ thuật cao giúp HS không bị phân tâm bởi các điểm ảnh vỡ hay màu sắc sai lệch, từ đó tập trung tối đa vào nội dung bài học. Hình ảnh cần rõ nét (chuẩn tối thiểu HD 720p hoặc Full HD 1080p), có tính trực quan và khả năng minh họa cao. Âm thanh phải đảm bảo rõ ràng, không nhiễu; lời thuyết minh mạch lạc, phù hợp với tốc độ tiếp nhận của người học. Bên cạnh đó, nhịp độ trình bày cần được điều chỉnh hợp lý, tránh tình trạng quá nhanh gây quá tải hoặc quá chậm làm giảm hứng thú. Việc thiết kế các khoảng dừng hợp lý trong video góp phần hỗ trợ quá trình xử lý thông tin và củng cố nhận thức.

1.1.4.5. Yêu cầu về tính tương tác và định hướng hoạt động học tập

Không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo nội dung và hình thức trình bày, video dạy học cần được thiết kế theo hướng tăng cường tính tương tác nhằm kích thích hoạt động nhận thức của người học.

Trong dạy học hiện đại, video không nên chỉ đóng vai trò truyền tải thông tin một chiều mà cần gắn với hệ thống nhiệm vụ học tập cụ thể. Khi được tích hợp với các hoạt động như câu hỏi định hướng, PHT hoặc thảo luận nhóm, video có thể thúc đẩy người học chuyển từ trạng thái tiếp nhận thụ động sang chủ động quan sát, phân tích và xử lý thông tin.

Các hình thức tương tác có thể bao gồm: đặt câu hỏi trong quá trình xem; yêu cầu ghi chú, hoàn thành bảng biểu; tổ chức câu hỏi trắc nghiệm hoặc dự đoán tình huống. Những hình thức này không chỉ nâng cao hiệu quả nhận thức mà còn hỗ trợ GV theo dõi và đánh giá quá trình học tập.

Ví dụ, trong *Bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)*, GV có thể sử dụng video “*Nghĩa quân Lam Sơn đại thắng ở Chi Lăng*” nhằm hỗ trợ HS tìm hiểu diễn biến và ý nghĩa của chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang trong cuộc khởi nghĩa. Trước khi xem, GV giao nhiệm vụ cho HS xác định bối cảnh diễn ra trận Chi Lăng, diễn biến và vai trò của Lê Lợi cùng Nguyễn Trãi trong cuộc khởi nghĩa. Trong quá trình xem, học sinh hoàn thành PHT theo các nội dung: thời gian, diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng. Sau khi xem, GV tổ chức thảo luận nhóm với câu hỏi: “*Vì sao chiến thắng Chi Lăng có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn?*” hoặc “*Bài học lịch sử nào có thể rút ra từ nghệ thuật quân sự của nghĩa quân Lam Sơn?*”.

1.1.4.6. Yêu cầu về đánh giá và cải tiến

Bên cạnh việc xây dựng và sử dụng, video dạy học cần được đánh giá và cải tiến thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Hiệu quả của học liệu số chỉ được đảm bảo khi có sự điều chỉnh liên tục dựa trên phản hồi của người học. Việc quan sát mức độ tham gia, phân tích kết quả học tập và thu thập ý kiến phản hồi cho phép GV điều chỉnh nội dung, hình thức cũng như cách thức sử dụng video cho phù hợp với

Yêu cầu trong xây dựng và sử dụng video dạy học không tồn tại rời rạc mà tạo thành một chỉnh thể thống nhất, trong đó tính khoa học là nền tảng, tính sư phạm là trục định hướng và yếu tố kỹ thuật là điều kiện đảm bảo. Việc tuân thủ hệ thống yêu cầu này không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng video mà còn góp phần hình thành một khung lý luận cho thiết kế học liệu số trong dạy học hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

1.1.5. Chương trình môn học Lịch sử và Địa lí lớp 7

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 7 được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đây là môn học tích hợp giữa hai phân môn Lịch sử và Địa lí, nhằm giúp HS không chỉ nắm vững tri thức về quá khứ và không gian địa lí mà còn hình thành tư duy lịch sử - địa lí, năng lực tìm hiểu, phân tích và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Việc tích hợp hai phân môn không đơn thuần là sự ghép nối nội dung, mà phản ánh rõ quan điểm tiếp cận liên ngành trong giáo dục hiện đại. Theo đó, tri thức lịch sử và địa lí được tổ chức trong mối quan hệ tương tác, giúp HS nhận thức hiện tượng trong sự thống nhất giữa thời gian và không gian, giữa tự nhiên và xã hội. Cách tiếp cận này không chỉ mở rộng phạm vi nhận thức mà còn góp phần hình thành tư duy hệ thống, năng lực liên kết tri thức và khả năng phân tích vấn đề một cách toàn diện - những năng lực cốt lõi trong giáo dục định hướng phát triển năng lực.

Xét về cấu trúc chương trình, nội dung được thiết kế theo hướng kết hợp giữa các mạch kiến thức của hai phân môn và một số chủ đề tích hợp. Trong đó, phần lịch sử tập trung vào giai đoạn trung đại của lịch sử thế giới và Việt Nam; phần Địa lí hướng đến việc tìm hiểu đặc điểm tự nhiên, dân cư và các vấn đề khai thác, bảo vệ môi trường ở các châu lục. Cách cấu trúc này cho thấy sự chuyển dịch từ tổ chức nội dung theo môn học đơn tuyến sang mô hình tích hợp, qua đó tăng cường khả năng liên hệ, so sánh và vận dụng kiến thức trong các bối cảnh học tập khác nhau.

Đối với phân môn Lịch sử, nội dung lớp 7 tập trung vào giai đoạn từ thế kỷ V đến thế kỷ XVI. Đặc biệt, lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI phản ánh quá trình hình thành, củng cố và phát triển của nhà nước phong kiến độc lập sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc. Đây là giai đoạn mang tính nền tảng trong tiến trình lịch sử dân tộc, đánh dấu sự xác lập và phát triển của quốc gia Đại Việt qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và Lê sơ, cùng những thành tựu quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa).

Chương trình không chỉ dừng lại ở yêu cầu ghi nhớ sự kiện, niên đại hay nhân vật lịch sử, mà quan trọng hơn là hướng tới việc lí giải bản chất của các hiện tượng lịch sử thông qua phân tích bối cảnh, nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa. Điều này thể hiện rõ sự chuyển dịch từ dạy học theo nội dung sang dạy học phát triển năng lực, trong đó tư duy lịch sử giữ vai trò trung tâm và là cơ sở để hình thành năng lực nhận thức lịch sử ở HS.

Về phương diện năng lực, HS cần được hình thành và phát triển các năng lực đặc thù như năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực tư duy lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Để đáp ứng các yêu cầu này, người học cần được tiếp cận với hệ thống tư liệu đa dạng, đồng thời rèn luyện các kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh và đánh giá hiện tượng lịch sử. Điều này đặt ra yêu cầu tất yếu về đổi mới phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó học liệu số - đặc biệt

là video - đóng vai trò ngày càng quan trọng với tư cách là công cụ trực quan hóa và tổ chức tri thức.

Một điểm có ý nghĩa đáng chú ý trong chương trình là định hướng tăng cường ứng dụng CNTT và học liệu số trong dạy học. Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT, hệ thống thiết bị dạy học tối thiểu đã bao gồm các phương tiện trình chiếu, máy tính và Internet, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp video trong tổ chức dạy học [4]. Điều này cho thấy việc sử dụng video không còn mang tính lựa chọn tùy ý mà đã trở thành một yêu cầu phù hợp với xu thế chuyển đổi PPDH trong bối cảnh giáo dục số.

Đối với nội dung Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI, chương trình bao hàm nhiều nội dung trừu tượng như tiến trình hình thành nhà nước, quan hệ chính trị - xã hội và sự biến đổi lãnh thổ. Đây là những nội dung có tính khái quát cao, đòi hỏi năng lực tư duy trừu tượng và khả năng hình dung bối cảnh lịch sử của HS. Trong điều kiện đó, nếu chỉ tiếp cận bằng kênh chữ và lời giảng, người học dễ gặp khó khăn trong việc tái hiện không gian - thời gian lịch sử. Vì vậy, các phương tiện trực quan, đặc biệt là video, có vai trò quan trọng trong việc tái hiện bối cảnh lịch sử, hỗ trợ hình thành biểu tượng lịch sử và nâng cao hiệu quả ghi nhớ.

Không chỉ dừng lại ở chức năng nhận thức, video còn có ý nghĩa sâu sắc trong giáo dục thái độ, tình cảm và giá trị lịch sử. Thông qua hình ảnh sinh động về các cuộc kháng chiến, quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, cũng như các nhân vật lịch sử tiêu biểu, video góp phần khơi gợi lòng yêu nước, ý thức dân tộc và hứng thú học tập của HS. Do đó, video không chỉ là phương tiện truyền tải thông tin mà còn là công cụ tác động đến cảm xúc và động cơ học tập, qua đó hỗ trợ hình thành các giá trị giáo dục lịch sử một cách bền vững.

Có thể khẳng định rằng, chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 7 với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, cùng yêu cầu cao về tư duy lịch sử và tăng cường ứng dụng CNTT, đã thiết lập một cơ sở lí luận và thực tiễn quan trọng cho việc đổi mới PPDH. Đáng chú ý, chương trình không chỉ định hướng nội dung dạy học mà còn tái cấu trúc cách tiếp cận tri thức theo hướng tích hợp, mở và đa phương tiện.

Trên nền tảng đó, việc sử dụng video không chỉ phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình mà còn có cơ sở khoa học rõ ràng trong việc tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực. Video vì vậy không chỉ được xem là phương tiện hỗ trợ trực quan, mà còn là công cụ sư phạm quan trọng trong việc tái hiện không gian - thời gian lịch sử, tổ chức tri thức và kích thích hoạt động nhận thức tích cực

của HS. Điều này khẳng định vai trò thiết yếu của video trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính hấp dẫn của dạy học Lịch sử ở trường THCS.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Thực trạng sử dụng video trong dạy học

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc ứng dụng CNTT và học liệu số trong dạy học ngày càng được chú trọng. Trong đó, video được sử dụng khá phổ biến như một dạng học liệu số có khả năng tích hợp hình ảnh, âm thanh và ngôn ngữ, góp phần trực quan hóa nội dung học tập, tăng tính sinh động của bài giảng và hỗ trợ HS tiếp cận kiến thức hiệu quả hơn.

Thực tiễn cho thấy, việc sử dụng video trong dạy học diễn ra với mức độ khác nhau giữa GV, môn học và cơ sở giáo dục. Video thường được khai thác ở một số hoạt động như khởi động, hình thành kiến thức mới hoặc củng cố bài học. Tuy nhiên, ở nhiều trường hợp, video vẫn chủ yếu được sử dụng như phương tiện minh họa đơn lẻ, chưa được tích hợp có hệ thống vào kế hoạch bài dạy và chuỗi hoạt động học tập. Việc khai thác video chưa gắn chặt với hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ học tập hoặc tiêu chí đánh giá nên chưa phát huy đầy đủ vai trò tích cực của HS.

Đối với môn Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, video có ý nghĩa đặc biệt do đặc trưng kiến thức gắn với không gian, thời gian và nhiều nội dung khó quan sát trực tiếp. Video hỗ trợ tái hiện sự kiện lịch sử, mô phỏng hiện tượng địa lí và cung cấp hình ảnh trực quan về các quá trình tự nhiên – xã hội, từ đó giúp HS dễ hình dung và ghi nhớ kiến thức.

Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí vẫn còn phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, nguồn học liệu và năng lực ứng dụng CNTT của GV. Vì vậy, việc sử dụng video cần được tổ chức có chủ đích, phù hợp với mục tiêu bài học và gắn với hoạt động học tập cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dạy học

1.2.2. Thực trạng xây dựng và sử dụng video trong môn Lịch sử và Địa lí

Môn Lịch sử và Địa lí ở THCS có đặc trưng là hệ thống kiến thức gắn với không gian, thời gian và nhiều nội dung khó quan sát trực tiếp. Vì vậy, video được xem là học liệu số có vai trò quan trọng trong trực quan hóa kiến thức, hỗ trợ HS hình dung sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí và các quá trình tự nhiên – xã hội, phù hợp định hướng phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018.

Trong thực tiễn dạy học, GV đã bước đầu sử dụng video ở các hoạt động như khởi động, minh họa nội dung hoặc củng cố bài học. Tuy nhiên, video chủ yếu được

khai thác như công cụ hỗ trợ trực quan, chưa thực sự trở thành thành tố xuyên suốt trong tiến trình dạy học với thiết kế sư phạm rõ ràng. Việc tổ chức hoạt động sau khi xem video còn đơn giản, chủ yếu dừng ở đặt câu hỏi ngắn hoặc yêu cầu HS nhắc lại nội dung.

Mức độ khai thác video giữa các GV có sự khác biệt, phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, nguồn học liệu và năng lực ứng dụng CNTT. Một số GV tích cực sử dụng video nhằm tăng tính trực quan cho bài học, song vẫn còn GV gặp khó khăn do thiếu thời gian thiết kế, hạn chế kỹ năng xây dựng học liệu số hoặc chưa quen tích hợp video vào tiến trình dạy học.

Nhìn chung, việc sử dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí đã được triển khai nhưng còn rời rạc, chưa đồng bộ và chưa phát huy đầy đủ vai trò trong phát triển năng lực HS.

1.2.2.1. Thông tin chung về quá trình điều tra, khảo sát

a. Mục tiêu khảo sát

Đánh giá thực trạng sử dụng video trong thiết kế và tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS; khảo sát năng lực xây dựng video của GV; xác định thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng video trong dạy học.

b. Thiết kế khảo sát

Đối tượng khảo sát: GV dạy bộ môn tại trường THCS (có kinh nghiệm giảng dạy tối thiểu 1 năm).

Phạm vi khảo sát: các trường THCS thuộc các khu vực khác nhau (nông thôn, thành thị, miền núi, biển...).

Công cụ và hình thức khảo sát

- Công cụ khảo sát: Thông qua phiếu khảo sát: phiếu khảo sát của GV dạy các trường THCS

- Hình thức khảo sát: Khảo sát trực tuyến thông qua Google Forms, nhằm đảm bảo thu thập dữ liệu đa dạng và thuận tiện cho đối tượng tham gia.

Nội dung khảo sát

+ Phần A: Thông tin chung thu thập các thông tin cơ bản của đối tượng khảo sát như họ tên, giới tính, trình độ chuyên môn, đơn vị công tác và thâm niên giảng dạy.

+ Phần B: Nội dung khảo sát tập trung vào việc tìm hiểu thực trạng sử dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Nội dung bao gồm mức độ đồng ý đối với các nhận định về vai trò và hiệu quả của video trong dạy học; các hình thức sử

dụng video trong tổ chức hoạt động học tập; tiêu chí đánh giá video dạy học hiệu quả; tỷ trọng sử dụng video trong quá trình dạy học; mức độ cần thiết của việc xây dựng và khai thác video trong nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X – XVI; kinh nghiệm của GV trong thiết kế và sử dụng video; các loại video mang lại hiệu quả trực quan; mức độ mong muốn tích hợp công nghệ (AI, VR, 3D) vào video dạy học; và các đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng video trong dạy học.

Quy trình thực hiện khảo sát

- Xây dựng bộ câu hỏi.
- Triển khai khảo sát: khảo sát GV tại trường THCS (22 GV).

c. Thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu

Với việc thực hiện khảo sát trên Google Forms đã hỗ trợ cơ bản việc xử lý dữ liệu khảo sát, GV tiến hành phân tích số liệu, thông qua việc thống kê mô tả tỉ lệ %, số lượng,.. các thông tin khảo sát. Thực hiện phân tích sâu, các nội dung như: so sánh tỷ lệ sử dụng video theo nhóm tuổi, thâm niên; phân tích mối tương quan giữa năng lực ứng dụng video; trực quan hóa dữ liệu thông qua biểu đồ cột, tròn, bảng tổng hợp để minh họa các kết quả quan trọng.

1.2.1.2. Kết quả khảo sát

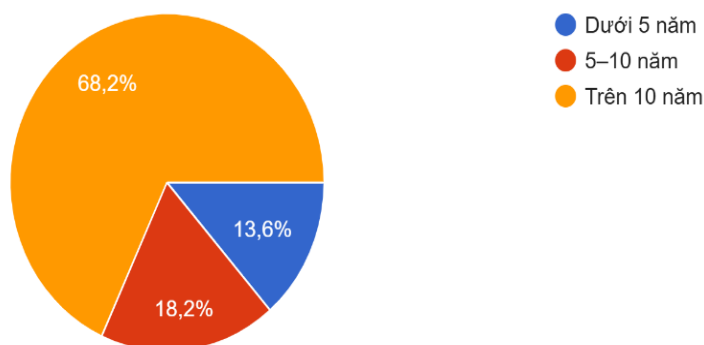
Đề tài thu thập được thông tin phản hồi của 22 GV, tại các trường: 11 trường ở cả khu vực nông thôn và thành phố, cụ thể:

Bảng 1.1. Danh sách thống kê các trường THCS có GV tham gia khảo sát

STT	Tên trường	Số GV	Tỷ lệ (%)
1	THCS Thanh Sơn	3	13,6%
2	THCS Ninh Tiến	4	18,2%
3	TH & THCS Tuân Đạo (Phú Thọ)	1	4,5%
4	THCS IQ	2	9,1%
5	THCS Ninh Khang	1	4,5%
6	THCS Trương Hán Siêu	1	4,5%
7	THCS Ninh Mỹ	1	4,5%
8	THCS Thạch Bình – Phú Sơn	3	13,6%
9	THCS Vũ Phạm Khải	4	18,2%
10	THCS Yên Đồng	1	4,5%
11	THCS Ninh Bình – Bạc Liêu	1	4,5%
Tổng cộng		22	100%

Về thâm niên giảng dạy, nhóm GV có trên 10 năm kinh nghiệm chiếm tỉ lệ cao nhất với 68,2%, tiếp đến là nhóm từ 5–10 năm (18,2%) và dưới 5 năm (13,6%). Điều này cho thấy lực lượng tham gia khảo sát chủ yếu là GV có nhiều kinh nghiệm chuyên môn, đồng thời vẫn có sự tham gia của GV trẻ.

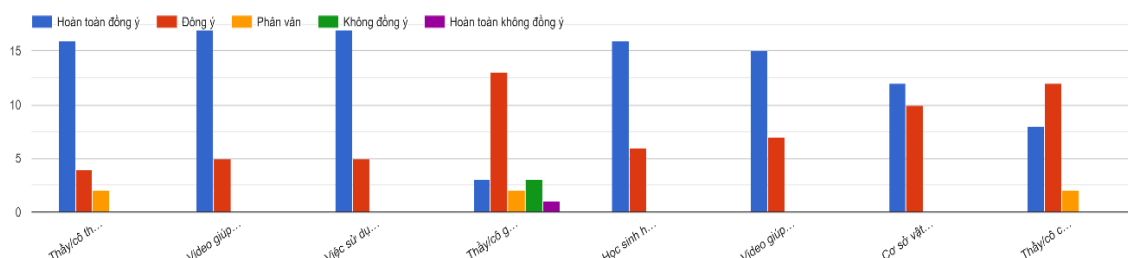
Nhóm GV lâu năm có ưu thế về kinh nghiệm sư phạm nhưng có thể gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ mới. Ngược lại, GV trẻ có khả năng ứng dụng CNTT linh hoạt hơn nhưng còn hạn chế về kinh nghiệm tổ chức dạy học.



Biểu đồ 1.1. Biểu đồ thống kê thâm niên giảng dạy của GV.

Về nhận thức, 63,6% GV hoàn toàn đồng ý và 27,3% đồng ý với việc thường xuyên sử dụng video trong giảng dạy. Đặc biệt, 100% GV cho rằng video giúp HS dễ hình dung kiến thức, trong đó 81,8% hoàn toàn đồng ý.

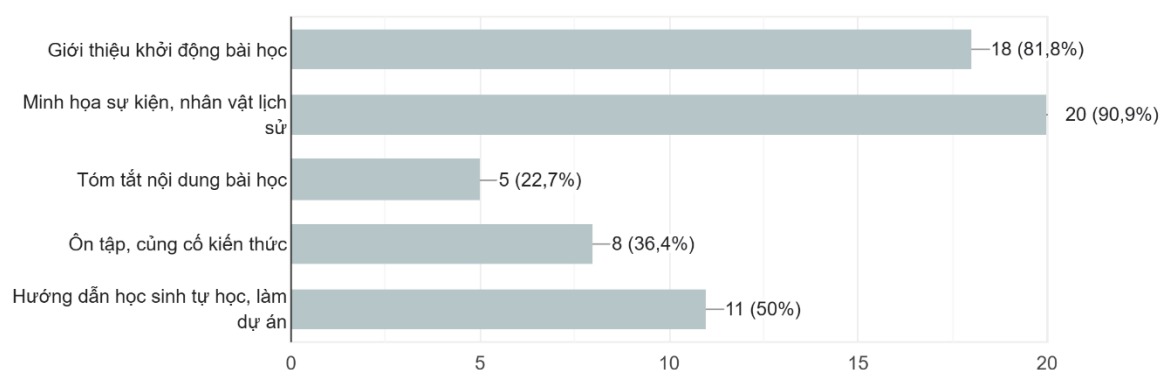
Kết quả này cho thấy GV nhìn nhận khá rõ vai trò của video trong trực quan hóa nội dung học tập, nhất là đối với môn học có nhiều kiến thức trừu tượng về thời gian, không gian và bối cảnh lịch sử. Điều đó phản ánh xu hướng tích cực trong đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng học liệu số.



Biểu đồ 1.2. Nhận thức và quan điểm trong việc sử dụng video trong dạy học của GV

Về hình thức sử dụng, video được khai thác chủ yếu để minh họa sự kiện, nhân vật lịch sử với 90,9% lựa chọn; hoạt động khởi động bài học đạt 81,8%. Trong khi đó, chỉ 22,7% GV sử dụng video để tóm tắt nội dung bài học.

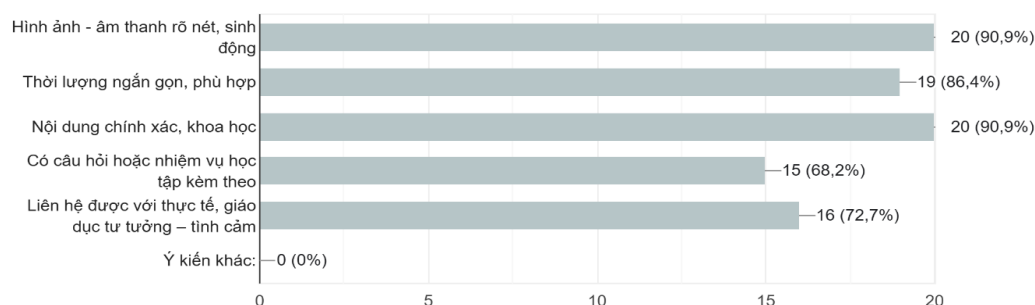
Số liệu cho thấy video hiện nay vẫn chủ yếu được sử dụng như công cụ hỗ trợ minh họa và tạo hứng thú ban đầu, chưa được khai thác mạnh trong các hoạt động hệ thống hóa kiến thức hoặc phát triển năng lực tự học của HS.



Biểu đồ 1.3. Các hình thức video được sử dụng trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí

Về tiêu chí đánh giá video hiệu quả, hai tiêu chí được lựa chọn cao nhất là nội dung chính xác, khoa học và hình ảnh – âm thanh rõ nét, cùng đạt 90,9%; tiếp đến là tiêu chí thời lượng ngắn gọn, phù hợp với 86,4%.

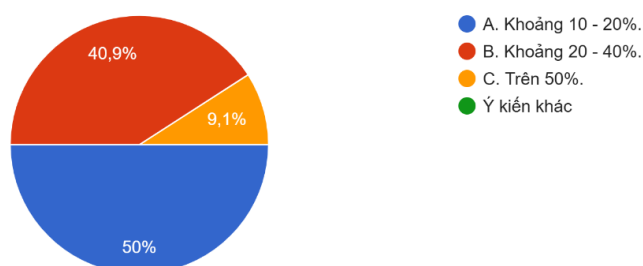
Điều này cho thấy GV không chỉ quan tâm đến hình thức trực quan mà còn đặc biệt coi trọng độ tin cậy và tính phù hợp sư phạm của video. Đây là yêu cầu quan trọng trong thiết kế video phục vụ dạy học môn Lịch sử và Địa lí.



Biểu đồ 1.4. Về tiêu chí đánh giá hiệu quả của video trong dạy học

Về mức độ sử dụng, 50% GV lựa chọn video chiếm từ 10–20% tổng thời lượng hoạt động hình thành kiến thức; 40,9% lựa chọn mức 20–40%. Chỉ 9,1% sử dụng ở mức trên 50%.

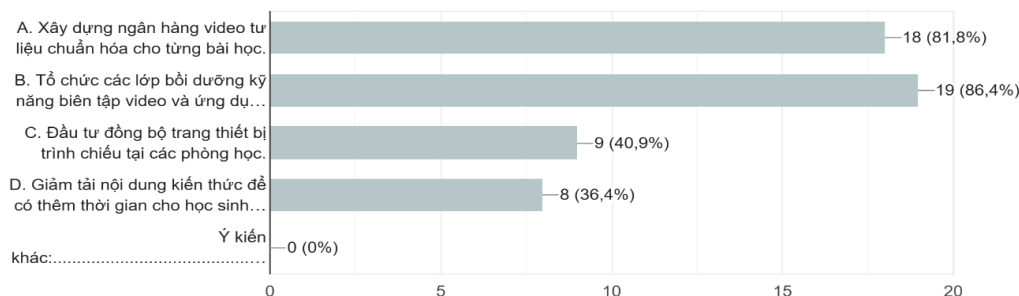
Kết quả này phản ánh quan điểm tương đối thống nhất của GV: video nên được sử dụng ở mức độ hợp lý như một phương tiện hỗ trợ, không thay thế vai trò định hướng và tổ chức hoạt động của GV.



Biểu đồ 1.5. Tỷ trọng video trong tổng thời lượng hoạt động HTKT

Về giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng video, 86,4% GV mong muốn được tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng biên tập video; 81,8% đề xuất xây dựng ngân hàng video tư liệu chuẩn hóa.

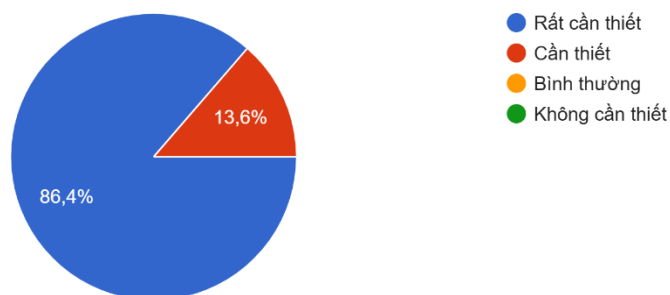
Điều này cho thấy khó khăn lớn nhất hiện nay không nằm ở nhận thức mà chủ yếu ở kỹ năng thiết kế học liệu và sự thiếu hụt nguồn video có chất lượng, phù hợp với mục tiêu bài học.



Biểu đồ 1.6. Đề xuất để nâng cao hiệu quả xây dựng và sử dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí

Khảo sát cũng cho thấy 86,4% GV đánh giá việc xây dựng và khai thác video trong dạy học nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X–XVI là rất cần thiết, còn lại 13,6% đánh giá cần thiết.

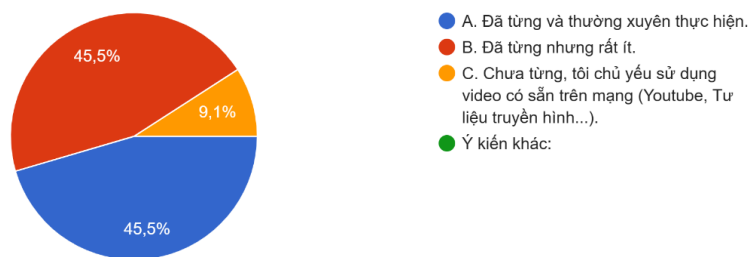
Sự đồng thuận cao này cho thấy nhu cầu ứng dụng video đối với nội dung lịch sử trung đại là rất lớn, bởi đây là giai đoạn có nhiều sự kiện và bối cảnh khó tái hiện bằng lời giảng hoặc kênh chữ đơn thuần.



Biểu đồ 1.7. Mức độ cần thiết của việc xây dựng và khai thác video trong dạy học nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến XVI môn lịch sử và Địa lí lớp 7

Về khả năng tự thiết kế video, 45,5% GV cho biết thường xuyên tự thiết kế và sử dụng; 45,5% chỉ thực hiện ở mức hạn chế, và 9,1% chưa từng thực hiện.

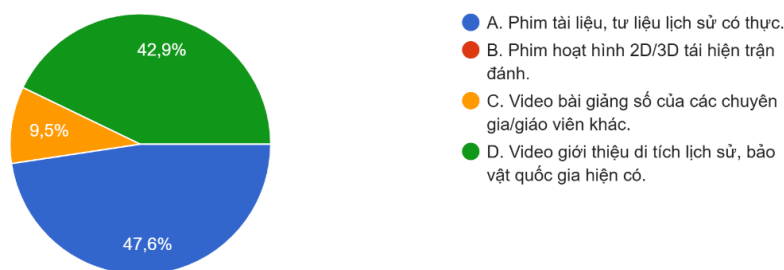
Kết quả cho thấy mặc dù GV nhận thức rõ vai trò của video nhưng năng lực tự xây dựng học liệu số vẫn chưa đồng đều. Đây là khoảng cách đáng chú ý giữa nhu cầu đổi mới và khả năng triển khai thực tế.



Biểu đồ 1.8. Mức độ tự thiết kế video của GV

Đối với loại hình video hiệu quả, 47,6% GV ưu tiên phim tài liệu, tư liệu lịch sử có thực; 42,9% lựa chọn video giới thiệu di tích lịch sử và bảo vật quốc gia.

Xu hướng này cho thấy GV đề cao tính xác thực và giá trị tư liệu của video trong dạy học lịch sử, đồng thời ưu tiên các nguồn học liệu gắn với di sản và bằng chứng lịch sử cụ thể.



Biểu đồ 1.9. Đánh giá loại hình video mang lại hiệu quả trực quan nhất đối với nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - XVI (Lớp 7)

Về mức độ tích hợp công nghệ mới, 45,5% GV đánh giá mức độ cần thiết là rất cao và 40,9% đánh giá cao đối với AI, mô phỏng 3D và thực tế ảo trong video dạy học.

Điều này phản ánh xu hướng tiếp cận công nghệ ngày càng rõ nét, đồng thời cho thấy nhu cầu đổi mới học liệu theo hướng hiện đại, tăng khả năng trực quan hóa nội dung lịch sử.



Biểu đồ 1.10. Đánh giá mức độ cần thiết của việc tích hợp công nghệ (AI, thực tế ảo, 3D) vào các video trong bài giảng nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X – XVI

Từ kết quả khảo sát có thể thấy, việc xây dựng và sử dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí đã được triển khai tương đối phổ biến và nhận được đánh giá tích cực từ GV. Tuy nhiên, việc ứng dụng vẫn còn một số hạn chế như kỹ năng thiết kế video chưa đồng đều, nguồn học liệu còn thiếu tính hệ thống và cách thức tổ chức hoạt động học tập với video chưa thật sự đa dạng. Đây là cơ sở thực tiễn để đề tài tiếp tục đề xuất quy trình thiết kế và sử dụng video phù hợp với nội dung Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến XVI.

Bảng 1.2. Bảng thống kê đề xuất của GV tham gia khảo sát

STT	Nhóm đề xuất	Nội dung chi tiết
1	Phương pháp tổ chức dạy học	Kết hợp dạy học trực tiếp với giao nhiệm vụ qua dự án; sử dụng video để giảm thời gian giảng lý thuyết, tăng thời gian thảo luận và phản biện trên lớp.
2	Chất lượng và Quản lý học liệu	Video cần ngắn gọn, nội dung chính xác, khoa học và sinh động để thu hút HS; xây dựng kho dữ liệu video dùng chung.
3	Năng lực chuyên môn của GV	Mở các lớp tập huấn sử dụng video; GV cần chủ động nâng cao trình độ biên tập, cắt ghép và lồng tiếng cho video.
4	Hoạt động của HS	Khuyến khích HS tự tìm tòi thông tin qua video; tổ chức làm việc theo nhóm, đội để cùng khai thác tư liệu.
5	Cơ cấu chương trình	Có ý kiến đề xuất nên tách riêng hai phân môn Lịch sử và Địa lí để thuận tiện trong việc khai thác tư liệu chuyên biệt.

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy việc ứng dụng video trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí đã hình thành nền tảng nhất định trong thực tiễn giảng dạy, đồng thời bộc lộ những yêu cầu mới về đổi mới phương pháp và học liệu. Thực trạng này không chỉ phản ánh xu hướng tất yếu của dạy học hiện đại mà còn cho thấy sự chuyển dịch trong cách tiếp cận nội dung theo hướng trực quan và tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

Tuy nhiên, giữa định hướng đổi mới và khả năng triển khai thực tế vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, đặc biệt ở khâu thiết kế và khai thác học liệu video một cách có hệ thống. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp mang tính định hướng và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng video trong dạy học.

Trên cơ sở đó, đề tài tiếp tục tập trung xây dựng quy trình thiết kế và sử dụng video phù hợp với đặc thù nội dung Lịch sử Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong giai đoạn tiếp theo.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã làm rõ những cơ sở lí luận và thực tiễn làm nền tảng cho việc nghiên cứu xây dựng và sử dụng video trong dạy học Lịch sử. Trên phương diện lí luận, chương đã hệ thống hóa các khái niệm liên quan, đồng thời khẳng định video là một dạng học liệu số có khả năng tái hiện lịch sử một cách trực quan, góp phần hỗ trợ quá trình nhận thức theo hướng đa phương thức. Việc ứng dụng video trong dạy học phù hợp với định hướng phát triển năng lực HS và có cơ sở từ lý thuyết học tập đa phương tiện.

Về mặt thực tiễn, kết quả khảo sát cho thấy video đã được GV quan tâm và đánh giá cao, tuy nhiên việc khai thác còn chưa đồng bộ, chủ yếu dừng ở mức hỗ trợ minh họa. Đồng thời, nhu cầu nâng cao năng lực thiết kế và sử dụng video, cũng như xây dựng hệ thống học liệu phù hợp, ngày càng trở nên rõ rệt.

Đối với HS, kết quả TN bước đầu cho thấy việc sử dụng video có tác động tích cực đến hứng thú học tập và khả năng tiếp nhận kiến thức, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Những kết quả trên là cơ sở quan trọng để đề tài tiếp tục triển khai nghiên cứu theo hướng xây dựng quy trình thiết kế và sử dụng video trong dạy học nội dung Lịch sử Việt Nam ở chương tiếp theo.

Chương 2.

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG VIDEO ĐỂ THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY VÀ THỰC NGHIỆM TRONG DẠY HỌC PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVI

2.1. Xây dựng video trong dạy học

2.1.1. Video tư liệu

Trong dạy học Lịch sử, video có sẵn là một dạng học liệu số quan trọng, được sử dụng ngày càng phổ biến trong bối cảnh đổi mới PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Video có sẵn được hiểu là các tư liệu video đã được sản xuất trước bởi các cơ quan giáo dục, truyền thông hoặc cá nhân, sau đó được GV lựa chọn, xử lý và khai thác lại nhằm phục vụ mục tiêu dạy học.

Khác với các phương tiện trực quan truyền thống, video có khả năng tích hợp hình ảnh, âm thanh, chuyển động và lời thuyết minh, từ đó giúp tái hiện tương đối sinh động các sự kiện, nhân vật và bối cảnh lịch sử. Điều này đặc biệt phù hợp với nội dung lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, là giai đoạn đã lùi vào quá khứ khá lâu so với hiện tại. Lịch sử thời kì này được phản ánh qua ghi chép, di sản đang hiện hữu và cổ vật ít nhiều giới hạn việc tiếp nhận kiến thức đối với HS lớp 7.

Tuy nhiên, hiệu quả sư phạm của video không phụ thuộc vào bản thân tư liệu mà phụ thuộc chủ yếu vào cách GV tổ chức lựa chọn, xử lý và khai thác trong tiến trình dạy học. Nếu được sử dụng đúng cách, video không chỉ đóng vai trò minh họa mà còn trở thành công cụ tổ chức hoạt động nhận thức, góp phần phát triển tư duy lịch sử, năng lực khai thác thông tin, năng lực hợp tác và tự học của HS.

Trong dạy học phân môn lịch sử ở trường THCS, video có sẵn có thể được khai thác từ nhiều nguồn và thể hiện dưới các dạng cơ bản như:

- *Video tư liệu lịch sử*: phim tài liệu, tái hiện sự kiện, nhân vật, di tích lịch sử, ... Trong dạy học *Bài 9 Đất nước buổi đầu độc lập* (phân môn lịch sử 7), có thể sử dụng video “*Cố đô Hoa Lư*” [PL3.1_3] bằng hệ thống thuyết minh chuẩn xác; sự tái hiện nhân vật và sự kiện thông qua sơ đồ diễn tiến lịch sử; và đặc biệt là khai thác góc nhìn thực tế về di tích lịch sử kết hợp mô phỏng 3D. Việc tích hợp đa dạng các loại hình này giúp HS không chỉ nắm bắt được dấu tích vật chất còn lại mà còn hình dung sinh động về diện mạo kinh đô xưa, từ đó chuyển hóa những kiến thức trừu tượng thành nhận thức trực quan sâu sắc.

- *Video học liệu giáo dục*: bài giảng điện tử, mô phỏng, video từ các kênh học tập trực tuyến,... Có thể sử dụng video “*Lịch sử Lớp 7 Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) - Kết nối tri thức*” trong *Bài 9 Đất nước buổi đầu độc lập* với mô hình lớp học đảo ngược, GV sử dụng video làm học liệu cho HS tự nghiên cứu tại nhà trước khi lên lớp. Thông qua việc xem video để chủ động ghi chép HS sẽ dành nhiều thời gian trên lớp cho các hoạt động thảo luận chuyên sâu và giải quyết vấn đề.

- *Video truyền thông - giáo dục lịch sử*: các video này thường được khai thác từ những nguồn có độ tin cậy cao như hệ thống học liệu số của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các kênh giáo dục chính thống (VTV), bảo tàng lịch sử, trung tâm lưu trữ tư liệu, hoặc các nền tảng giáo dục trực tuyến có kiểm chứng nội dung. Việc ưu tiên nguồn học liệu uy tín nhằm đảm bảo tính chính xác khoa học của kiến thức lịch sử và hạn chế sai lệch thông tin.

Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226 -1400), video “*Nhà Trần thành lập*” [PL3.1_13] có thể giúp HS phân tích tính chất chuyển giao quyền lực hòa bình và bối cảnh ra đời của nhà Trần một cách trực quan, sinh động.

Từ góc độ sư phạm, việc sử dụng video có sẵn trong dạy học Lịch sử cần được tổ chức theo các hướng khai thác đa dạng, gắn với tiến trình dạy học, mức độ tư duy của HS, chức năng sư phạm của video và sự tích hợp với các học liệu khác.

2.1.1.1. Nguyên tắc lựa chọn video tư liệu

Việc lựa chọn video tư liệu trong dạy học lịch sử không phải là thao tác mang tính kỹ thuật đơn thuần mà là một quyết định sư phạm có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tổ chức hoạt động nhận thức của HS. Do đó, GV cần dựa trên những nguyên tắc cơ bản nhằm đảm bảo cả tính khoa học, tính giáo dục và tính khả thi trong thực tiễn dạy học.

Một là, tính chính xác khoa học. Nội dung video phải phản ánh đúng các sự kiện, nhân vật và bối cảnh lịch sử theo chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa hiện hành. Việc đảm bảo tính xác thực giúp tránh tình trạng sai lệch nhận thức lịch sử ở HS, đồng thời giữ vững tính khoa học của môn học. Đây là tiêu chí quan trọng nhất khi GV lựa chọn bất kỳ tư liệu video nào.

Hai là, tính trực quan và thẩm mỹ. Chất lượng hình ảnh, âm thanh và cách tái hiện bối cảnh lịch sử. Hình ảnh rõ ràng, bố cục hợp lý, lời thuyết minh dễ hiểu sẽ góp phần tăng khả năng tiếp nhận thông tin của HS. Yếu tố thẩm mỹ không chỉ mang tính hấp dẫn mà còn hỗ trợ việc ghi nhớ và hình dung lịch sử một cách sinh động hơn.

Ba là, tính sự phạm. Video phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và trình độ nhận thức của HS lớp 7. Thời lượng video cần được kiểm soát hợp lý, thường trong khoảng 3–5 phút, nhằm tránh gây quá tải thông tin và đảm bảo phù hợp với tiến trình tổ chức hoạt động dạy học trên lớp. Đồng thời, video phải có khả năng tích hợp vào các bước của bài học như khởi động, HTKT hoặc củng cố.

Bốn là, tính mục tiêu hóa. Mỗi video phải được lựa chọn để phục vụ một nhiệm vụ dạy học cụ thể. GV không sử dụng video với mục đích minh họa chung chung mà phải xác định rõ video đó hỗ trợ HTKT nào, phát triển năng lực nào hoặc giải quyết nhiệm vụ học tập nào của HS. Nguyên tắc này giúp việc sử dụng video trở nên có định hướng và tránh tình trạng trình chiếu mang tính hình thức.

Năm là, tính phù hợp tâm lý – nhận thức của HS. Nội dung video không nên quá phức tạp hoặc chứa quá nhiều thông tin ngoài khả năng tiếp nhận của HS. Thay vào đó, video cần được thiết kế hoặc lựa chọn sao cho HS có thể quan sát, nhận diện và khai thác thông tin dưới sự hướng dẫn của GV. Điều này đảm bảo video thực sự trở thành công cụ hỗ trợ học tập chứ không chỉ là phương tiện trình chiếu thụ động.

2.1.1.2. Hướng khai thác video tư liệu

Việc khai thác video trong dạy học Lịch sử không chỉ dừng lại ở thao tác trình chiếu tư liệu mà cần được tổ chức như một quá trình sự phạm có định hướng rõ ràng. Trong đó, GV giữ vai trò thiết kế hoạt động học tập, điều khiển tiến trình nhận thức và chuyển hóa video thành công cụ học tập tích cực. Nếu không có sự định hướng này, video dễ bị sử dụng như phương tiện minh họa đơn thuần, làm giảm hiệu quả HTKT và phát triển năng lực cho HS.

Trên cơ sở thực tiễn dạy học và kết quả khảo sát GV, việc khai thác video có sẵn có thể được triển khai theo một số hướng tiếp cận chủ đạo sau:

a. Khai thác theo tiến trình tổ chức hoạt động dạy học

Video học liệu cần được tích hợp linh hoạt vào các giai đoạn khác nhau của bài học nhằm đảm bảo tính liên tục của quá trình nhận thức.

Ở hoạt động khởi động, video ngắn được sử dụng để tạo tình huống học tập hoặc gợi mở vấn đề lịch sử. Đây là hướng khai thác có tác dụng kích thích hứng thú và định hướng nhiệm vụ nhận thức ban đầu cho HS. Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV lựa chọn hình thức này vì khả năng tạo “điểm nhấn trực quan” ngay từ đầu tiết học.

Trong hoạt động HTKT, video giữ vai trò là nguồn cung cấp tư liệu trực quan quan trọng. HS thông qua quan sát các hình ảnh, diễn biến hoặc tái hiện lịch

sử để tiến hành phân tích, so sánh và từng bước tự kiến tạo kiến thức dưới sự dẫn dắt của GV. Đây là giai đoạn thể hiện rõ nhất vai trò của video như một phương tiện tổ chức hoạt động nhận thức.

Đối với hoạt động luyện tập và củng cố, video được khai thác lại dưới dạng trích đoạn hoặc tổng hợp nhằm hệ thống hóa kiến thức. Việc này giúp HS tái hiện lại mạch sự kiện, đồng thời khắc sâu những nội dung trọng tâm của bài học.

b. Khai thác theo các mức độ tư duy của HS

Việc khai thác video cần gắn với định hướng phát triển năng lực tư duy lịch sử, phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 7.

Ở mức độ nhận biết, HS xác định các yếu tố cơ bản như nhân vật lịch sử, thời gian, địa điểm hoặc sự kiện xuất hiện trong video. Đây là bước tiếp cận ban đầu nhằm hình thành biểu tượng lịch sử.

Ở mức độ thông hiểu, HS tiến hành giải thích các mối quan hệ đơn giản như nguyên nhân – diễn biến – kết quả của sự kiện lịch sử, hoặc vai trò của các nhân vật tiêu biểu như Lê Lợi, Nguyễn Trãi trong phong trào Lam Sơn.

Ở mức độ vận dụng và đánh giá, HS được yêu cầu liên hệ nội dung video với thực tiễn hoặc rút ra ý nghĩa lịch sử. Chẳng hạn, đánh giá vai trò của các cuộc khởi nghĩa trong việc bảo vệ độc lập dân tộc, từ đó hình thành nhận thức về trách nhiệm công dân hiện nay.

c. Khai thác theo chức năng sư phạm của video

Tùy theo mục tiêu bài học, video có sẵn có thể đảm nhận những chức năng sư phạm khác nhau trong tiến trình dạy học.

Trước hết, video có thể được sử dụng với chức năng minh họa, nhằm làm rõ những nội dung trừu tượng trong sách giáo khoa, giúp HS dễ hình dung hơn về bối cảnh lịch sử.

Bên cạnh đó, video còn đảm nhận chức năng cung cấp tri thức, khi GV sử dụng các tư liệu ngoài sách giáo khoa để mở rộng hiểu biết cho HS. Đặc biệt, các video về di tích lịch sử, bảo vật quốc gia hoặc hình ảnh tái hiện sự kiện thường mang lại giá trị trực quan cao và được đánh giá tích cực trong thực tiễn dạy học.

Ngoài ra, video có thể đóng vai trò công cụ tổng kết và hệ thống hóa kiến thức, thông qua các đoạn phim tóm tắt hoặc mô phỏng tiến trình lịch sử, giúp HS khái quát hóa nội dung bài học trong thời gian ngắn.

Trong *Bài 18 Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI*, GV có thể sử dụng video “*Vùng đất Nam Bộ thế kỉ X – XVI*” sơ đồ hóa

kiến thức nhằm hệ thống lại các nội dung trọng tâm như: thời gian hình thành, địa bàn phân bố, hoạt động kinh tế, văn hóa của vùng đất Nam Bộ.

d. Khai thác theo hoạt động học tập của HS

Một hướng tiếp cận quan trọng là chuyển trọng tâm từ hoạt động “xem video” sang hoạt động “học qua video”, trong đó HS giữ vai trò chủ thể.

Trước hết là hoạt động quan sát có định hướng, trong đó HS tiếp cận video theo nhiệm vụ cụ thể do GV giao, tránh xem một cách thụ động.

Tiếp theo là hoạt động khai thác thông tin, HS được rèn luyện kỹ năng ghi nhận, chọn lọc và xử lý dữ liệu lịch sử từ video như sự kiện, nhân vật hoặc diễn biến chính.

Cuối cùng là hoạt động trao đổi và tương tác, thông qua thảo luận nhóm, trình bày và phản biện, HS phát triển khả năng lập luận dựa trên chứng cứ lịch sử thu được từ video.

e. Khai thác theo hướng tích hợp học liệu

Video cần được đặt trong mối quan hệ với các phương tiện dạy học khác để tăng hiệu quả nhận thức.

Việc kết hợp với lược đồ và sơ đồ tư duy giúp HS xác định chính xác không gian - thời gian lịch sử và hệ thống hóa kiến thức theo logic.

Bên cạnh đó, việc sử dụng PHT và câu hỏi mở đóng vai trò định hướng quan sát và phát triển tư duy, giúp HS không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn xử lý và khái quát hóa kiến thức. Đây cũng là hướng được nhiều GV đánh giá có hiệu quả trong việc chuyển hóa video từ phương tiện trình chiếu sang công cụ tổ chức hoạt động học tập tích cực.

Có thể thấy, việc đa dạng hóa các hướng khai thác video có sẵn góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực. Thay vì sử dụng video như một yếu tố minh họa đơn lẻ, GV cần thiết kế các hoạt động học tập xoay quanh video, qua đó phát huy vai trò chủ thể của HS, đồng thời phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

g. Kết hợp điểm dừng video và nhiệm vụ học tập

Khi sử dụng video trong dạy học Lịch sử một cách hiệu quả, GV cần chú trọng vào việc biến HS từ người xem thụ động thành người chủ động kiến tạo tri thức. GV cần hiện hoạt động dừng video khi xem và sử dụng PHT (PHT)/câu hỏi. Phần khởi động, thường dừng ngắn để HS ghi lại dự đoán hoặc 3 từ khóa ấn tượng; phần HTKT, thời gian dừng cần dài hơn để HS xử lý dữ liệu, phân tích diễn biến hoặc so sánh các nguồn sử liệu.

Việc xác định thời điểm hợp lý để dừng video trong dạy học lịch sử không dựa trên một mốc thời gian cố định mà phụ thuộc vào cấu trúc của PHT và mục tiêu sư phạm của GV trong từng đoạn tư liệu, video. GV có thể xác định thời điểm này thông qua các căn cứ sau:

Thời điểm kết thúc của một phân đoạn nội dung tương ứng với một câu hỏi trong PHT. GV nên dừng video ngay sau khi cung cấp đủ dữ liệu để HS trả lời một dung lượng kiến thức hợp lý, yêu cầu HS hoàn thành câu trả lời đó thì mới tiếp tục cho xem đoạn video tiếp theo.

Dựa trên các mốc sự kiện quan trọng, GV cần chọn dừng video tại các điểm chốt về nội dung (ví dụ: sau khi kết thúc phần tiểu sử nhân vật, hoặc ngay trước khi một sự kiện bước ngoặt xảy ra) để HS có thời gian suy ngẫm, dự đoán hoặc hệ thống hóa thông tin vừa tiếp nhận.

Thời điểm lúc video xuất hiện các hình ảnh tư liệu đắt giá, bản đồ diễn biến hoặc các biểu đồ cần sự tập trung quan sát cao độ. Việc dừng lại giúp HS kịp thời ghi chép các dữ liệu quan trọng vào PHT mà không bị quá tải bởi các thông tin nghe - nhìn liên tục phía sau.

Thời điểm tạo ra tình huống vấn đề, GV có thể dừng video tại một tình huống kịch tính hoặc một quyết định quan trọng của nhân vật lịch sử và đặt câu hỏi: “Theo em, nhân vật sẽ hành động thế nào tiếp theo?” hoặc “Tại sao lại có quyết định này?” để kích thích tư duy phản biện và sự tò mò của HS.

GV nên căn cứ vào tốc độ làm việc của HS và độ phức tạp của câu hỏi để quyết định thời gian dừng, đảm bảo HS không “xem lướt” mà phải thực sự hoạt động và làm việc nghiêm túc với PHT. Phần khởi động thường dừng ngắn để HS ghi lại dự đoán hoặc 3 từ khóa ấn tượng; phần HTKT, thời gian dừng cần dài hơn để HS bóc tách dữ liệu, phân tích diễn biến hoặc so sánh các nguồn sử liệu.

Như vậy, thay vì quy định một khoảng thời gian cố định, GV nên căn cứ vào tốc độ làm việc của HS và độ phức tạp của câu hỏi để quyết định thời gian dừng, đảm bảo HS không “xem lướt” mà phải thực sự hoạt động và làm việc nghiêm túc với PHT.

Việc thiết kế PHT đi kèm video trong dạy học lịch sử ở trường THCS không chỉ đơn thuần là các câu hỏi kiểm tra mà phải là một công cụ định hướng hoạt động nhận thức, giúp HS chuyển từ trạng thái xem giải trí sang chủ động kiến tạo tri thức.

GV cần thiết kế và sử dụng PHT với các câu hỏi phù hợp với từng hoạt động cụ thể. Hoạt động HTKT: PHT đóng vai trò là công cụ định hướng. GV cần

giao nhiệm vụ trước khi xem để HS biết mình cần tìm kiếm thông tin gì. GV cần triển khai đa dạng loại hình nhiệm vụ, thay vì chỉ yêu cầu điền thông tin nên tích hợp nhiều dạng bài tập như: ghi chép nhanh để HS bóc tách dữ liệu quan trọng khi đang xem; câu hỏi trắc nghiệm hoặc khảo sát nhanh, kiểm tra mức độ ghi nhớ kiến thức ngay sau khi xem; câu hỏi mở và phản biện, yêu cầu HS đưa ra nhận định cá nhân, đánh giá bối cảnh hoặc phê phán nguồn tư liệu (quan điểm, động cơ của tác giả video) để phát triển tư duy lịch sử,... Các nhiệm vụ này nên gắn liền với việc đánh giá, ghi nhận để tạo động lực và sự nghiêm túc cho HS trong quá trình thực hiện.

2.1.1.3. Quy trình sử dụng video có sẵn trong dạy học Lịch sử

Việc sử dụng video cần được thực hiện theo quy trình sư phạm gồm ba bước:

Bước 1. Chuẩn bị trước giờ học

GV thực hiện các thao tác đảm bảo video được sử dụng có mục đích rõ ràng, tránh trình chiếu thụ động. Thông qua việc xác định mục tiêu bài học và vai trò của video. Trên cơ sở lựa chọn và xử lý video: bằng việc chọn lọc nội dung trọng tâm phù hợp mục tiêu sử dụng trong bài học, xác định thời lượng trích đoạn video; sử dụng kỹ thuật cắt video qua các ứng dụng để tạo đoạn trích video mong muốn.

GV thực hiện thiết kế câu hỏi định hướng hoặc PHT, để khai thác video hiệu quả phát triển năng lực lịch sử cho HS

Bước 2. Tổ chức khai thác trong giờ học

Sử dụng video trong hoạt động học biến video trở thành công cụ tổ chức hoạt động nhận thức của HS. Thông qua việc từ trước khi xem, GV nêu vấn đề và giao nhiệm vụ quan sát; trong khi xem, HS thực hiện nhiệm vụ học tập gắn với video thông qua câu hỏi, PHT sau khi xem, HS tiến hành thảo luận, trình bày và rút ra kiến thức cốt lõi.

Bước 3. Củng cố và mở rộng sau giờ học.

Đây là hoạt động góp phần khắc sâu kiến thức và phát triển năng lực tư duy lịch sử. Thông qua việc hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ hoặc bảng tổng hợp; liên hệ di sản, nhân vật hoặc sự kiện lịch sử liên quan; tiến hành kiểm tra, đánh giá mức độ tiếp thu thông qua câu hỏi hoặc nhiệm vụ vận dụng.

Như vậy, việc sử dụng video có sẵn trong dạy học lịch sử cần được tổ chức theo hướng khoa học và có định hướng sư phạm rõ ràng, trong đó GV giữ vai trò thiết kế, điều khiển và định hướng hoạt động học tập của HS. Khi được khai thác hợp lý, video không chỉ góp phần nâng cao tính trực quan của bài học mà còn thúc

đẩy sự phát triển các năng lực lịch sử và khả năng tự học của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành.

2.1.2. Video tự xây dựng

Bên cạnh việc khai thác các tư liệu sẵn có, việc GV chủ động thiết kế video học liệu là một xu hướng quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực. Video tự xây dựng được hiểu là sản phẩm học liệu do GV tổ chức thiết kế, biên tập từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, sau đó sắp xếp lại thành một chỉnh thể nội dung phục vụ trực tiếp cho mục tiêu bài học.

Khác với việc khai thác lại tư liệu đã có, hình thức này đòi hỏi GV phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khoa học của sự kiện, nhân vật lịch sử; kiểm soát toàn bộ quá trình sư phạm của học liệu, bao gồm lựa chọn nội dung, cấu trúc trình bày, mức độ nhấn mạnh kiến thức và cách thức dẫn dắt nhận thức của HS. Trong dạy học Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, video tự xây dựng đặc biệt phù hợp với các nội dung cần tái hiện tiến trình lịch sử, hệ thống hóa diễn biến hoặc làm rõ mối liên hệ giữa các sự kiện theo logic thời gian. Trong đó video gồm 2 bộ phận.

Video cải biên từ nguồn tư liệu có sẵn, đây là dạng video được GV khai thác từ các nguồn học liệu như phim tài liệu, hoạt hình lịch sử, tranh ảnh, bản đồ, tư liệu số trên internet hoặc các nền tảng chia sẻ video, sau đó tiến hành cắt ghép, lược bỏ, thêm phụ đề, thuyết minh, câu hỏi định hướng hoặc sơ đồ hóa nội dung để phù hợp với mục tiêu bài học. So với việc sử dụng nguyên bản video có sẵn, hình thức cải biên cho phép GV chủ động kiểm soát dung lượng kiến thức, loại bỏ thông tin rườm rà, đồng thời nhấn mạnh những nội dung trọng tâm mà HS cần lĩnh hội. Ví dụ, từ một video tư liệu về cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, GV có thể biên tập lại thành video ngắn tập trung vào ba lần kháng chiến, kết hợp lược đồ động và câu hỏi gợi mở.

Video được xây dựng với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI), là dạng video GV sử dụng các công cụ AI để tạo hình ảnh, giọng đọc, phụ đề tự động, video hoạt họa hoặc dựng clip từ văn bản có sẵn. AI hỗ trợ rút ngắn thời gian thiết kế, tăng tính trực quan và mở rộng khả năng sáng tạo của GV trong xây dựng học liệu. Đối với các nội dung lịch sử khó tái hiện bằng tư liệu thực tế, chẳng hạn phục dựng thành quách, đời sống xã hội hoặc mô phỏng diễn biến trận đánh, AI giúp tạo ra hình ảnh minh họa gần gũi và sinh động hơn. Tuy nhiên, khi sử dụng AI, GV cần kiểm chứng chặt chẽ độ chính xác của dữ liệu, tránh tình trạng hình ảnh hoặc thông tin sai lệch làm ảnh hưởng đến nhận thức lịch sử của HS.

Như vậy, video tự xây dựng không chỉ giúp GV chủ động thiết kế học liệu phù hợp với đối tượng HS và yêu cầu bài học mà còn tạo điều kiện tích hợp linh hoạt công nghệ số vào dạy học Lịch sử và Địa lí trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

2.1.2.1. Đặc trưng của video tự xây dựng trong dạy học Lịch sử

Video tự xây dựng trong dạy học lịch sử mang những đặc điểm nổi bật thể hiện rõ vai trò của GV trong thiết kế và tổ chức học liệu.

Một là, video có tính định hướng sư phạm cao. Thể hiện ở việc toàn bộ nội dung được xây dựng dựa trên mục tiêu bài học và yêu cầu cần đạt của chương trình. Điều này giúp đảm bảo video không bị dàn trải thông tin mà luôn tập trung vào những đơn vị kiến thức cốt lõi, phù hợp với tiến trình hình thành năng lực của HS.

Hai là, tính chọn lọc và tái cấu trúc thông tin. Trong quá trình thiết kế, GV tiến hành xử lý tư liệu theo hướng lược bỏ những chi tiết không cần thiết, đồng thời sắp xếp lại nội dung theo logic nhận thức và tiến trình lịch sử. Nhờ đó, kiến thức được trình bày một cách cô đọng, mạch lạc, giúp HS dễ theo dõi và dễ khái quát hóa.

Ba là, tính linh hoạt trong sử dụng. Do được thiết kế bởi GV, video có thể điều chỉnh về nội dung, thời lượng hoặc mức độ nhấn mạnh kiến thức để phù hợp với từng đối tượng HS và từng hoạt động dạy học cụ thể như khởi động, HTKT hay củng cố. Điều này giúp tăng khả năng cá thể hóa trong dạy học, đáp ứng sự đa dạng về năng lực của HS lớp 7.

Bốn là, tính tích hợp học liệu cao. Thể hiện ở khả năng kết hợp đồng thời nhiều loại phương tiện như hình ảnh, bản đồ, văn bản và lời thuyết minh. Sự tích hợp này tạo điều kiện cho HS tiếp cận kiến thức theo nhiều kênh khác nhau, qua đó tăng cường hiệu quả ghi nhớ, phân tích và khái quát hóa nội dung lịch sử.

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, quá trình thiết kế video tự xây dựng còn có thể mở rộng với việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm hỗ trợ tạo hình ảnh minh họa hoặc tái hiện bối cảnh lịch sử, góp phần tăng cường tính trực quan và khả năng hình dung lịch sử cho HS. Tuy nhiên, các sản phẩm từ AI cần được GV kiểm chứng và đối chiếu với nguồn tư liệu lịch sử chính thống để đảm bảo tính chính xác khoa học.

2.1.2.2. Yêu cầu đối với việc xây dựng video tự xây dựng

Một là, tuân thủ các yêu cầu sư phạm. Trong quá trình thiết kế video tự xây dựng phục vụ dạy học lịch sử, việc tuân thủ các yêu cầu sư phạm là điều kiện quan trọng để đảm bảo chất lượng học liệu và hiệu quả tổ chức hoạt động học tập. Trước hết, video phải bảo đảm tính chính xác về mặt khoa học, tức là nội dung

được xây dựng dựa trên nguồn tư liệu lịch sử đáng tin cậy và đã được kiểm chứng. Yêu cầu này giúp hạn chế sai lệch thông tin, đồng thời đảm bảo tính chuẩn xác của tri thức lịch sử được truyền tải đến HS.

Hai là, cần chú trọng đến mức độ tinh giản và chọn lọc nội dung, thể hiện ở việc chỉ giữ lại những thông tin là kiến thức cơ bản phù hợp với yêu cầu cần đạt của bài học. Việc loại bỏ các chi tiết không trọng tâm giúp video trở nên gọn nhẹ, dễ tiếp nhận.

Ba là, video cần đáp ứng yêu cầu về khả năng hỗ trợ hoạt động nhận thức của HS. Điều này thể hiện ở cách tổ chức thông tin theo hướng trực quan, có sự dẫn dắt logic giữa hình ảnh, âm thanh và lời thuyết minh, qua đó giúp HS dễ dàng theo dõi, hiểu và tái hiện lại kiến thức đã học.

Bốn là, sự phù hợp với đặc điểm người học, trong đó nội dung, ngôn ngữ và tốc độ trình bày phải tương thích với trình độ nhận thức của HS lớp 7. Điều này góp phần đảm bảo video không gây quá tải thông tin, đồng thời tạo điều kiện cho HS tham gia tích cực vào hoạt động học tập.

Năm là, video cần bảo đảm tính mạch lạc và liên kết nội dung, thể hiện ở việc các phần thông tin được sắp xếp theo trình tự hợp lí, phản ánh đúng tiến trình lịch sử hoặc mối quan hệ giữa các sự kiện. Sự liên kết này giúp HS không chỉ tiếp nhận thông tin rời rạc mà còn hình thành được cái nhìn hệ thống về nội dung lịch sử.

Sáu là, đối với video tự xây dựng có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI), GV cần đặc biệt chú trọng đến việc kiểm chứng và kiểm soát nội dung. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay, AI có thể hỗ trợ tạo hình ảnh minh họa, tái hiện bối cảnh hoặc mô phỏng một số sự kiện lịch sử, qua đó góp phần tăng cường tính trực quan và hỗ trợ quá trình hình thành biểu tượng lịch sử cho HS. Tuy nhiên, các sản phẩm do AI tạo ra chỉ mang tính chất minh họa, không thể thay thế hoàn toàn tư liệu lịch sử chính thống và vẫn tiềm ẩn nguy cơ sai lệch về hình ảnh, bối cảnh, nhân vật hoặc thông tin lịch sử. Vì vậy, GV cần chủ động kiểm tra, đối chiếu và xác thực nội dung từ nhiều nguồn tài liệu đáng tin cậy trước khi đưa vào sử dụng trong dạy học nhằm bảo đảm tính chính xác khoa học, tính giáo dục và tránh gây hiểu sai nhận thức lịch sử cho HS.

Như vậy, dù được cải biên từ nguồn tư liệu có sẵn hay xây dựng với sự hỗ trợ của AI, video tự xây dựng đều cần được đặt dưới sự kiểm soát sự phạm của GV nhằm bảo đảm tính chính xác khoa học, tính giáo dục và hiệu quả sử dụng trong dạy học lịch sử.

2.1.2.3. Quy trình thiết kế video tự xây dựng

* Quy trình thiết kế video cải biên từ nguồn có sẵn trong dạy học Lịch sử

Bước 1: Xác định mục tiêu dạy học và nội dung video

GV cần xác định được yêu cầu cần đạt của bài học, từ đó chọn nội dung trọng tâm cần thể hiện trong video và xác định mục đích sử dụng video tương ứng với các hoạt động nào khởi động/HTKT/củng cố)

Bước 2: Thu thập và lựa chọn tư liệu

GV tiến hành thu thập tư liệu từ SGK, tài liệu tham khảo, hình ảnh, bản đồ, video tư liệu. Sau đó thực hiện khâu chọn lọc tư liệu theo tiêu chí đảm bảo tính chính xác, phù hợp với nội dung bài học và lứa tuổi HS, hiệu quả trực quan hóa cho nội dung lịch sử muốn trình bày. Thực hiện khâu sắp xếp tư liệu theo trình tự nội dung bài học theo kịch bản video đã thiết kế.

Bước 3: Xây dựng kịch bản và biên tập video

Ở bước này, GV thực hiện các khâu theo trình tự: lập kịch bản nội dung theo tiến trình lịch sử; viết lời thuyết minh cho từng đoạn; cắt ghép hình ảnh, video theo kịch bản; chèn âm thanh, chữ, hiệu ứng hỗ trợ; đồng bộ hình ảnh với lời dẫn và nội dung.

Bước 4: Hoàn thiện và kiểm tra video

Trước khi video được xuất bản, GV cần kiểm tra đầy đủ các yếu tố: độ chính xác lịch sử của nội dung, tính logic và mạch trình bày; rà soát lỗi kỹ thuật (âm thanh, hình ảnh, phụ đề); chỉnh sửa các lỗi (nếu có) và xuất bản video hoàn chỉnh.

Ví dụ quy trình xây dựng video cho Bài 18: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, mục 1. Vương quốc Chăm-pa (từ thế kỉ X - XVI)

Bước 1: Xác định mục tiêu dạy học và nội dung video

GV xác định yêu cầu cần đạt, HS mô tả được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế và những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Sự biến động về lãnh thổ và trung tâm hành chính (từ Indrapura chuyển về Vijaya); sự phát triển của kinh tế nông nghiệp và thương mại đường biển; các công trình kiến trúc đền tháp đặc sắc thời kỳ này.

Video được sử dụng trong hoạt động HTKT để giúp HS tự khai thác tư liệu, thay thế các phần thuyết giảng lý thuyết khô khan.

Bước 2: Thu thập và lựa chọn tư liệu

GV thực hiện thu thập hình ảnh từ SGK: lược đồ vương quốc Chăm-pa, hình ảnh tháp Cánh Tiên (Bình Định), tháp Po Klong Garai (Ninh Thuận); video tư liệu với các đoạn clip ngắn về nghệ thuật múa Chăm, kỹ thuật làm gốm Bàu

Trúc. Trên cơ sở đó GV thực hiện chọn lọc và sắp xếp tư liệu, đảm bảo tính chính xác về mốc thế kỉ (X - XVI). Việc sắp xếp tư liệu theo trình tự: địa lí/chính trị, kinh tế, văn hóa để đảm bảo mạch logic của bài học.

Bước 3: Xây dựng kịch bản và biên tập video

Tạo kịch bản biên tập video “*Vương Quốc Chăm pa (thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI)*” cho dạy học Bài 18. Vương Quốc Chăm pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, mục 1. Vương Quốc Chăm pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI [PL4.10].

Bước 4: Hoàn thiện và kiểm tra video

Video được hoàn thiện không thể tách khỏi việc kiểm tra nội dung, GV thực hiện rà soát lại xem có nhầm lẫn giữa giai đoạn trước thế kỉ X với giai đoạn này không (tránh nhầm với thời kỳ Lâm Ấp); rà soát kỹ thuật, đảm bảo phụ đề chữ không bị che mất hình ảnh hiện vật, âm thanh thuyết minh rõ ràng, không bị nhạc nền chen ép; GV chú ý điều chỉnh lại tốc độ chuyển cảnh cho phù hợp với nhịp tiếp nhận của HS lớp 7 và xuất bản định dạng Full HD để trình chiếu trên lớp.



Hình 1. Hình ảnh video Bài 18 [PL.3.2_10]

*** Quy trình thiết kế video có ứng dụng AI trong dạy học Lịch sử**

Quy trình thiết kế video học liệu số với sự hỗ trợ của AI được thực hiện thông qua một tiến trình logic gồm bốn bước cơ bản.

Bước 1: Xác định mục tiêu và xây dựng kịch bản

Đây là bước định hướng quan trọng nhất, bắt đầu bằng việc xác định cụ thể các yêu cầu cần đạt và năng lực đặc thù hướng tới cho người học. Trên cơ sở đó, kịch bản sư phạm được thiết kế linh hoạt theo tiến trình lịch sử hoặc theo hệ thống vấn đề. Trong giai đoạn này, người thiết kế cần phân tích và xác định rõ các phân

đoạn nội dung có thể tối ưu hóa bằng công nghệ AI như mô phỏng sự kiện, khởi tạo hình ảnh hoặc tái hiện các bối cảnh lịch sử khó tiếp cận.

Bước 2: Tạo lập và thu thập tư liệu (truyền thống + AI)

Hoạt động này là sự kết hợp giữa phương pháp thu thập truyền thống và công nghệ AI. GV tiến hành khai thác các tư liệu lịch sử từ sách giáo khoa và các nguồn tài liệu chính thống để đảm bảo tính xác thực. Trong quy trình tạo lập và thu thập tư liệu, AI đóng vai trò là công cụ then chốt nhằm cụ thể hóa các khái niệm lịch sử trừu tượng thành hệ thống hình ảnh trực quan. Công cụ AI được ứng dụng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên biệt sau:

Khởi tạo hình ảnh nhân vật và bối cảnh: dựa trên các mô tả chi tiết từ sử liệu, AI có khả năng tái hiện chân dung các nhân vật lịch sử và các bối cảnh sinh hoạt, chiến đấu một cách sống động.

Mô phỏng sự kiện và không gian lịch sử: AI phục dựng các sự kiện quan trọng hoặc các không gian văn hóa đã mai một, giúp người học dễ dàng hình dung về quy mô và tính chất của các diễn biến trong quá khứ.

Minh họa trực quan theo mô tả văn bản: AI chuyển đổi các dữ liệu văn bản từ sách giáo khoa và tài liệu chính thống thành các sơ đồ, hình ảnh minh họa có tính tương tác cao, giúp tối ưu hóa khả năng tiếp nhận thông tin của HS.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính chuẩn xác, mọi học liệu được khởi tạo từ AI đều phải trải qua quy trình kiểm tra sơ bộ về tính phù hợp, đảm bảo sự tương thích với nội dung giáo dục trước khi đưa vào các bước biên tập tiếp theo.

Bước 3: Tích hợp và biên tập video

Sau khi có nguồn tư liệu, GV thực hiện sàng lọc và lựa chọn các thành phần tối ưu nhất để sắp xếp theo mạch kịch bản đã xây dựng. Quá trình biên tập bao gồm các thao tác kỹ thuật như cắt ghép, lồng ghép hình ảnh và hệ thống âm thanh sống động. Ngoài ra, việc ứng dụng AI trong tạo thuyết minh và phụ đề giúp tăng cường khả năng tiếp cận và sự chuyên nghiệp cho học liệu. Kết quả của giai đoạn này là sự đồng bộ hóa hoàn toàn các thành phần để tạo ra một trải nghiệm học tập liền mạch.

Bước 4: Kiểm chứng và hoàn thiện sản phẩm

Trong bước cuối cùng GV tập trung vào việc đảm bảo tính chuẩn xác của học liệu thông qua việc đối chiếu nội dung với các sử liệu chính thống. Đặc biệt, độ chính xác của các tư liệu do AI khởi tạo cần được kiểm tra nghiêm ngặt để phát hiện và điều chỉnh các chi tiết sai lệch hoặc chưa phù hợp với thực tế lịch sử. Sau

khi tối ưu hóa, video hoàn thiện sẽ trở thành nguồn học liệu số chất lượng, sẵn sàng phục vụ cho các hoạt động dạy học trực tiếp hoặc trực tuyến.

Ví dụ quy trình xây dựng video AI trong dạy học Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn. mục 1a.

Bước 1: Xác định mục tiêu và xây dựng kịch bản học liệu

Xác định yêu cầu cần đạt và năng lực hướng tới, giúp HS hiểu được nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Lam Sơn (khách quan và chủ quan); phát triển năng lực: nhận thức và tư duy lịch sử, khai thác, phân tích tư liệu; liên hệ, đánh giá vai trò nhân vật lịch sử như Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

Thiết kế kịch bản theo tiến trình lịch sử: video được xây dựng theo tiến trình nguyên nhân, chuẩn bị, bùng nổ với bối cảnh Đại Việt dưới ách đô hộ nhà Minh, sự tàn bạo của giặc Minh (nguyên nhân khách quan), sự chuẩn bị và lãnh đạo của nghĩa quân (nguyên nhân chủ quan), Hội thề Lũng Nhai buổi đầu tụ nghĩa.

Xác định nội dung có thể hỗ trợ bằng AI để tái hiện không gian với bản đồ Đại Việt bị xâm lược, cảnh bóc lột của quân Minh, không gian Lam Sơn, Lũng Nhai; tạo nhân vật tướng Minh (phản diện), Lê Lợi, Nguyễn Trãi; mô phỏng về Hội thề Lũng Nhai, không khí lịch sử, biểu cảm, đối thoại nhân vật.

Bước 2: Tạo lập và thu thập tư liệu (truyền thống + AI)

Thu thập tư liệu lịch sử chính thống: SGK Lịch sử và Địa lí lớp 7, bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427); tài liệu về thời kỳ nhà Minh đô hộ và phong trào kháng chiến của nhân dân.

Sử dụng AI để tạo học liệu: hình ảnh nhân vật lịch sử (Lê Lợi, Nguyễn Trãi, giặc Minh); nông dân Đại Việt, quân Minh; bối cảnh làng quê tiêu điều, Lam Sơn, núi Chí Linh, Lũng Nhai; mô phỏng cảnh bóc lột (đánh thuế, cướp bóc), Hội thề Lũng Nhai. Đồng thời kiểm tra sơ bộ tư liệu AI, đảm bảo trang phục đúng thời kỳ, không gian phù hợp văn hóa nước ta đương thời tránh “hiện đại hóa” sai lệch.

Bước 3: Tích hợp và biên tập video

Lựa chọn và sàng lọc tư liệu, kết hợp giữa tư liệu lịch sử (bản đồ, nội dung chuẩn) và hình ảnh, video AI tạo. Sắp xếp nội dung theo kịch bản với trình tự cơ bản: Mở đầu: Bản đồ Đại Việt bị đô hộ, cảnh 1: Sự tàn bạo của quân Minh, cảnh 2: Lê Lợi – Nguyễn Trãi chuẩn bị khởi nghĩa, cảnh 3: Hội thề Lũng Nhai

Biên tập video, cắt ghép cảnh theo timeline 3–4 phút kèm theo lồng nhạc nền (u ám, hào hùng) và hiệu ứng âm thanh (roi, tiếng gió, tiếng hô),...; tạo thuyết minh và phụ đề với Voice AI là giọng nam trầm, truyền cảm; phụ đề được đồng

bộ với lời thoại nhân vật; thực hiện đồng bộ học liệu: hình ảnh + âm thanh + lời bình để tạo trải nghiệm liền mạch

Bước 4: Kiểm chứng và hoàn thiện sản phẩm

Đối chiếu với sử liệu chính thống, kiểm tra: nguyên nhân khởi nghĩa, vai trò của Lê Lợi và Nguyễn Trãi, sự kiện Hội thề Lũng Nhai; kiểm tra độ chính xác của AI, nhân vật không sai lệch hình tượng lịch sử, bối cảnh đúng không gian văn hóa, thời đại; điều chỉnh sai lệch với các lời thoại chưa phù hợp, chi tiết hình ảnh chưa chuẩn. Sau khi chỉnh sửa cân đối các yếu tố kỹ thuật, nội dung, video được hoàn thiện sản phẩm, xuất bản video cuối (3-4 phút), sẵn sàng sử dụng trong dạy học trên lớp và là nguồn học liệu số, e-learning



Hình 2. Hình ảnh video Bài 16 [PL3.2_7]

2.1.2.4. Định hướng sử dụng video tự xây dựng trong dạy học

Video tự xây dựng có thể được khai thác theo nhiều định hướng sự phạm khác nhau:

- Tái hiện tiến trình lịch sử giúp HS hình dung mạch phát triển sự kiện theo thời gian.
- Hình thành khái quát kiến thức nhằm hỗ trợ hệ thống hóa nội dung sau từng bài học hoặc chủ đề.
- Tổ chức hoạt động học tập giúp gắn video với nhiệm vụ quan sát, phân tích và thảo luận.
- Phát triển năng lực tư duy lịch sử tạo điều kiện cho HS so sánh, nhận xét và rút ra kết luận lịch sử.
- Tích hợp học liệu kết hợp video với bản đồ, sơ đồ, bảng hệ thống để tăng hiệu quả nhận thức.

Video tự xây dựng là một hình thức học liệu thể hiện rõ vai trò chủ động của GV trong thiết kế dạy học. Việc xây dựng loại video này không chỉ giúp kiểm soát tốt nội dung kiến thức mà còn cho phép điều chỉnh cách thức tổ chức nhận thức của

HS theo mục tiêu cụ thể của bài học. Khi được thiết kế hợp lý, video tự xây dựng góp phần nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử, đồng thời phát triển các năng lực cốt lõi của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Các hình thức sử dụng video trong tiến trình dạy học.

Trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, video học liệu có thể được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo mục tiêu sư phạm của từng hoạt động học tập. Việc đa dạng hóa loại hình video không chỉ giúp tăng tính hấp dẫn mà còn mở rộng khả năng tái hiện, mô phỏng và tổ chức tri thức lịch sử. Trên cơ sở tiến trình dạy học gồm bốn hoạt động cơ bản, các loại hình video có thể được ứng dụng như sau:

2.2.1. Hoạt động khởi động

2.2.1.1. Mục tiêu

Hoạt động khởi động trong dạy học lịch sử nhằm tạo tình huống có vấn đề, kích thích hứng thú học tập, đồng thời khơi gợi tri thức nền và định hướng tư duy ban đầu của HS trước khi tiếp cận nội dung bài học mới. Đây là giai đoạn có vai trò quan trọng trong việc tạo cầu nối nhận thức giữa kiến thức đã có và kiến thức sẽ hình thành.

Trong hoạt động này, video được sử dụng như một phương tiện trực quan hóa và gợi mở vấn đề, với đặc điểm ngắn gọn, giàu hình ảnh và mang tính định hướng cảm xúc.

2.2.1.2. Các hình thức video sử dụng

Trong giai đoạn khởi động, có thể sử dụng đa dạng các loại hình video sau:

Một là, video tư liệu ngắn là các đoạn phim hoặc hình ảnh lịch sử tiêu biểu được trích chọn, có tính điển hình cao, giúp HS nhanh chóng tiếp cận không gian và bối cảnh lịch sử của bài học.

Trong dạy học phần nội dung lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, *Bài 9. Đất nước buổi đầu độc lập*, nhằm giúp HS hình dung được ý nghĩa của việc chọn Hoa Lư là kinh đô trong thế kỉ X qua hình ảnh núi non bao quanh hiểm trở, hệ thống tường thành đá và cung điện thiết triều của vua Đinh Tiên Hoàng.



Hình 3. Hình ảnh video Bài 9 [PL3.1_3]

Hai là, video bản tin thời sự lịch sử là dạng video mô phỏng phong cách đưa tin hiện đại nhưng nội dung tái hiện các sự kiện lịch sử. Hình thức này giúp tạo cảm giác kịch tính và tăng tính chân thực cho sự kiện được đề cập. Ở *Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước*, để tạo sự gần gũi, khiến sự kiện đời đô trở nên sống động như một bước ngoặt thời đại đang diễn ra. GV có thể tạo bản tin nóng về sự kiện Vua Lý Thái Tổ dời đô (1010). Một MC ảo đưa tin từ “hiện trường” bến sông Hồng, mô tả không khí náo nức của đoàn thuyền rồng rời Hoa Lư tiến về thành Đại La. Bản tin có phỏng vấn nhanh một “người dân” (AI tạo hình) về kỳ vọng ở vùng đất mới.



Hình 4. Hình ảnh video Bài 9 [PL 3.2_4]

Ba là, video trailer bài học là video giới thiệu ngắn mang tính khái quát và gợi mở nội dung bài học, được thiết kế theo hướng tạo điểm nhấn, kích thích sự tò mò và mong muốn khám phá của HS.

Video Trailer giới thiệu *Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên*. Với những khung hình nhanh về gót ngựa quân Mông Cổ càn quét trên chiến trường sau đó chuyển cảnh sang hình ảnh các bô lão tại điện Diên Hồng và trận chiến trên sông Bạch Đằng. Kết thúc bằng dòng chữ: "*Bí quyết nào giúp một quốc gia nhỏ bé tạo nên hào khí Đông A?*" tạo kích thích tư duy và tạo động lực khám phá về sức mạnh đoàn kết dân tộc.



Hình 5. Hình ảnh video bài [PL 3.2_5]

Bốn là, video AI avatar nhân vật lịch sử dẫn nhập bài học là video trong đó các nhân vật lịch sử được tái hiện dưới dạng hình ảnh động có giọng nói, đóng vai trò dẫn dắt hoặc giới thiệu nội dung bài học.

Với Bài 16. *Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 -1427)* để tạo sự kết nối cảm xúc, đưa nhân vật lịch sử từ trang sách trở nên gần gũi, sinh động. GV lựa chọn thiết kế Avatar danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi. thông qua việc sử dụng AI để nhân vật lịch sử trực tiếp lên tiếng chào HS và giới thiệu dẫn dắt vào bài học.



Hình 6. Hình ảnh trong video Bài 16 [PL 3.2_8]

Năm là video đối thoại là sử dụng các cuộc trò chuyện giữa các nhân vật để dẫn dắt kiến thức một cách sống động. Nó giúp "thổi hồn" vào những sự kiện khô khan, tạo kết nối cảm xúc mạnh mẽ thông qua phong thái và tư tưởng nhân vật. Trong dạy học, thể loại này đóng vai trò dẫn dắt gây tò mò, giúp HS thấu hiểu sâu sắc các giá trị lịch sử thay vì chỉ ghi nhớ máy móc

Trong dạy học Bài 18. *Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI*, với mục tiêu xây dựng mạch dẫn logic, tạo tình huống có vấn đề để HS cùng giải quyết trong bài học GV có thể tạo cuộc đối thoại giữa hai nhân vật HS về tháp Chăm từ đó dẫn dắt vào nội dung bài.



Hình 7. Hình ảnh trong video bài 18. [PL3.2_9]

Khoá luận đã đề xuất danh mục video có sẵn và dự kiến thời lượng khai thác sử dụng trong dạy học Lịch sử và Địa lí lớp 7 [PL3.1]. Danh mục video xây

dụng và dự kiến khai thác sử dụng trong dạy học lịch sử và địa lí lớp 7 [PL3.2], để các GV dạy Lịch sử và Địa lí có thể khai thác và linh hoạt sử dụng trong hoạt động dạy học của bản thân. Ví dụ trong hoạt động hình HTKT, GV có thể khai thác từ các video trong PL3.1_2.1, 4,5,6,7,13,26,27,34,39 và các video trong PL3.2_4,5,6,8,9.

2.2.1.3. Một số lưu ý khi sử dụng video trong hoạt động khởi động

Việc sử dụng video trong hoạt động khởi động có một số đặc trưng cơ bản sau:

- Thời lượng ngắn, nội dung cô đọng, tập trung vào yếu tố gợi mở
- Ưu tiên hình ảnh trực quan, âm thanh và yếu tố cảm xúc nhằm thu hút sự chú ý của HS
- Không yêu cầu HS phân tích sâu hoặc ghi nhớ kiến thức ngay tại thời điểm xem video
- Hướng đến việc tạo tâm thế học tập tích cực, khơi gợi sự tò mò và nhu cầu khám phá nội dung bài học

2.2.2. Hoạt động hình thành kiến thức

2.2.2.1 Mục tiêu

Hoạt động HTKT là hoạt động trung tâm của tiến trình dạy học Lịch sử, nhằm giúp HS tiếp nhận, phân tích và tổ chức hệ thống tri thức lịch sử mới. Ở hoạt động này, video đóng vai trò là nguồn cung cấp học liệu trực quan quan trọng, hỗ trợ HS hình thành biểu tượng lịch sử, nắm vững diễn biến sự kiện, cũng như hiểu được mối quan hệ nhân - quả và bản chất của các hiện tượng lịch sử.

2.2.2.2. Các hình thức video sử dụng

Trong hoạt động HTKT, video được sử dụng với tính đa dạng cao, nhằm đáp ứng yêu cầu trực quan hóa và hệ thống hóa nội dung bài học. Cụ thể bao gồm các loại hình sau:

Một là, video thuyết minh là dạng video trình bày nội dung tri thức tại điểm di tích, có lời thuyết minh dẫn dắt, giúp HS tiếp cận kiến thức một cách rõ ràng.

Đối với nội dung bài 16: *Khởi nghĩa Lam Sơn* sử dụng video thuyết minh về khu di tích Lam Kinh làm tư liệu trực quan giúp HS tận mắt quan sát không gian căn cứ khởi nghĩa, qua đó nắm vững các mốc lịch sử và hiểu rõ vai trò của vùng đất phát tích triều đại Lê Sơ một cách sinh động, hiệu quả.



Hình 8. Hình ảnh trong video Bài 16 [PL 3.1_26]

Hai là, video tư liệu lịch sử, là video khai thác các nguồn tư liệu lịch sử chính thống, có tính xác thực cao, được sử dụng để minh họa và làm rõ nội dung bài học.

Trong nội dung *Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 -1400)*, video tư liệu về Phật hoàng Trần Nhân Tông giúp HS hình dung rõ nét sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm và tinh thần nhập thế của Phật giáo, từ đó hiểu sâu sắc sự gắn kết giữa tôn giáo với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.



Hình 9. Hình ảnh trong video Bài 13 [PL 3.1_16]

Ba là, video hoạt hình lịch sử, là video sử dụng kỹ thuật hoạt hình để tái hiện các sự kiện, nhân vật hoặc bối cảnh lịch sử, giúp trực quan hóa các nội dung trừu tượng.

Nhằm trực quan hóa tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn trong *Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển nước Đại Việt (1009 – 1017)*, video hoạt hình về sự kiện dời đô, tái hiện sinh động hành trình từ Hoa Lư về Thăng Long, giúp HS dễ dàng thấu hiểu nội dung “Chiếu dời đô” và ý nghĩa trọng đại của việc định đô tại vùng đất “rồng cuộn hổ ngồi”.



Hình 10. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.1_7]

Bốn là, video mô phỏng 2D/3D là video tái hiện không gian hoặc diễn biến sự kiện lịch sử bằng mô hình hai chiều hoặc ba chiều, giúp HS dễ dàng hình dung tiến trình và cấu trúc.

Thông qua việc sử dụng video mô phỏng kiến trúc Hoàng thành Thăng Long trong *Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển nước (1009 -1225)*, HS có thể quan sát chi tiết cấu trúc kinh đô xưa qua không gian 3D trực quan, từ đó dễ dàng hình dung sự quy mô, bề thế và bước phát triển vượt bậc của nền văn minh Đại Việt thời bấy giờ.



Hình 11. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.1_8]

Năm là, video đối thoại là dạng video xây dựng tình huống giao tiếp giả định giúp truyền tải tiến trình lịch sử một cách sinh động.

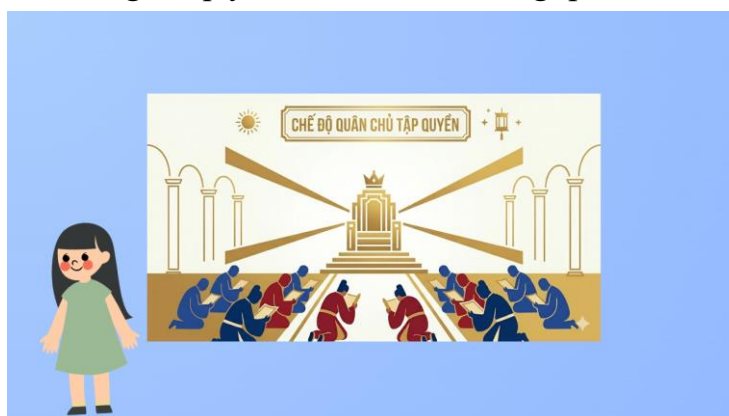
Việc áp dụng video đối thoại trong *Bài 10. Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền Lê (968 -1009)* giúp biến những sự kiện chính trị khô khan thành các tình huống giao tiếp sinh động giữa các nhân vật lịch sử, cho phép HS thấu hiểu sâu sắc diễn biến cuộc đổi ngôi từ họ Đinh sang họ Lê cũng như kế sách đối với ngoại xâm của Thái hậu Dương Vân Nga và Thập đạo tướng quân Lê Hoàn.



Hình 12. Hình ảnh trong video Bài 10 [PL3.2_2]

Sáu là, video đồ họa động, là video trình bày kiến thức lịch sử dưới dạng đồ họa động, giúp hệ thống hóa thông tin như mốc thời gian, sự kiện, nhân vật hoặc tiến trình lịch sử.

Đối với nội dung *Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển nước (1009 -1225)*, video đồ họa động đóng vai trò như một bản đồ tư duy trực quan, giúp HS hệ thống hóa toàn bộ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương và nắm bắt nhanh chóng tiến trình củng cố quyền lực chính trị thông qua luật Hình thư.



Hình 13. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.2_3]

Khoá luận đã đề xuất dành mục video có sẵn và dự kiến thời lượng khai thác sử dụng trong dạy học Lịch sử và Địa lí lớp 7 [PL3.1]. Danh mục video xây dựng và dự kiến khai thác sử dụng trong dạy học Lịch sử và Địa lí lớp 7 [PL3.2], để các GV dạy Lịch sử và Địa lí có thể khai thác và linh hoạt sử dụng trong hoạt động dạy học của bản thân. Ví dụ trong hoạt động hình HTKT có thể khai thác từ các video trong PL3.1_1,2, 2.1,3,...42 và các video trong PL3.2_2,3,7,10.

2.2.2.3. Một số lưu ý khi sử dụng video trong hoạt động HTKT

Việc sử dụng video trong hoạt động HTKT có những đặc trưng cơ bản sau:

- Cung cấp tri thức lịch sử một cách có hệ thống, đảm bảo tính logic và tính khoa học của nội dung bài học

- Kết hợp đa dạng các hình thức trực quan (hình ảnh, âm thanh, đồ họa, mô phỏng) nhằm tăng hiệu quả tiếp nhận thông tin
- Tăng khả năng hình dung và tái hiện các sự kiện, hiện tượng lịch sử vốn trừu tượng hoặc khó tiếp cận trực tiếp
- Kết hợp hài hòa giữa tư liệu lịch sử truyền thống và các sản phẩm công nghệ mới, đặc biệt là các sản phẩm ứng dụng, góp phần hiện đại hóa PPDH

2.2.3. Hoạt động luyện tập

2.2.3.1 Mục tiêu

Hoạt động luyện tập nhằm củng cố, hệ thống hóa và kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của HS sau khi đã hình thành tri thức mới. Đây là hoạt động giúp HS chuyển từ nhận biết sang hiểu và vận dụng ở mức độ cơ bản, đồng thời hỗ trợ GV đánh giá bước đầu hiệu quả dạy học. Việc sử dụng video trong hoạt động này không chỉ dừng lại ở việc nhắc lại kiến thức mà còn hướng đến tổ chức các nhiệm vụ học tập có tính kiểm tra và phản hồi.

2.2.3.2. Các hình thức video sử dụng

Trong hoạt động luyện tập, các loại hình video được lựa chọn theo hướng ngắn gọn, tập trung vào trọng tâm kiến thức và có khả năng tích hợp yếu tố tương tác. Cụ thể gồm:

Một là, video tóm tắt kiến thức là video hệ thống lại các nội dung trọng tâm của bài học dưới dạng cô đọng, giúp HS củng cố và ghi nhớ kiến thức.

Vai trò của video tóm tắt kiến thức trong Chương 4: Việt Nam từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XI là cô đọng tiến trình lịch sử từ Ngô Quyền đến thời Tiền Lê vào một dòng thời gian thống nhất, hỗ trợ HS xuyên chuỗi các sự kiện trọng tâm.



Hình 14. Hình ảnh trong video Bài 11 [PL 3.2_3]

Hai là, video sơ đồ hóa nội dung là video trình bày kiến thức dưới dạng sơ đồ tư duy, thể hiện mối quan hệ giữa các đơn vị kiến thức, hỗ trợ HS hệ thống nội dung kiến thức.



Hình 15. Hình ảnh trong video Bài 18 [PL 3.2_11]

Khoá luận đã đề xuất dành mục video có sẵn và dự kiến thời lượng khai thác sử dụng trong dạy học lịch sử và địa lí lớp 7 [PL3.1]. Danh mục video xây dựng và dự kiến khai thác sử dụng trong dạy học lịch sử và địa lí lớp 7 [PL3.2], để các GV dạy Lịch sử - Địa lí có thể khai thác và linh hoạt sử dụng trong hoạt động dạy học của bản thân. Ví dụ trong hoạt động hình HTKT có thể khai thác từ các video trong PL3.1_22,24 và các video trong PL3.2_1,11.

2.2.3.3. Một số lưu ý khi sử dụng video trong hoạt động luyện tập

Việc sử dụng video trong hoạt động luyện tập có một số đặc trưng cơ bản sau:

- Nội dung ngắn gọn, tập trung vào các đơn vị kiến thức trọng tâm của bài học
- Gắn chặt với các nhiệm vụ học tập cụ thể nhằm củng cố và kiểm tra kiến thức.
- Tích hợp việc kiểm tra - phản hồi, tạo điều kiện cho HS tự đánh giá mức độ hiểu bài.
- Hỗ trợ quá trình ghi nhớ, hệ thống hóa và khắc sâu kiến thức lịch sử

2.2.4. Hoạt động vận dụng

2.2.4.1. Mục tiêu

Hoạt động vận dụng nhằm giúp HS mở rộng tri thức lịch sử đã học, đồng thời phát triển năng lực tư duy, đặc biệt là năng lực phân tích, đánh giá và liên hệ với những vấn đề thực tiễn đặt ra. Đây là giai đoạn HS không chỉ tái hiện kiến thức mà còn biết sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề, hiện tượng trong bối cảnh mới, từ đó hình thành năng lực học tập độc lập và tư duy lịch sử bậc cao.

Trong hoạt động này, video được sử dụng như một công cụ mở rộng không gian học tập, tạo điều kiện để HS tiếp cận các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc nhìn khác nhau.

2.2.4.2. Các loại hình video sử dụng

Các loại hình video trong hoạt động vận dụng mang tính đa dạng, chú trọng chiều sâu nội dung và khả năng liên hệ thực tiễn. Cụ thể gồm:

Một là, video phân tích - bình luận lịch sử là video trình bày các quan điểm, nhận định hoặc cách lí giải về sự kiện, hiện tượng lịch sử, giúp HS tiếp cận nhiều góc nhìn và phát triển tư duy phân tích.



Hình 16. Hình ảnh trong video Bài 15 [PL 3.1_27]

Hai là, video tư liệu mở rộng liên quan đến di sản là các video giới thiệu di tích, hiện vật hoặc không gian văn hóa lịch sử, góp phần gắn kết kiến thức sách giáo khoa với thực tiễn.

Trong Bài 18. *Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI* video tư liệu mở rộng về Thị Nại đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa tri thức sách giáo khoa và thực tiễn lịch sử. Qua các thước phim giới thiệu di tích và thương cảng cổ, HS có thể nắm vững hoạt động kinh tế biển sầm uất của vùng.

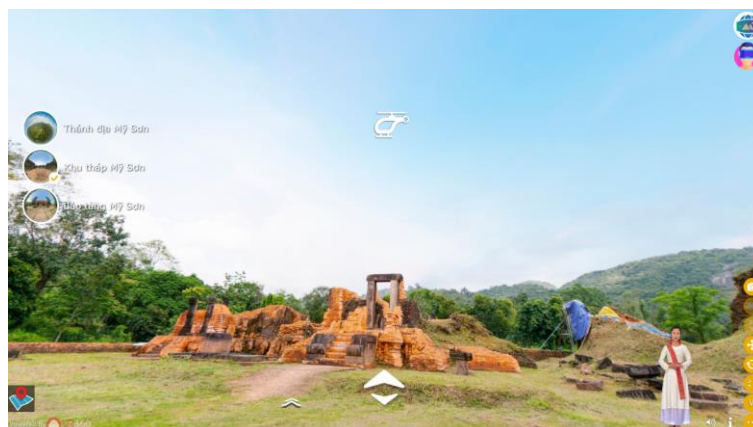


Hình 17. Hình ảnh trong video Bài 18 [PL 3.1_4]

Bà là, video thực tế ảo 360° tham quan di tích lịch sử là video cho phép người học quan sát không gian lịch sử theo nhiều góc độ, tạo trải nghiệm gần với tham quan thực tế.

Trong dạy học Bài 18. *Vương Quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI* GV sử dụng video thực tế ảo 360° về thánh địa Mỹ Sơn được sử dụng cho phép HS có thể chủ động quan sát cấu trúc đền tháp và nghệ thuật gạch đất nung kết dính tinh xảo từ nhiều góc độ. Thay vì chỉ nhìn hình ảnh tĩnh, HS có thể “nhập vai” để khám phá các nhóm tháp A, B, C, từ đó được

mở rộng thêm kiến thức về đặc điểm kiến trúc tiêu biểu và những giá trị văn hóa, tôn giáo đặc trưng của cư dân Chăm-pa xưa.



Hình 18. Hình ảnh trong video Bài 18 [PL3.1_43]

Khoá luận đã đề xuất dành mục video có sẵn và dự kiến thời lượng khai thác sử dụng trong dạy học lịch sử và địa lí lớp 7 [PL3.1]. Danh mục video xây dựng và dự kiến khai thác sử dụng trong dạy học lịch sử và địa lí lớp 7 [PL3.2], để các GV dạy Lịch sử - Địa lí có thể khai thác và linh hoạt sử dụng trong hoạt động dạy học của bản thân. Ví dụ trong hoạt động hình HTKT có thể khai thác từ các video trong PL3.1_11,16,22,23,26,27,41,42,43.

2.2.4.3. Một số lưu ý khi sử dụng video trong hoạt động vận dụng

Việc sử dụng video trong hoạt động vận dụng có những đặc trưng cơ bản sau:

- Nội dung mang tính mở, không giới hạn ở một đáp án duy nhất, khuyến khích HS suy nghĩ đa chiều
- Tập trung vào phân tích, đánh giá và liên hệ, thay vì chỉ tái hiện kiến thức
- Gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức lịch sử với thực tiễn và các giá trị di sản văn hóa
- Tạo điều kiện phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực vận dụng kiến thức và năng lực học tập tự học.

Việc đa dạng hóa các loại hình video trong dạy học lịch sử cho thấy sự chuyển biến từ cách tiếp cận truyền thống sang hướng tổ chức hoạt động học tập dựa trên học liệu số. Video không còn đơn thuần là phương tiện minh họa mà trở thành công cụ sư phạm quan trọng, tham gia trực tiếp vào từng hoạt động của tiến trình dạy học.

Đặc biệt, sự xuất hiện và phát triển của các loại hình video ứng dụng trí tuệ nhân tạo như video avatar, video tái tạo bối cảnh, video mô phỏng 3D hay video tương tác đã mở rộng đáng kể khả năng tái hiện và trực quan hóa lịch sử. Nhờ đó, hoạt động dạy học không chỉ trở nên sinh động hơn mà còn tạo ra môi trường học

tập đa chiều, góp phần phát triển năng lực người học theo định hướng giáo dục hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số.

*** Link sản phẩm xây dựng video ứng dụng trong dạy học nội dung lịch sử Việt Nam lớp 7**



<https://www.youtube.com/@dungthuy9564>

2.3. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy sử dụng video trong dạy học phân môn Lịch sử

Trong khóa luận tốt nghiệp chúng tôi đã hệ thống được danh mục 43 link video có sẵn với nguồn tin cậy từ trang của Truyền hình Việt Nam (VTV1), Báo nhân dân, Truyền hình Quảng Ninh, Truyền hình Thanh Hóa, Truyền hình Ninh Bình có nội dung phản ánh lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, đây là nguồn học liệu có giá trị để GV tham khảo, lựa chọn cho các KHBD của bản thân. Bên cạnh đó là danh mục 11 video do tác giả khóa luận tự xây dựng, có thể được coi là nguồn tài liệu tham khảo cho GV khi thiết kế KHBD.

Trong giới hạn khóa luận tốt nghiệp, tác giả chỉ thực hiện thiết kế KHBD có sử dụng video trong 4 bài:

Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225)

Nhà Lý là triều đại đặt nền móng vững chắc cho một quốc gia phong kiến độc lập, tập quyền toàn diện. Năm 1009, Lý Công Uẩn lập ra nhà Lý. Năm 1010, vua dời đô về Đại La, đổi tên thành Thăng Long, mở ra thời kỳ định hình trung tâm chính trị – kinh tế lâu dài của đất nước. Nhà Lý ban hành bộ luật *Hình thư* bộ luật thành văn đầu tiên, tổ chức quân đội gắn liền với chính sách *Ngụ binh ư nông* và đẩy mạnh kinh tế nông - thương nghiệp. Về văn hóa, Phật giáo phát triển rực rỡ; giáo dục chính thống bắt đầu với sự ra đời của Văn Miếu (1070) và Quốc Tử Giám (1076). Sự kiện định đô ở Thăng Long khẳng định thế tự cường của dân tộc và khai sinh thời kỳ văn minh Đại Việt thăng hoa.

Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 - 1400)

Thành lập cuối năm 1225 – đầu năm 1226, nhà Trần củng cố triều chính bằng chế độ *Thái thượng hoàng* độc đáo. Thành tựu quân sự oanh liệt nhất là ba lần lãnh đạo nhân dân Đại Việt kháng chiến đại thắng quân xâm lược Mông - Nguyên (1258, 1285, 1287 - 1288), tiêu biểu là trận Bạch Đằng (1288). Thời kỳ này cũng ghi dấu ấn với sự phát triển của chữ Nôm, sự ra đời của bộ quốc sử đầu tiên *Đại Việt sử ký* và nền y học dân tộc của Tuệ Tĩnh.

Nhà Trần đã bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, ngăn chặn mưu đồ bành trướng xuống Đông Nam Á của đế quốc Mông - Nguyên. Giai đoạn này tôi luyện nên “hào khí Đông A” và để lại bài học vĩ đại về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)

Là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vĩ đại, kết thúc 20 năm thống trị tàn bạo của nhà Minh và khôi phục chủ quyền đất nước. Từ cuộc khởi nghĩa ở địa phương, tụ nghĩa năm 1416, bùng nổ 1418 tại vùng đất Lam Sơn, Thanh Hóa dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi nhằm lật đổ ách đô hộ của nhà Minh. Sau giai đoạn đầu gian khổ ở vùng núi, nghĩa quân chuyển hướng chiến lược vào Nghệ An (1424), tạo bước ngoặt giải phóng vùng đất phía nam. Tạo thế cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc (chiến thắng oanh liệt tại Tốt Động - Chúc Động và Chi Lăng - Xương Giang). Cuộc chiến kết thúc nhân văn bằng Hội thề Đông Quan, cấp ngựa thuyền cho quân Minh rút về nước. Cuộc khởi nghĩa để lại những bài học kinh điển “vây thành diệt viện”, “công tâm” về nghệ thuật quân sự và mở đường cho triều đại Lê sơ thịnh trị.

Bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ là mảnh ghép cốt lõi giúp nhận thức toàn diện về không gian lịch sử, địa lí và sự đa dạng văn hóa của phương Nam. Quá trình tồn tại, giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng cư dân chính là tiền đề lịch sử quan trọng cho công cuộc cộng cư và định hình lãnh thổ Việt Nam thống nhất sau này.

2.3.1. Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225)

2.3.1.1 Yêu cầu cần đạt

** Về kiến thức*

- Những nét về sự thành lập nhà Lý.
- Ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn
- Những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.

- Những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục.

* *Về năng lực*

- Năng lực chung:

+ *Năng lực tự học*: khai thác được tài liệu phục vụ cho nội dung bài 11. *Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 -1125).*

+ *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm có hiệu quả.

+ *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

- Năng lực đặc thù:

+ *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang 52-57 và video để trình bày được những nét chính về sự thành lập nhà Lý

+ *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý; giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hóa, giáo dục thời Lý.

+ *Năng lực vận dụng tri thức lịch sử*: đánh giá ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.

* *Về phẩm chất*:

HS có ý thức học tập nghiêm túc, có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.

2.3.1.2. Ý tưởng thiết kế KHBD sử dụng video

Để hiện giúp HS hình dung rõ nét về diện mạo đất nước dưới triều đại nhà Lý - một thời kỳ chuyển mình mạnh mẽ của lịch sử dân tộc - ý tưởng thiết kế bài học tập trung vào việc sử dụng video như một “cầu nối” trực quan xuyên suốt các hoạt động. Thông qua các thước phim tư liệu và phục dựng, bài học không chỉ cung cấp kiến thức mà còn tạo ra những trải nghiệm cảm xúc, giúp HS chủ động khám phá và đánh giá các giá trị lịch sử.

Trong hoạt động mở đầu, GV sử dụng video “*Bản tin thời sự: Dời đô về Đại La*” [PL3.2_4] được sử dụng kết hợp với câu hỏi “*Không khí của người dân trước sự kiện dời đô?*” để khơi dậy hứng thú học tập. Cách dẫn dắt này không chỉ giúp kết nối những hiểu biết ban đầu mà còn tạo sự tìm tòi, hứng thú của HS về việc lựa chọn vùng đất Đại La làm nơi định đô, từ đó dẫn dắt HS đánh giá ý nghĩa của sự kiện đương thời và sự phát triển của lịch sử của dân tộc.

Khi tìm hiểu về tình hình chính trị, việc lồng ghép video “*Kiến trúc cung điện thời Lý tại Hoàng thành Thăng Long*” [PL3.1.8] với hình ảnh phục dựng, mô phỏng không gian của kinh thành Thăng Long thời Lý kết hợp với câu hỏi “*Nêu cảm nhận của em về quy mô và cách bố trí các cung điện thời Lý*” để HS quan sát được sự nguy nga, bề thế của kinh đô; giúp các em cảm nhận được sự ổn định và thịnh trị của nhà nước quân chủ. Video này đóng vai trò là học liệu bổ trợ giúp GV mở rộng kiến thức sau khi HS đã thảo luận về sơ đồ tổ chức chính quyền và luật pháp.

Về nội dung kinh tế, video “*Vân Đồn - Thương cảng quốc tế đầu tiên của Việt Nam*” [PL3.1_10] được sử dụng để làm rõ hơn sự năng động của hoạt động thương nghiệp thời Lý. Với hình ảnh sinh động, trực quan, HS có thể quan sát rõ hơn địa thế của Vân Đồn kết hợp trả lời câu hỏi “*Ấn tượng của em về thương cảng Vân Đồn*” giúp các em hiểu rõ hơn về vai trò của trung tâm buôn bán, chính sách ngoại thương và sự hưng thịnh của nền kinh tế đất nước. Đây là công cụ hữu hiệu để GV chuẩn hóa kiến thức sau khi HS thảo luận nhóm.

Cuối cùng, trong nội dung văn hóa và giáo dục, GV có thể giới thiệu video “*Di sản Việt Nam - Chùa Diên Hựu thời Lý*” [PL3.1_11] để minh họa cho sự thịnh hành của Phật giáo và nghệ thuật kiến trúc. Ý tưởng của đoạn phim này là mang đến một góc nhìn đa chiều, cho phép HS trực tiếp quan sát và cảm nhận sự tinh xảo trong nghệ thuật tạo hình thời Lý; cùng với đó là câu hỏi “*Cảm nhận của em về nghệ thuật kiến trúc thời Lý*” và PHT những nét về tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý giúp củng cố nhận thức về những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục mà còn khơi dậy lòng tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ các di sản văn hóa quý báu của tổ tiên.

Tổng thời lượng của các video được sử dụng trong bài học là khoảng 14 phút, chiếm tỷ lệ khoảng 15,5% trên tổng số 90 phút của hai tiết học. Thời lượng này được phân bổ trong các hoạt động, đảm bảo đóng vai trò là nguồn học liệu trực quan hỗ trợ HS khai thác thông tin và giải quyết nhiệm vụ học tập một cách hiệu quả. Thiết kế KHBD với việc sử dụng video như vậy góp phần giúp cân bằng giữa việc quan sát hình ảnh sinh động và các hoạt động thảo luận, tương tác trực tiếp tại lớp.

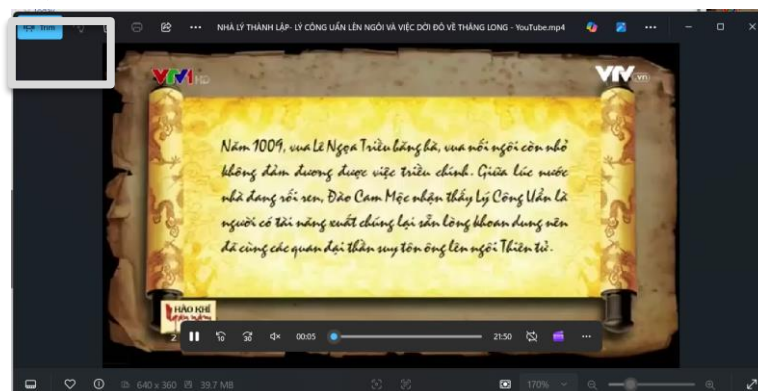
2.3.1.3. Kịch bản và kỹ thuật xây dựng video

- *Đối với video cải biên từ nguồn có sẵn*

Trên cơ sở phạm vi kiến thức bài 11, đề tài thống kê được 6 link video tin cậy mà GV có thể khai thác các trích đoạn trong đó để thiết kế trong KHBD của mình. Với các nội dung như: lí do chọn Thăng Long làm kinh đô, khái quát thành Thăng Long, phục dựng kiến trúc cung điện thời Lý, tổ chức chính quyền và quản

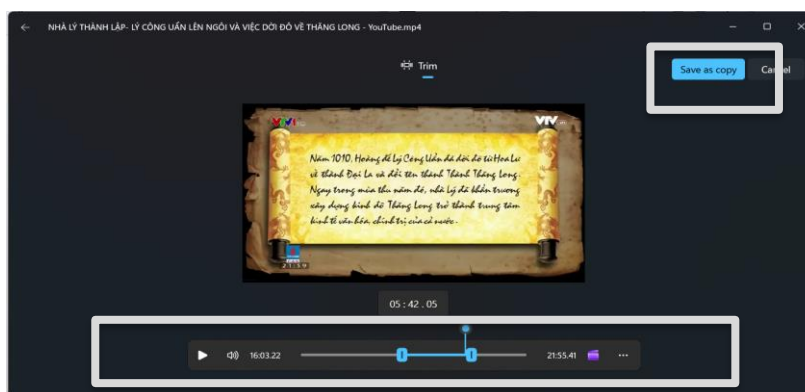
lí thúế, chính sách của Lý Thái Tổ đối với vùng biên viễn, Phật giáo dưới thời Lý, tình hình trao đổi buôn bán tại cảng Vân Đồn thời Lý, kiến trúc độc đáo Chùa Diên Hựu thời Lý.

GV có thể lựa chọn dung lượng thông tin phù hợp với ý tưởng thiết kế hoạt động dạy học và cắt (edit) video trên máy tính cá nhân hoặc cắt trên trực tuyến để có được trích đoạn video sử dụng trong bài. Để cắt trên máy tính cá nhân, GV click vào link video tư liệu → tải file về máy (mp4) → mở file tài liệu → chọn Trim (góc trái màn hình)



Hình 19 Hình ảnh giao diện cắt video trên máy tính cá nhân

Theo ý tưởng thể kế nội dung trong KHBD, GV chọn đoạn trích cần sử dụng phù hợp và trên thanh hiển thị thời lượng video, xác định điểm cắt đầu và điểm dừng cuối của đoạn video và nhấn chọn **Save as copy**

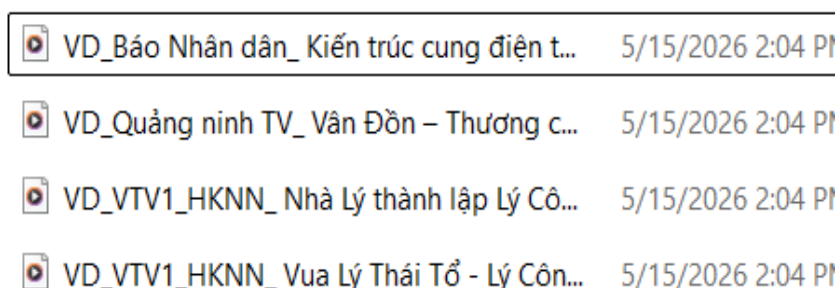


Hình 20 Hình ảnh giao diện cắt video trên máy tính cá nhân

Sau khi tạo được file video theo mong muốn, GV thực hiện việc đặt tên và lưu file thuận lợi cho quá trình lưu trữ và sử dụng sau này. Tên file có thể đặt thống nhất theo mẫu như sau:

VD_ Kênh thông tin gốc_ tên video_ Bài được ứng dụng video_ Lớp

(VD_VTV1/Khát vọng_ Nhà Lý thành lập: Lý Công Uẩn lên ngôi và việc dời đô về Thăng Long B11_7



Hình 21 Hình ảnh kho lưu trữ trên máy tính cá nhân video phục vụ dạy học phần lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Căn cứ YCCĐ của bài 11, chúng tôi đã chọn lọc thông tin, và dự kiến thời lượng cho mỗi trích đoạn video mà GV có thể khai thác đưa vào giờ học khi thiết kế KHBD. [PL3.1_ 6,7,8,9,10,11]

- Đối với video sử dụng AI

Căn cứ vào YCCĐ của bài học, ý tưởng thiết kế KHBD và kĩ năng ứng dụng CNTT của mình mà GV có thể tự mình xây dựng các video để người học được trải nghiệm hoạt động học tập thêm sự sáng tạo, mới mẻ trong bước chuyển mình của thời đại số.

Mức độ ứng dụng CNTT được thể hiện ở hai dạng: một là, thông qua việc sưu tầm các tư liệu từ nguồn tin cậy, được hệ thống, biên tập nội dung phù hợp với nội dung bài học cụ thể xuất bản thành video; hai là video xây dựng ứng dụng tuệ nhân tạo AI.

Với video AI, GV sẽ ứng dụng các nền tảng như chat GPT, Gemini, Grok, Canva, Adobe Express,... để tạo kịch bản và xuất bản video.

Ở Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1077), đề tài xây dựng (Bản tin thời sự) “Rời đô về Đại La” dùng trong hoạt động khởi động và video (đồ họa động) “Bộ máy chính trị thời Lý” sử dụng khi HTKT. GV phải thiết kế được kịch bản phù hợp để xuất bản video để sử dụng trong bài.

Tác giả khoá luận đã xây dựng kịch bản cho video bản tin thời sự dời đô về Đại La. [PL4.4].



Hình 22. Hình ảnh video Bài 9 [PL 3.2_4]

Bảng 2.1. Hệ thống video sử dụng trong kế hoạch bài dạy Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225)

Hoạt động	Nội dung	Tên video	Liên kết	Loại hình video	Cách sử dụng	Mục đích sử dụng
Khởi động	Dẫn nhập về sự kiện dời đô	Bản tin thời sự: Rời đô về Đại La		Video AI bản tin thời sự có phong viên ở hiện trường	Giúp HS hiểu giá trị địa lí, chính trị của thành Đại La qua nội dung "Chiếu dời đô" một cách trực quan.	Tạo hứng thú, kết nối hiểu biết ban đầu về vua Lý Thái Tổ và Thăng Long.
HTKT	Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long	Kiến trúc cung điện thời Lý tại Hoàng thành Thăng Long	https://www.youtube.com/watch?v=qlHQruVHxwQ	Video tư liệu - phục dựng 3D	HS quan sát hình ảnh kết hợp SGK để hình dung quy mô kinh đô.	Cung cấp bối cảnh trực quan về sự tráng lệ của kiến trúc cung đình

HTKT	Tình hình kinh tế (Thương nghiệp)	Vân Đồn – Thương cảng quốc tế đầu tiên của Việt Nam.	https://www.youtube.com/watch?v=Bu79dEf1dIk	Video tư liệu – thuyết minh	HS xem video để tìm hiểu vị trí và vai trò của thương cảng.	Giúp HS hiểu sự phát triển của kinh tế đối ngoại và vị thế đất nước.
HTKT	Tình hình văn hóa, giáo dục	VR3D Di sản Việt Nam - Chùa Diên Hựu thời Lý	https://www.youtube.com/watch?v=EFb7TmG-D9o	Video tư liệu – phục dựng thực tế ảo	HS xem video kết hợp làm PHT về đặc điểm nghệ thuật.	Giúp HS nhận thức sâu sắc về sự phát triển của Phật giáo và kiến trúc thời Lý.

KHBD Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225) [PL1.1]

2.3.2. Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 - 1400)

2.3.2.1. Yêu cầu cần đạt

* Kiến thức

- Sự thành lập nhà Trần.
- Những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt dưới thời Trần.

* Năng lực:

- Năng lực chung
 - + *Năng lực tự học*: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
 - + *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm có hiệu quả tại mục “Tình hình chính trị” và mục “Tình hình văn hoá”
 - + *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.
- * *Năng lực đặc thù*:
 - + *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang 62-67, để trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.

- + *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: mô tả được sự thành lập của nhà Trần; nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa của Đại Việt dưới thời Trần.
- + *Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử*: rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc;

* *Phẩm chất*:

Bồi dưỡng cho HS tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước; giáo dục lòng biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ý thức trân trọng giá trị và bảo vệ di sản văn hóa Đại Việt.

2.3.2.2. Ý tưởng thiết kế KHBD có sử dụng video

Đối với bài 13 *Đại Việt thời Trần* GV tổ chức hoạt động khởi động với video “trailer hào khí Đông A” [PL3.2_5] và câu hỏi “*Video trên nói đến triều đại nào? Nêu những hiểu biết của em về triều đại này*” để kích thích sự tò mò của HS về nội dung bài học mới

Trong hoạt động HTKT ở nội dung chính trị, việc sử dụng video “*Triều đình thời vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh)*” [PL3.1.14] để mở rộng về thể chế quân chủ trung ương tập quyền. Ý tưởng thiết kế là thông qua phim tư liệu, HS có thể hình dung rõ nét về tổ chức chính quyền và chính sách “*ngụ binh ư nông*”.

Đối với tình hình kinh tế, video “*Hoạt động buôn bán tại Vân Đồn dưới thời Trần*” [PL3.1.15] được lồng ghép với câu hỏi hỏi “*Mô tả những nét chính về tình hình thủ công nghiệp thời Trần*” để minh họa cho sự hưng thịnh của thương nghiệp. Ý tưởng thiết kế là giúp HS quan sát thực tế địa thế và vai trò của thương cảng quốc tế này, qua đó khắc họa rõ nét hình ảnh một nền kinh tế Đại Việt năng động và phát triển.

Cuối cùng, ở lĩnh vực văn hoá, GV có thể sử dụng video “*Phật hoàng Trần Nhân Tông - Phim Lịch Sử Việt Nam Hay Nhất 2022*” [PL3.1_16] là điểm nhấn để giáo dục giá trị tư tưởng. Ý tưởng thiết kế tập trung vào việc khơi dậy lòng tự hào dân tộc khi HS được tìm hiểu về sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do người Việt sáng lập, khẳng định ý thức tự lập, tự cường mạnh mẽ của dân tộc thời bấy giờ.

Tổng thời lượng video sử dụng trong *Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226-1400)* là khoảng 14 phút 10 giây, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 15,7% trên tổng số 90 phút của hai tiết học. Đây là tỷ lệ phân bổ hợp lý, giúp trực quan hóa, đóng vai trò là học liệu quan trọng để HS khai thác kiến thức thay vì chỉ tiếp nhận thụ động.

2.3.2.3. Kịch bản và kỹ thuật xây dựng video

- *Đối với video cải biên từ nguồn có sẵn*

Trên cơ sở phạm vi kiến thức bài 13, đề tài thông kê được 4 link video tin cậy mà GV có thể khai thác các trích đoạn trong đó để thiết kế trong KHBD của mình. Với các nội dung như: Chiều truyền ngôi của vua Lý Chiêu Hoàng, tổ chức nhà nước, tình hình kinh tế, hoạt động buôn bán tại Vân Đồn dưới thời Trần; quân sự, kháng chiến chống ngoại xâm, văn hóa, xã hội (tư tưởng Nho - Phật - Đạo, giáo dục thi cử, đời sống tinh thần), tôn giáo dưới thời Trần, thượng hoàng Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm ...

Căn cứ YCCĐ của Bài 13, chúng tôi đã chọn lọc thông tin và dự kiến thời lượng cho mỗi trích đoạn video mà GV có thể khai thác đưa vào giờ học khi thiết kế KHBD [PL3.1_13,14, 15,16]

- Đối với video sử dụng AI

Trong dạy học *Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226–1400)*, căn cứ vào YCCĐ của bài học, ý tưởng thiết kế KHBD của GV và dựa trên các nền tảng Gemini, Capcut để tạo kịch bản và xuất bản video. GV tạo video “*Trailer hào khí Đông A*” [PL3.2_5], dùng trong hoạt động khởi động để tạo ấn tượng ban đầu và khơi gợi sự tò mò cho HS về triều đại nhà Trần.

Bảng 2.2. Danh mục video sử dụng trong kế hoạch bài dạy

Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 - 1400)

Hoạt động	Nội dung	Tên video	Đường liên kết	Loại hình video	Cách sử dụng	Mục đích sử dụng
Mở đầu	Dẫn nhập về sự thành lập nhà Trần	Trailer lịch sử về hào khí Đông A		Trailer	HS xem video và trả lời câu hỏi	Khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú
HTKT	Tổ chức bộ máy chính quyền thời Trần	Triều đại nhà Trần tập 5: Bộ máy nhà nước	https://www.youtube.com/watch?v=smb4OdhHRq4	Video tư liệu đồ họa	HS quan sát video để nhận diện cấu trúc chính quyền và quân đội.	Trực quan hóa bộ máy cai trị, giúp HS hiểu về sự hoàn thiện của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.
HTKT	Tình hình kinh tế	Hào khí ngàn năm: Hoạt động	https://www.youtube.com/watch?v=smb4OdhHRq4	Video hoạt	HS xem video để mô tả đặc điểm của	Cụ thể hóa sự năng động và hưng thịnh của

	thương nghiep	buôn bán tại Vân Đồn dưới thời Trần	atch?v=G rTB9EiH ONg	hình tư liệu	thương cảng Vân Đồn.	hoạt động thương mại quốc tế thời Trần.
HTKT	Tình hình văn hóa, tôn giáo	Phật hoàng Trần Nhân Tông - Phim Lịch Sử Việt Nam Hay Nhất 2022	https://w ww.youtu be.com/w atch?v=7 Wu5gO1 9GRI	Video phim điện ảnh lịch sử	HS quan sát video để tìm hiểu về sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm.	Giới thiệu thành tựu tư tưởng tiêu biểu, khơi dậy lòng tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc.

KHBD Bài 13 Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) [PL1.2]

2.3.3. Bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)

2.3.3.1. Yêu cầu cần đạt

* Kiến thức

- Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Vai trò của các nhân vật lịch như tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

* Về năng lực

- *Năng lực chung:*

- + Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

- *Năng lực đặc thù:*

+ *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ trang 78-82, để trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn;

+ *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

+ *Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử*: Liên hệ, rút ra được bài học từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với những vấn đề của thực tiễn hiện nay rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

*** Về phẩm chất**

Ý thức học tập nghiêm túc; có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ liêng liêng của Tổ quốc. Tinh thần nhân đạo, yêu chuộng hòa bình.

2.3.3.2. Ý tưởng thiết kế KHBD có sử dụng video

Trong hoạt động khởi động, GV sử dụng video “*Bài hát về khởi nghĩa Lam Sơn*” [PL.3.2_6] với giai điệu hào hùng để đánh thức cảm xúc và tạo sự kết nối với những kiến thức sơ khai mà HS đã biết về vùng đất Lam Sơn. Thay vì dẫn dắt bằng lời nói thông thường, việc xem video giúp HS bước vào bài học với tâm thế hứng khởi, sẵn sàng khám phá những trang sử vàng của dân tộc.

Tại mục 1.a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa, hệ thống video được thiết kế theo hai lớp tiếp cận. Đầu tiên, video AI: “*Nguyên nhân khởi nghĩa Lam Sơn*” [PL3.2_7] đóng vai trò cung cấp kiến thức nền. Ý tưởng thiết kế là giúp HS quan sát thực trạng đất nước dưới ách đô hộ của nhà Minh, từ đó thấu hiểu tính tất yếu của cuộc khởi nghĩa. Video tư liệu có thuyết minh giúp chuẩn hóa các thông tin về thời gian, địa điểm và nhân vật khởi xướng (Lê Lợi). Ngay sau đó, video “*Hội thề Lũng Nhai*” [PL3.1.30] được sử dụng để minh họa cho sự đồng lòng của bộ chỉ huy nghĩa quân. Ý tưởng thiết kế là dùng hình ảnh tái hiện sự kiện để khắc sâu vào tâm trí HS về khối đại đoàn kết của 18 hào kiệt, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn ngay từ những ngày đầu gây dựng phong trào.

Đối với nội dung “những năm đầu khởi nghĩa”, sử dụng video “*Khát vọng non sông: Lê Lai cứu chúa*” [PL3.1_34] được lồng ghép như một câu chuyện kể lịch sử đầy xúc động. Ý tưởng thiết kế là thông qua hành động hy sinh liêm liệt của Lê Lai để cứu chủ tướng Lê Lợi, HS có thể cảm nhận sâu sắc lòng trung quân ái quốc và sự gắn bó máu thịt giữa tướng sĩ trong lúc gian nguy. Video không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức về một sự kiện cụ thể mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, bồi đắp lòng biết ơn đối với các bậc tiền nhân.

Hệ thống video sử dụng trong Bài 16 được phân bổ tập trung vào giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa nhằm khắc họa rõ nét chân dung các nhân vật lịch sử và bối cảnh đầy khó khăn. Với tổng thời lượng khoảng 12 phút, các video này đóng vai trò là nguồn học liệu giúp HS rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích và cảm thụ lịch sử, làm tiền đề để HS tự tìm hiểu các chiến thắng lẫy lừng ở giai đoạn sau.

2.3.3.3. Kịch bản và kĩ thuật xây dựng video

- Đối với video xây dựng từ nguồn có sẵn

Trên cơ sở phạm vi kiến thức bài 16, đề tài thông kê được 8 link video tin cậy mà GV có thể khai thác các trích đoạn trong đó để thiết kế trong KHBD của mình. Với các nội dung được làm rõ như: Đất nước dưới sự cai trị của nhà Minh, nguyên nhân diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Hội thề Lũng Nhai thể hiện tình thần đoàn kết quyết tâm đánh giặc, Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa, các giai thoại (sự tích gươm thần, Lê Lai cứu chúa, Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang, Hội thề Đông Quan,..

Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427), hoạt động khởi động được thực hiện bằng Bài hát về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn [PL3.2_6]. GV xây dựng kịch bản với thời lượng: 01 phút 56 giây; phong cách: hoạt họa màu chuyên sang tranh thủy mặc, bán sử thi đen trắng; cấu trúc ba phần: Bối cảnh đất nước và nỗi đau mất nước: mở đầu bằng khung cảnh làng quê Việt Nam trù phú, thanh bình. Ngay sau đó là thảm cảnh giặc ngoại xâm tràn vào đốt phá, tàn sát, đẩy người dân vào cảnh ly tán; phần 2 (Tự nghĩa): khắc họa ngọn lửa quyết tâm đứng lên khởi nghĩa, chiếu thư kêu gọi nhân dân đứng lên lan tỏa tinh thần đấu tranh khắp muôn phương; phần 3 (tổng tiến công và khát vọng thái bình): toàn quân đồng lòng ra trận, chiến đấu quyết liệt để đánh đuổi quân thù. Video khép lại bằng hình ảnh đại quân hành và hình ảnh rồng thiêng, biểu tượng cho chiến thắng vang dội.

Bên cạnh hoạt động HTKT mục “Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa” để tái hiện sự tàn bạo của quân Minh và cuộc gặp gỡ định mệnh giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi. giúp HS phân tích sâu nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến bùng nổ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Kịch bản Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 -1427) (thời lượng: 3 - 4 phút. Chủ đề: Lý giải nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; sự tàn bạo của giặc Minh, lấy bối cảnh Đại Việt đầu thế kỷ 15 sau khi nhà Hồ thất bại. Quân Minh cai trị hà khắc, vơ vét của cải (vàng bạc, ngọc trai, tê giác...), bóc lột và đánh đập nhân dân tàn nhẫn. Ý chí lãnh đạo và sự chuẩn bị của nghĩa quân Lam Sơn. Trong cuộc gặp gỡ giữa các tư tưởng lớn tại Lam Sơn. Cuộc đối thoại của Nguyễn Trãi và Lê Lợi. Sức mạnh của lòng đoàn kết. Ở Hội thề Lũng Nhai hùng vĩ dưới ánh lửa, hình ảnh 18 vị anh hào kết nghĩa huynh đệ, đồng lòng đứng lên cứu nước.

Căn cứ YCCĐ của bài 16, chúng tôi đã chọn lọc thông tin và dự kiến thời lượng cho mỗi trích đoạn video mà GV có thể khai thác đưa vào giờ học khi thiết kế KHBD. [PL3.1_28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35]

- Đối với video sử dụng AI

Căn cứ vào YCCĐ của bài học, ý tưởng thiết kế KHBD và kỹ năng ứng dụng CNTT của bản thân. Dựa trên nền tảng như Gemini, để tạo kịch bản và xuất bản video. Trong hoạt động khởi động bài 16, để kích thích sự tò mò và mong muốn khám phá về nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. GV sử dụng video (bài hát, mô phỏng) về khởi nghĩa Lam Sơn, HS xem video cho biết những hiểu biết của bản thân về khởi nghĩa Lam Sơn và thảo luận về nguyên nhân cuộc khởi nghĩa.

Tác giả khoá luận đã xây dựng kịch bản cho video bài hát về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (do AI sáng tác) [PL4.6], nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Lam Sơn [PL4.7]

Bảng 2.3. Hệ thống video sử dụng trong kế hoạch bài dạy Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)

Hoạt động	Nội dung	Tên video	Liên kết	Loại hình video	Cách sử dụng	Mục đích sư phạm
Khởi động	Dẫn nhập bài học	Bài hát về khởi nghĩa Lam Sơn	GV chuẩn bị	Video bài hát AI	HS xem video, trả lời câu hỏi định hướng	Tạo hứng thú, kích thích tò mò, kết nối hiểu ban đầu
HTKT	Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa	Nguyên nhân khởi nghĩa Lam Sơn		Video AI	HS xem kết hợp SGK, trả lời câu hỏi	Cung cấp bối cảnh lịch sử, HTKT nền
HTKT	Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa	Hội thề Lũng Nhai	https://www.youtube.com/watch?v=m6lbyIcbbkw	Video tái hiện sự kiện	GV sử dụng để minh họa, mở rộng kiến thức	Làm rõ sự kiện lịch sử, tăng tính trực quan

HTKT	Những năm đầu khởi nghĩa	Lê Lai cú chúa	https://youtu.be/3nRcH22uzYQ	Video kể chuyện lịch sử (Khát vọng non sông)	HS xem kết hợp báo cáo nhóm	Khắc sâu kiến thức, tăng yếu tố cảm xúc lịch sử
------	--------------------------	----------------	---	--	-----------------------------	---

KHBD Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) [PL1.5]

2.3.4. Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

2.3.4.1. Yêu cầu cần đạt

**Kiến thức:*

- Diễn biến cơ bản về chính trị của vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Những nét chính về kinh tế, văn hoá của vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

** Năng lực:*

- Năng lực chung:

- + Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

- Năng lực đặc thù:

+ *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang 89-94, để tìm hiểu về Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

+ *Năng lực nhận thức* và tư duy lịch sử: nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Trình bày được những nét chính về kinh tế, văn hóa của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

+ *Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử:* Rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2.3.4.2. Ý tưởng thiết kế KHBD có sử dụng video

GV sử dụng video “Đối thoại: Chăm-pa và Nam Bộ” [PL3.2_8] kết hợp với câu hỏi để tạo tình huống dẫn dắt vào bài học.. Điều này giúp xóa bỏ khoảng

cách về thời gian, tạo sự tò mò để HS chủ động tìm hiểu về lịch sử của vương quốc này.

Ở hoạt động HTKT GV có thể sử dụng video “*Đằng sau vẻ đẹp của Thị Nại*” [PL3.1_41] làm tư liệu trực quan để giới thiệu về tầm quan trọng của thương cảng đối với nền kinh tế và quân sự Chăm-pa. Video cung cấp góc nhìn sâu sắc về cửa biển Thị Nại - cửa ngõ dẫn vào kinh đô Đồ Bàn, giúp HS hình dung rõ nét về hoạt động giao thương nhộn nhịp của các thương thuyền và vị trí chiến lược xung yếu trong lịch sử. Việc kết hợp hình ảnh thực tế với các tư liệu cổ trong video không chỉ giúp bài học thêm sinh động mà còn làm nổi bật sự phát triển hưng thịnh của vương quốc này gắn liền với biển đảo. Đây chính là minh chứng cụ thể giúp HS hiểu rõ tại sao người Chăm cổ lại chọn nơi đây làm trung tâm kinh tế và phòng thủ quan trọng.

Hệ thống học liệu video trong bài 18 được thiết kế với tổng thời lượng khoảng 12 phút. Mỗi đoạn video có thời lượng từ 2 đến 4 phút, đảm bảo tính súc tích, tránh gây nhiễu thông tin và giúp HS sự tập trung vào nội dung bài học và các hoạt động để phát triển năng lực của bản thân. Thời lượng này tạo khoảng trống hợp lý để GV tổ chức các hoạt động thảo luận và chốt kiến thức, đảm bảo sự cân đối giữa việc quan sát hình ảnh và tư duy bài học.

2.3.4.3. Kịch bản và kĩ thuật xây dựng video

- Đối với video xây dựng từ nguồn có sẵn

Trên cơ sở phạm vi kiến thức bài 18, đề tài thống kê được 5 link video tin cậy mà GV có thể khai thác các trích đoạn trong đó để thiết kế trong KHBD của mình. Với các nội dung như: Tình hình buôn bán, trao đổi tại cảng Thị Nại, Nghệ thuật múa Chăm pa độc đáo, di tích Mỹ Sơn, thánh địa Mi Sơn

Căn cứ YCCĐ của bài 18, chúng tôi đã chọn lọc thông tin và dự kiến thời lượng cho mỗi trích đoạn video mà GV có thể khai thác đưa vào giờ học khi thiết kế KHBD. [PL3.1_39, 49, 41, 42, 43]

- Đối với video sử dụng AI

Căn cứ vào YCCĐ của bài học, ý tưởng thiết kế KHBD và kĩ năng ứng dụng CNTT của bản thân. Dựa trên nền tảng như Gemini, để tạo kịch bản và xuất bản video. Trong hoạt động khởi động bài 18, để kích thích sự tò mò và mong muốn khám phá về lịch sử, văn hóa vùng đất phía Nam. GV sử dụng video “*đôi thoại Chăm-pa và Nam Bộ*” HS xem video thảo luận về vẻ đẹp tháp Chăm và sự chuyển mình của vùng đất phía Nam.

Tác giả khoá luận đã xây dựng kịch bản cho video Đối thoại: Chăm-pa và Nam Bộ [PL4.9].

Bảng 2.4. Hệ thống video sử dụng trong kế hoạch bài dạy

Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ

Hoạt động	Tên video	Đường liên kết	Cách sử dụng	Mục đích sư phạm
Khởi động	Đối thoại: Chăm-pa và Nam Bộ		HS xem video, trả lời câu hỏi.	Tạo hứng thú, dẫn dắt vào không gian văn hóa.
HTKT	Đăng sau vẻ đẹp của Thi Nại	https://www.youtube.com/watch?v=mSIy0anIwC0	HS theo dõi để hoàn thành PHT.	Cung cấp cái nhìn độc đáo về kinh tế.
HTKT	Thánh địa Mỹ Sơn	https://www.youtube.com/watch?v=guWP3Pu6lk	HS xem video để tìm hiểu về kiến trúc.	Trực quan hóa các thành tựu điêu khắc.

KHBD Bài 18. Vương Quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến thế kỉ XVI [PL1.6]

2.4. Thực nghiệm

a. Mục đích của thực nghiệm sư phạm

TN sư phạm được tiến hành nhằm kiểm chứng một cách có cơ sở khoa học tính khả thi và hiệu quả của việc xây dựng và sử dụng video trong dạy học phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI ở cấp THCS.

Thông qua quá trình TN, đề tài hướng tới việc đánh giá mức độ tác động của video đến kết quả học tập của HS, đặc biệt ở khả năng tiếp nhận và tái hiện kiến thức lịch sử. Đồng thời, TN cũng nhằm xác định vai trò của video trong việc tạo hứng thú học tập, góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình lĩnh hội tri thức.

Bên cạnh đó, TN sư phạm còn nhằm kiểm chứng mức độ phù hợp và hiệu quả của quy trình xây dựng và sử dụng video đã được đề xuất trong khóa luận, từ đó làm cơ sở để khẳng định tính ứng dụng của đề tài trong thực tiễn dạy học.

b. Nội dung thực nghiệm

Đối với các lớp TN được chọn GV giảng dạy theo có sử dụng video.[PL1.3]

Đối các lớp đối chứng GV soạn giảng thông thường, với các phương tiện dạy học truyền thống. [PL1.4]

c. Đối tượng thực nghiệm

HS lớp 7 thuộc trường THCS Lê Hồng Phong, phường Hoa Lư, Ninh Bình, năm học 2025 -2026.

Quá trình TN được tiến hành tại trường THCS Lê Hồng Phong, gồm 2 lớp 7A (51 HS), 7D (50 HS). Chúng tôi chọn lớp 7D làm lớp TN, lớp 7A làm lớp đối chứng (ĐC)

Nhóm	Lớp	Sĩ số
Thực nghiệm	7A	50
Đối chứng	7D	51

Lý do tôi chọn TN tại trường THCS Lê Hồng Phong - phường Hoa Lư - Ninh Bình là tôi đang trong thời kì thực tập sư phạm giai đoạn 2 tại trường nên có điều kiện để tiếp cận HS, các thầy cô nên hiểu được tình hình và mặt bằng chung của HS. HS ở trường mặt bằng chung tương đối đồng đều. Đây là ngôi trường trọng điểm trong tỉnh được đầu tư các trang thiết bị hiện đại, tiên tiến.

d. Phương pháp thực nghiệm

- Chọn mẫu TN

Chúng tôi tiến hành chọn 1 cặp lớp, trong đó lớp 7A làm lớp đối chứng có tổng số HS là 51 em làm nhóm đối chứng, lớp 7D có tổng số HS là 50 em làm nhóm TN.

- Phương pháp TN

Sau khi xin ý kiến của lãnh đạo trường và tổ chuyên môn về kế hoạch tiến hành TN. Chúng tôi chọn ra 2 lớp, trong đó một lớp đối chứng giảng dạy theo các phương pháp truyền thống (sử dụng các phương tiện dạy học thông thường), còn một lớp TN tiến hành dạy học có sự hỗ trợ của video đã xây dựng.

Các lớp được chọn có điều kiện dạy học, trình độ và chất lượng học tập môn phân môn tương đương nhau. Trong quá trình dạy học ở cả hai lớp chúng tôi đều quan sát và ghi chép về tiến trình dạy học, đặc biệt lưu ý hơn đối với nhóm lớp TN. Sau các tiết dạy, chúng tôi tiến hành cho HS tại cả hai nhóm lớp làm bài kiểm tra 15 phút để biết được kết quả học tập của các em.

Ngoài ra chúng tôi còn tham khảo ý kiến của các đồng nghiệp về hình thức và phương pháp giảng dạy, nhờ các thầy cô cùng dạy khối 7 sử dụng các video đã xây dựng vào dạy học để biết thêm về phản hồi của HS. Từ sự so sánh kết quả làm bài của HS giữa hai nhóm lớp rút ra kết luận TN sư phạm.

e. Kết quả thực nghiệm

- Đánh giá định tính

Qua quan sát các hoạt động của HS trong giờ học ở các lớp TN và các lớp đối chứng được tiến hành theo tiến trình đã được xây dựng, chúng tôi rút ra được một số nhận xét sau

Đối với các lớp ĐC, mặc dù đã cố gắng vận dụng các PPDH tích cực nhưng do thiếu các phương tiện dạy học HS chỉ xem qua các tư liệu hình ảnh trong SGK làm ảnh hưởng đến mức độ hứng thú của HS hoặc lưu trữ biểu tượng của nhân vật. tiến hành không thu được kết quả như mong muốn dẫn đến HS không nắm chắc được kiến thức và sự tham gia hoạt động của HS trong giờ học là chưa tích cực.

Đối với các lớp TN, trong tiến trình thực hiện KHBD của GV, việc ứng dụng CNTT để khai thác như video, đặc biệt video AI kết hợp với các mô phỏng, hình ảnh sống động nhờ sự hỗ trợ của phương tiện dạy học hiện đại ở các hoạt động có khai thác video phần lớn các sự kiện tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa trong SGK đều được HS nắm bắt và khắc họa sâu sắc hơn sự kiện và biểu tượng nhân vật.

Các hoạt động của HS diễn ra trong tiết học chủ động và tích cực. HS hứng thú và tự giác trong các hoạt động học tập, HS rất tập trung theo dõi diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nhiệt tình trong việc phát biểu xây dựng bài, các câu trả lời của HS đưa ra có chất lượng hơn so với lớp ĐC.

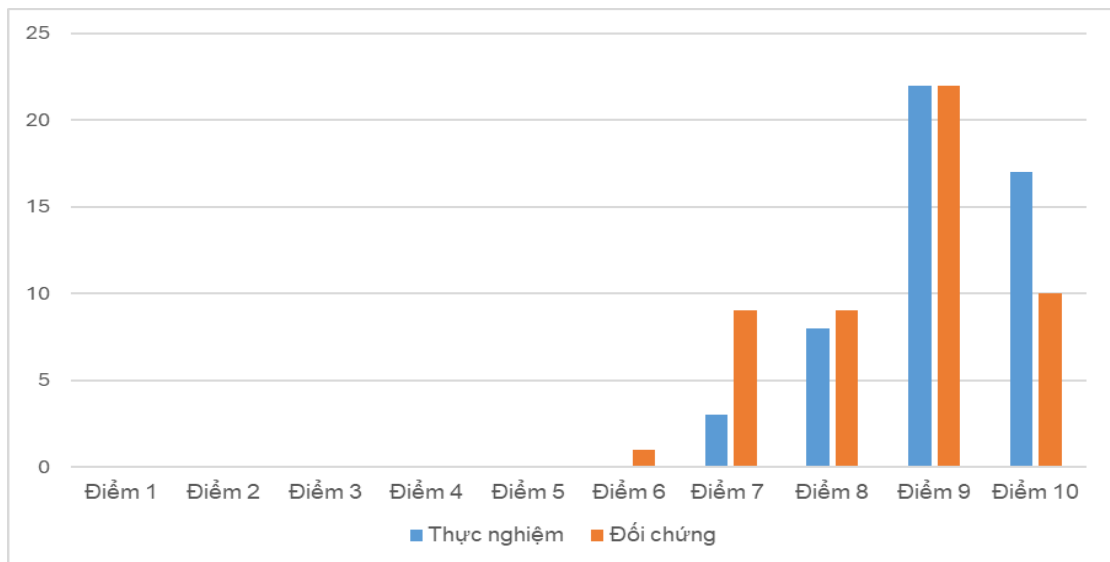
- Đánh giá định lượng

+ Thống kê các điểm số của bài kiểm tra của HS

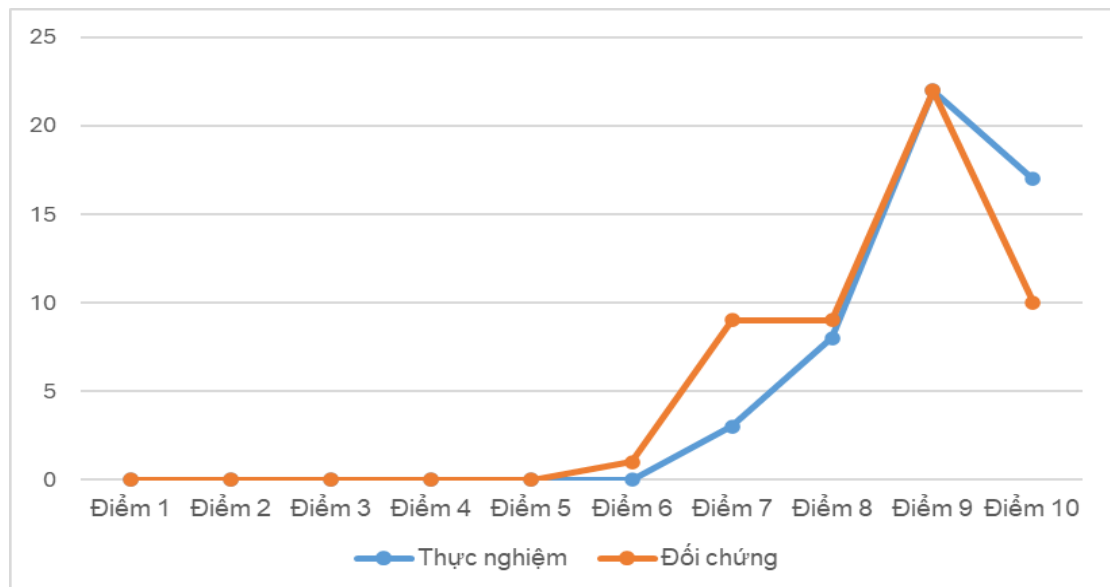
Bảng 3.1. Bảng thống kê các điểm số của HS

Nhóm	Số HS	Điểm số									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	50	0	0	0	0	0	0	3	8	22	17
ĐC	51	0	0	0	0	0	1	9	9	22	10

Từ bảng thống kê điểm số chúng tôi đã vẽ được biểu đồ phân bố điểm:



Biểu đồ 2.1. Biểu đồ phân bố tần suất

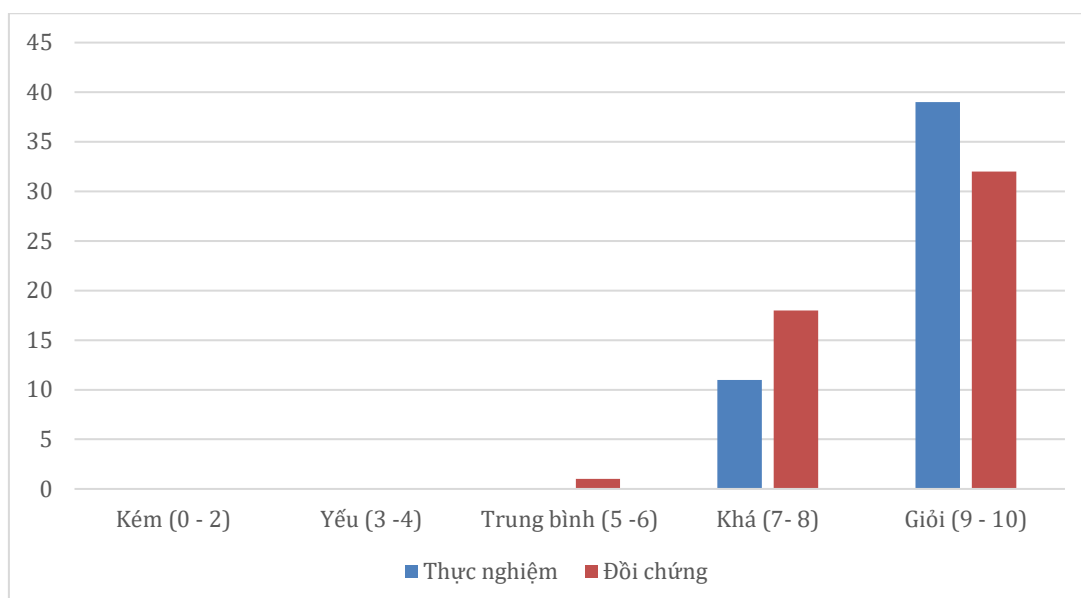


Đồ thị 2.2. Đồ thị phân bố tần suất

Nhóm	Số HS	Số % HS				
		Kém (0-2)	Yếu (3-4)	Trung bình (5-6)	Khá (7-8)	Giỏi (9-10)
TN	50	0	0	0	11	39
ĐC	51	0	0	1	18	32

Bảng 3.2. Bảng phân loại điểm kiểm tra của HS

Từ bảng phân loại theo điểm kiểm tra chúng tôi đã vẽ được biểu đồ phân loại theo điểm kiểm tra:



Biểu đồ 2.3. Biểu đồ phân loại theo điểm kiểm tra

Kết quả TN theo số trung bình cộng như sau

Nhóm TN:

$$\bar{X}_{TN} = \frac{7 \times 3 + 8 \times 8 + 9 \times 22 + 10 \times 17}{50} = \frac{21 + 64 + 198 + 170}{50} = \frac{453}{50} = 9,06$$

Điểm trung bình nhóm TN: 9,06

Nhóm đối ĐC

$$\bar{X}_{ĐC} = \frac{6 \times 1 + 7 \times 9 + 8 \times 9 + 9 \times 22 + 10 \times 10}{51} = \frac{6 + 63 + 72 + 198 + 100}{51} = \frac{439}{51} \approx 8,61$$

Điểm trung bình nhóm ĐC: 8,61

Điểm trung bình của nhóm TN (9,06) cao hơn rõ rệt so với nhóm đối chứng (8,61). Chênh lệch: $9,06 - 8,61 = 0,45$. Điều này cho thấy: kết quả học tập của HS lớp TN tập trung ở mức cao hơn. Việc sử dụng video trong dạy học đã góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức.

Số trung bình cộng phản ánh xu hướng chung của kết quả học tập: Nhóm TN nghiêng mạnh về điểm giỏi (9–10). Nhóm ĐC tuy cũng có nhiều điểm cao nhưng phân tán hơn, xuất hiện cả điểm 6.

Giá trị trung bình cộng của nhóm TN đạt 9,06, cao hơn so với nhóm đối chứng (8,61). Điều này cho thấy kết quả học tập của HS lớp TN có xu hướng tập trung ở mức cao hơn. Sự chênh lệch này bước đầu khẳng định hiệu quả của việc sử dụng video trong dạy học lịch sử, góp phần nâng cao chất lượng tiếp thu kiến thức của HS.

Như vậy, PPDH có sử dụng video, trong đó có ứng dụng công nghệ (video AI) không chỉ tăng hứng thú mà còn nâng cao chất lượng nhận thức và kết quả học tập. Kết quả TN ủng hộ giả thuyết khoa học của đề tài.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Thông qua quá trình phân tích nội dung chương trình, xây dựng học liệu và triển khai thực nghiệm sư phạm nghiêm túc đối với phân môn Lịch sử (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7), Chương 2 đã giải quyết triệt để các vấn đề cốt lõi sau đây:

Khoá luận đã bước đầu hình thành kho học liệu số phục vụ dạy học Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI thông qua việc sưu tầm, tuyển chọn và xây dựng hệ thống video, đồng thời ứng dụng công nghệ AI trong thiết kế học liệu.

Góp phần làm rõ và phân định hệ thống các hình thức, quy trình ứng dụng video học liệu số vào cấu trúc tiến trình dạy học phát triển năng lực theo Chương trình GDPT 2018. Hệ thống học liệu số này được tích hợp một cách khoa học, tương thích trực tiếp vào 4 hoạt động cơ bản của một kế hoạch bài dạy

Trong nội dung chương này đã cụ thể hóa giải pháp sư phạm thông qua việc thiết kế 4 KHBD mẫu cho các bài học trọng tâm của chương trình

Khoá luận đã tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng việc sử dụng video trong dạy học. Kết quả thực nghiệm cho thấy tính khả thi và hiệu quả của quy trình xây dựng, sử dụng video học liệu số đã đề xuất

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Khóa luận đã góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của việc ứng dụng phương tiện nghe - nhìn, đặc biệt là học liệu video trong dạy học Lịch sử; qua đó làm rõ vai trò của video trong hỗ trợ học sinh tiếp cận kiến thức một cách trực quan và sinh động hơn. Bước đầu xây dựng kho học liệu số với 43 video có sẵn và 11 video tự xây dựng.

- Phản ánh khách quan thực trạng xây dựng và sử dụng video tại các trường THCS hiện nay thông qua số liệu điều tra từ 22 giáo viên thuộc 11 trường phổ thông khác nhau. Kết quả khảo sát đã khẳng định hướng đi của đề tài là hoàn toàn đúng đắn, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu thực tế cấp thiết của giáo viên phổ thông.

- Bước đầu đề xuất quy trình thiết kế và sử dụng video trong dạy học Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018, đồng thời xây dựng hệ thống học liệu video gồm nguồn tư liệu sưu tầm và video tự thiết kế có ứng dụng AI phục vụ dạy học một số nội dung Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI.

- Kết quả thực nghiệm sư phạm tại trường THCS Lê Hồng Phong cho thấy quy trình sử dụng học liệu video được đề xuất có tính khả thi trong dạy học Lịch sử, góp phần tạo hứng thú và hỗ trợ học sinh trong quá trình tiếp cận kiến thức.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn xây dựng học liệu mẫu, kết quả thực nghiệm và đặc biệt là dựa trên hệ thống các ý kiến đóng góp, phản hồi chuyên môn vô cùng giá trị của các giáo viên phổ thông tại địa bàn khảo sát, tác giả xin đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị đồng bộ sau đây nhằm tối ưu hóa việc dàn dựng và sử dụng video trong dạy học Lịch sử:

** Đối với GV bộ môn Lịch sử tại các THCS*

- Đặt tính khoa học lịch sử và sàng lọc sư phạm làm nguyên tắc tối cao: Giáo viên cần nhận thức rõ AI hay các phần mềm công nghệ biên tập số suy cho cùng chỉ là công cụ hỗ trợ (phương tiện), còn tư duy khoa học lịch sử và nghiệp vụ sư phạm của người thầy mới là linh hồn (nội dung) của học liệu.

- Kiểm soát nghiêm ngặt thời lượng và nhịp độ sư phạm: Tránh xu hướng biến tiết học lịch sử thành một buổi chiếu phim giải trí làm loãng mạch kiến thức.

- Chuyển hóa từ hoạt động “xem video” sang hoạt động “học qua video”: Giáo viên không để HS xem phim một cách thụ động mà phải thiết kế hệ thống nhiệm vụ học tập đi kèm thông qua các nhiệm vụ học tập.

** Đối với Ban Giám hiệu và tổ chuyên môn các trường THCS*

- Hiện đại hóa đồng bộ hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật.
- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo định hướng chuyển đổi số.
- Xây dựng kho học liệu số

** Đối với các trường Đại học Hoa Lư.*

- Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI vào chương trình đào tạo sinh viên sư phạm chính quy.

- Đề nghị cấp quản lý của Trường Đại học Hoa Lư xây dựng kho tài nguyên học liệu số để khuyến khích GV, sinh viên sư phạm phát triển thiết kế học liệu số trong dạy học; chia sẻ với các trường THCS, GV ở THCS có cơ hội tiếp cận, khai thác vào hoạt động dạy học của mình.

** Đối với sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Địa lý, khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập nghiên cứu*

- Đổi mới tư duy và xác lập văn hóa ứng dụng AI chính thống trong môi trường sư phạm.
- Tích hợp năng lực tương tác AI vào các học phần chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm.
- Phát triển các đề tài ứng dụng công nghệ và AI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu trong nước

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, trung học phổ thông*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS*, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Châu (2004), *Phương pháp, phương tiện kỹ thuật và hình thức tổ chức trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Côi (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Trần Viết Thụ (2011), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Lê Thị Huế (2021), *Xây dựng và sử dụng video clip thí nghiệm trong dạy học chương "dòng điện xoay chiều" vật lý lớp 12 trung học phổ thông*, Đại học Vinh.
8. Phan Ngọc Liên (2002), *Phương pháp dạy học lịch sử địa lí.*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Đoàn Nguyệt Linh (2021), *Xây dựng và sử dụng hệ thống video hỗ trợ dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 124, tr16 – 21.
10. Hoàng Đức Mạnh, Trần Huy Hoàng (2010), *Vai trò của videoclip trong hoạt động dạy học*, Tạp chí Giáo dục, số 230, tr28 - 29.
11. Nguyễn Thị Cẩm Nhung (2018), *Xây dựng video clip thí nghiệm dùng trong dạy học chương "động lực học chất điểm" vật lý lớp 10 THPT*. Đại học Vinh.
12. Đặng Thị Thu Thủy (2011), *Phương tiện dạy học - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
13. Trịnh Đình Tùng (2005), *Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học cơ sở*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

II. Tài liệu nước ngoài

14. Mayer, Richard E. (2009), *Multimedia Learning* (2nd Edition), Cambridge University Press, New York.

15. Yıldırım, G. (2018). The effect of educational videos used in history education on academic success. *Journal of Education and e-Learning Research*, 5(3), 193–206.

III. Webside

16. Oxford English Dictionary <https://www.oed.com/> truy cập 9/12/2025

17. Truyền hình VTV <https://vtv.vn/truyen-hinh-truc-tuyen/vtv1/khat-vong-non-song.htm>

18. Bảo tàng lịch sử Quốc Gia <https://baotanglichsu.vn/vi>

DANH MỤC PHỤ LỤC

PL1. Kế hoạch bài dạy.

PL1.1. Bài 11. Nhà lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225).

PL1.2. Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 - 1400).

PL1.3. Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) (lớp đối chứng).

PL1.4 Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) (lớp thực nghiệm).

PL1.5 Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

PL2. Phiếu khảo sát.

PL2.1. Phiếu khảo sát giáo viên trung học cơ sở về việc xây dựng và sử dụng video trong dạy học.

PL2.2. Phiếu hỏi ý kiến học sinh - lớp đối chứng.

PL2.3. Phiếu hỏi ý kiến học sinh – lớp học thực nghiệm.

PL3. Danh mục video.

PL3.1. Danh mục video có sẵn và dự kiến thời lượng khai thác sử dụng trong dạy học Lịch sử và Địa lí lớp 7.

PL3.2. Danh mục video xây dựng và dự kiến khai thác sử dụng trong dạy học Lịch sử và Địa lí lớp 7.

PL4. Danh mục kịch bản video.

PL4.1. Đối thoại: Đất nước buổi đầu độc lập.

PL4.2. Đối thoại: Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền lê.

PL4.3. Đồ họa động: Bộ máy chính trị thời Lý.

PL4.4. Bản tin thời sự: Rời đô về Đại La.

PL4.5. Trailer “Hào khí Đông A”.

PL4.6. Bài hát về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (do AI sáng tác)

PL4.7. Nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

PL4.8. AI avatar: Nguyễn Trãi kể chuyện.

PL4.9. Đối thoại: Chăm-pa và Nam Bộ.

PL4.10. Khái quát vương quốc Chăm-pa (X - XVI).

PL4.11. Video sơ đồ hóa vùng đất Nam Bộ thế kỉ X-XVI.

PL5. Đề kiểm tra.

PL6. Hình ảnh tiết học thực nghiệm

PL 1.1.

BÀI 11. NHÀ LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC (1009 - 1225)

Môn Lịch sử và Địa lí (phân môn Lịch sử), Lớp 7

Thời lượng: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Những nét về sự thành lập nhà Lý.
- Ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.
- Những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.
- Những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- *Năng lực tự học:* khai thác được tài liệu phục vụ tìm hiểu *Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 -1125)*.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* làm việc nhóm có hiệu quả trong hoạt động tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ trang 52-57 và các video để trình bày được những nét chính về sự thành lập nhà Lý
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý; giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hóa, giáo dục thời Lý.
- *Năng lực vận dụng tri thức lịch sử:* đánh giá ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.

3. Về phẩm chất:

Ý thức học tập nghiêm túc, có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Đối với giáo viên.

- SGK Lịch sử và Địa lí lớp 7, SGV Lịch sử và Địa lí lớp 7.
- Máy tính, máy chiếu/tivi.

- Hình ảnh, video liên quan đến nội dung *bài 11: nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước*.
 - Phiếu học tập về tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý.
2. Đối với học sinh.
- SGK, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: tạo hứng thú, kết nối những hiểu biết ban đầu của HS để tìm hiểu bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức HS làm việc cá nhân, cho HS xem video “*Bản tin thời sự: Dời đô về Đại La*” trả lời câu hỏi: *Không khí của người dân trước sự kiện dời đô?*



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu một số HS trả lời và nhận xét chéo.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét kết quả hoạt động của HS và dẫn dắt vào bài mới. “*Năm 1009, nhà Lý được thành lập. Không lâu sau khi lên ngôi, Lý Công Uẩn quyết định rời đô từ Hoa Lư về Đại La. Sự kiện này có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc? Nhà Lý đã làm gì để xây dựng và phát triển đất nước? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1225)*”.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long

a) Mục tiêu: HS trình bày được những nét chính về sự thành lập nhà Lý; đánh giá ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của vua Lý Công Uẩn.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn, trả lời câu hỏi: - Nhà Lý được thành lập như thế nào? - Việc Lý Công Uẩn dời đô có ý nghĩa như thế nào? - Vì sao nhà Lý lại lựa chọn vùng đất Đại La? <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS quan sát SGK, thảo luận . <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu đại diện một số HS trả lời câu hỏi. HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có). <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV nhận xét kết quả hoạt động của HS, chuẩn hoá và mở rộng kiến thức. + Lý Công Uẩn lên ngôi là kết quả của sự đồng thuận giữa các đại thần (Đào Cam Mộc) và tầng lớp tăng lữ (Thiền sư Vạn Hạnh). Cho thấy uy tín cá nhân của ông và sự cần thiết của một vị minh quân để ổn định đất nước sau thời Lê Long Đĩnh. Ông là người văn võ song toàn, nhân từ, có mối quan hệ mật thiết với Phật giáo - tôn giáo giữ vai trò chủ đạo về tư tưởng thời bấy giờ. + Về ý nghĩa của việc dời đô <i>Hoa Lư:</i> địa hình hiểm trở, chủ yếu dùng để phòng thủ, phản ánh giai đoạn nước ta còn phải lo đối phó với các thế lực cát cứ và ngoại xâm (thời Đinh - Tiền Lê). <i>Thăng Long:</i> chuyển từ tư thế “phòng ngự” sang tư thế “xây dựng và phát triển”. Thăng Long là vùng đất mở, thuận lợi cho giao thương,	1. Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long - Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi lập ra nhà Lý. - Năm 1010, Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là Thuận Thiên, rời đô về Đại La, đổi tên thành Thăng Long. - Năm 1054, đổi tên nước thành Đại Việt.

<i>phát triển kinh tế và quản lý đất nước một cách toàn diện.</i> <i>+ Lựa chọn vùng đất Đại La: trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, là đầu mối giao thông đường thủy, thuận tiện đi lại, vận chuyển lương thực, kiểm soát các vùng miền.</i> <i>Thế đất “Rồng cuộn hổ ngồi”: địa thế phong thủy đẹp nhất nước ta thời bấy giờ, tránh được ngập lụt, đất đai bằng phẳng, rộng rãi, thuận lợi cho canh tác và sinh sống.</i> <i>Từng là thủ phủ của các triều đại trước, có sẵn nền tảng thành quách, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kinh đô mới.</i>	
---	--

2.2. Tìm hiểu tình hình chính trị

a) Mục tiêu: mô tả được những nét chính về chính trị thời Lý.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV chia lớp thành 6 nhóm, Yêu cầu HS đọc SGK, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ (5 phút): <i>- Nhóm 1 và nhóm 4: trình bày tình hình tổ chức chính quyền của nhà Lý?</i> <i>- Nhóm 2 và nhóm 5: trình bày tình hình xây dựng luật pháp và quân đội của nhà Lý?</i> <i>- Nhóm 3 và nhóm 6: trình bày chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Lý?</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS quan sát SGK, thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo nhiệm vụ; các nhóm khác nhận xét, bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i>	2. Tình hình chính trị <i>a, Tổ chức chính quyền:</i> - Đứng đầu là vua, dưới có các quan văn, quan võ. - Vua theo chế độ cha truyền con nối, người thân tín được cân nhắc giữ chức vụ cao. - Gồm 24 lộ, phủ, miền núi gọi là châu, hương, huyện, xã. <i>b, Xây dựng luật pháp và quân đội:</i> - Hình thư - bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta. - Quân đội gồm: cấm quân và quân địa phương.

- GV nhận xét hoạt động của HS, chuẩn hoá kiến thức - Mở rộng kiến thức: GV cung cấp video về “Kiến trúc cung điện thời Lý tại Hoàng thành Thăng Long” được phục dựng bằng công nghệ 3D yêu cầu HS quan sát và <i>nêu cảm nhận của bản thân quy mô và cách bố trí các cung điện thời Lý</i> https://www.youtube.com/watch?v=qlHQruVHxwQ&t=16s	- Chính sách ngụ binh ư nông. <i>c, Chính sách đối nội, đối ngoại:</i> - Chính sách mềm dẻo, khôn khéo, kiên quyết trấn áp thế lực có mưu đồ tách khỏi Đại Việt. - Quan hệ hòa hiếu với nhà Tống, dẹp cuộc tấn công của Chăm pa.
--	---

2.3. Tìm hiểu tình hình kinh tế, xã hội

a) Mục tiêu: HS mô tả được những nét chính về kinh tế, xã hội thời Lý.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV chia lớp thành 4 nhóm, HS quan sát SGK, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ (5 phút): - <i>Nhóm 1: Trình bày tình hình kinh tế nông nghiệp thời Lý?</i> - <i>Nhóm 2: Trình bày tình hình kinh tế thủ công nghiệp thời Lý?</i> - <i>Nhóm 3: Trình bày tình hình kinh tế thương nghiệp thời Lý?</i> - <i>Nhóm 4: Trình bày tình hình xã hội thời Lý?</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> - HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> - GV yêu cầu một số HS đại diện các nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i>	3. Tình hình kinh tế, xã hội <i>a, Tình hình kinh tế:</i> - Nông nghiệp: Thực hiện nhiều chính sách: ngụ binh ư nông, cày ruộng tịch điền, khai khẩn đất hoang,... - Thủ công nghiệp: + TCN nhà nước: đúc tiền, chế tạo binh khí,... + TCN nhân dân: uơng tơ, đúc đồng,... - Thương nghiệp: + Hình thành chợ, trung tâm buôn bán. + Quan hệ buôn bán với nước ngoài khá phát triển: Trung Quốc; thương cảng Vân Đồn. <i>b, Xã hội:</i>

- GV nhận xét kết quả hoạt động của HS, chuẩn hoá. - Mở rộng kiến thức: GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh về gốm hoa nâu, đồng tiền thời Lý và video “<i>Văn Đồn - Thương cảng quốc tế đầu tiên của Việt Nam</i>” trả lời nhanh câu hỏi: <i>Ấn tượng của em về tình hình kinh tế thời Lý?</i>  The image shows a ceramic jar with a handle and a spout, decorated with brown patterns. Next to it is a coin with a square hole in the center. Below the coin is a label that reads: "THUẬN THIÊN ĐẠI BẢO Thuận Thiên (1010 - 1028) 順天大寶". https://www.youtube.com/watch?v=Bu79dEf1dIk	- Tầng lớp quý tộc có nhiều đặc quyền. - Một phần dân thường trở thành địa chủ. - Nông dân chiếm đa số: + Nhận ruộng đất công → cày cấy và nộp thuế cho nhà nước. + Lĩnh canh ruộng đất → cày cấy và nộp tô cho địa chủ. - Thợ thủ công và thương nhân khá đông đảo. - Nô tì có địa vị thấp kém nhất.
---	---

2.4. Tìm hiểu tình hình văn hóa, giáo dục

a) Mục tiêu: mô tả được những nét chính về văn hóa, giáo dục thời Lý.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến										
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS đọc thông tin mục quan sát SGK, thảo luận theo bàn và hoàn thiện PHT sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2"><i>Những nét về tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tôn giáo</td><td></td></tr> <tr> <td>Văn học</td><td></td></tr> <tr> <td>Nghệ thuật</td><td></td></tr> <tr> <td>Giáo dục</td><td></td></tr> </tbody> </table> <i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i> HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu một số đại diện các nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét.	<i>Những nét về tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý</i>		Tôn giáo		Văn học		Nghệ thuật		Giáo dục		4. Tình hình văn hóa, giáo dục <i>a, Tôn giáo:</i> - Phật giáo được tôn sùng, truyền bá rộng rãi. - Nho giáo dần được mở rộng. - Đạo giáo khá thịnh hành. <i>b, Văn học, nghệ thuật:</i> - Văn học chữ Hán bước đầu phát triển: “Chiều dờn đô”, “Nam quốc sơn hà”,... - Hát chèo, múa rối, trò chơi dân gian phát triển.
<i>Những nét về tình hình văn hoá, giáo dục thời Lý</i>											
Tôn giáo											
Văn học											
Nghệ thuật											
Giáo dục											

<i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV mở rộng kiến thức bằng video (VR3D) “<i>Di sản Việt Nam - Chùa Diên Hựu thời Lý</i>” và trả lời nhanh câu hỏi: <i>Cảm nhận của em về nghệ thuật kiến trúc thời Lý?</i> https://www.youtube.com/watch?v=EFb7TmG-D9	- Một số công trình kiến trúc lớn: Cấm thành, chùa Một Cột,... c, Giáo dục: - Xây dựng Văn Miếu, mở khoa thi tuyển chọn quan lại. - 1076, Quốc Tử Giám được thành lập
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học về nội dung nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1. Sự kiện nào đánh dấu sự thành lập của nhà Lý?

- A. Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi lập ra nhà Lý.
- B. Năm 1010, nhà Lý rời đô về Đại La.
- C. Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước thành Đại Việt.
- D. Năm 1076, nhà Lý thành lập Quốc Tử Giám.

Câu 2. Nhà Lý đã chia cả nước thành bao nhiêu lộ, phủ ở cấp địa phương?

- A. 12 lộ, phủ.
- B. 24 lộ, phủ.
- C. 30 lộ, phủ.
- D. 10 lộ, phủ.

Câu 3. Chính sách “Ngụ binh ư nông” của nhà Lý có ý nghĩa gì trong phát triển kinh tế và quân sự?

- A. Tập trung toàn bộ dân cư vào việc đi lính.
- B. Chỉ cho phép nông dân được đi lính.
- C. Miễn thuế hoàn toàn cho những người đi khai khẩn đất hoang.
- D. Gửi binh lính về làm ruộng khi không có chiến tranh để đảm bảo sản xuất.

Câu 4. Tầng lớp nào trong xã hội thời Lý có địa vị thấp kém nhất?

- A. Nông dân.
- B. Thợ thủ công.
- C. Thương nhân.
- D. Nô tì.

Câu 5. Tôn giáo nào thời Lý được “tôn sùng và truyền bá rộng rãi”?

- A. Đạo Phật.
- B. Đạo Thiên Chúa.
- C. Đạo Hồi.
- D. Đạo Tin Lành.

Câu 6. Hai tác phẩm văn học chữ Hán tiêu biểu ghi dấu bước đầu phát triển văn hóa thời Lý là gì?

- A. Chiêu dời đô và Nam quốc sơn hà.

- B. Hịch tướng sĩ và Thuật hoài.
- C. Truyện Kiều và Chinh phụ ngâm.
- D. Bình Ngô đại cáo và Quốc âm thi tập.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây là công trình kiến trúc Phật giáo đặc sắc nhất thời Lý?

- A. Chùa Một cột (Diên Hựu).
- B. Tháp Báo Thiên.
- C. Chùa Bái Đính.
- D. Thành Thăng Long.

Câu 8. Loại hình nghệ thuật dân gian nào phát triển mạnh mẽ thời Lý thường gắn liền với các lễ hội?

- A. Đờn ca tài tử và Cải lương.
- B. Hát chèo và múa rối.
- C. Nhạc kịch và chèo.
- D. Hát xoan và hát đúm.

Câu 9. Sự nghiệp giáo dục chính thống thời Lý bắt đầu bằng việc xây dựng công trình nào vào năm 1070?

- A. Văn Miếu.
- B. Quốc Tử Giám.
- C. Thái học viện.
- D. Trường thi Đình.

Câu 10. Năm 1076 nhà Lý đã có thành tựu giáo dục nổi bật nào?

- A. Xây dựng Văn Miếu.
- B. Thành lập Quốc Tử Giám.
- C. Mở khoa thi đầu tiên.
- D. Đổi tên nước thành Đại Việt.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc và trả lời các câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá sự tiếp thu bài của HS, chốt đáp án.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học để rút ra bài học kinh nghiệm đối với bản thân khi đưa ra quyết định một vấn đề.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, hướng dẫn HS làm bài.

Bài tập

Trong “Chiếu dời đô”, vua Lý Công Uẩn đã dựa trên những lập luận nào để thuyết phục quần thần rằng việc rời bỏ vùng đất Hoa Lư hiểm trở để về Đại La là một quyết định đúng đắn? Em hãy đánh giá ý nghĩa của sự kiện vua Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La (Thăng Long) vào năm 1010.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS sưu tầm thông tin, thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày bài của mình vào buổi học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét kết quả hoạt động của HS, thu bài của một số HS để chấm điểm.

Gợi ý trả lời:

- Vua Lý Công Uẩn đã thuyết phục quần thần bằng những lập luận rất chặt chẽ và đầy sức thuyết phục.

+ *Lấy gương trong lịch sử*: dẫn chứng các triều đại lớn như Thương, Chu cũng từng dời đô nhiều lần để mưu nghiệp lớn, thuận mệnh trời và hợp lòng dân, từ đó khẳng định dời đô là việc thường tình để đất nước hưng thịnh.

+ *Chỉ ra hạn chế của hiện tại*: vì đóng đô ở nơi hiểm trở (Hoa Lư) mà vận số ngắn ngủi, khiến nhân dân khổ cực, không thể phát triển bền vững.

+ *Khẳng định lợi thế của Đại La*: đây là “nơi thắng địa” trung tâm trời đất, địa thế “rồng cuộn hổ ngồi”, đất đai bằng phẳng, màu mỡ, là nơi tụ hội quan yếu của bốn phương.

- Ý nghĩa của sự kiện vua Lý Công Uẩn quyết định dời đô

+ *Về địa thế*: Đại La có vị thế trung tâm, đất đai bằng phẳng, cao ráo, thuận lợi cho phát triển kinh tế thay vì thế đất hiểm trở, chật hẹp ở Hoa Lư.

+ *Về tầm nhìn*: thể hiện sự chuyển dịch từ tư thế phòng thủ (dựa vào núi non) sang tư thế xây dựng đất nước lâu dài, chủ động.

+ *Về ý nghĩa*: mở ra thời kỳ phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt, khẳng định sự tự cường và lớn mạnh của dân tộc.

+ Kết luận: Thăng Long trở thành kinh đô nghìn năm văn hiến, là nơi hội tụ của tinh hoa dân tộc.

-> Rút ra bài học về việc ra quyết định cần có đầy đủ các lí do (điều kiện).

*** Hướng dẫn về nhà cho HS**

- Ôn lại kiến thức đã học

- Làm bài tập bài 11 trong SBT

- Chuẩn bị bài mới *Bài 12. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077)*

PL.1.2.

BÀI 13. ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (1226 - 1400)

Môn: Lịch sử và Địa lí, Lớp 7

Thời gian: 3 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Sự thành lập nhà Trần.
- Những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt dưới thời Trần.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- *Năng lực tự học*: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học về thời Trần.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: làm việc nhóm có hiệu quả tại mục “Tình hình chính trị” và mục “Tình hình văn hoá”
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử*: khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang 62-67, để trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần.
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: mô tả được sự thành lập của nhà Trần; nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa của Đại Việt dưới thời Trần.
- *Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử*: rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc.

3. Phẩm chất:

Bồi dưỡng cho HS tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước; giáo dục lòng biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ý thức trân trọng giá trị và bảo vệ di sản văn hóa Đại Việt.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- SGK Lịch sử và Địa lí lớp 7, SGV Lịch sử và Địa lí lớp 7, các hình ảnh, video liên quan đến nội dung bài 13. *Đại Việt thời Trần (1226 - 1400)*.
- Máy tính, máy chiếu/tivi, phiếu học tập

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi, bài tập dự án

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú; kết nối kiến thức hiểu biết ban đầu của HS để tìm hiểu bài học mới

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:

GV cho HS xem video “Trailer hào khí Đông A” HS quan sát và trả lời câu hỏi: *Video trên nói đến triều đại nào? Nêu những hiểu biết của em về triều đại này.*



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ đưa ra câu trả lời; GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV yêu cầu một số HS trả lời và HS nhận xét chéo

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

GV dẫn dắt HS vào bài học: *Như vậy, các em đã thấy được sự chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần không phải là một cuộc lật đổ đẫm máu mà là một sự sắp chuyển giao với “bàn tay nhung” của Trần Thủ Độ chính quyền giữa hai dòng họ trước bối cảnh đất nước cần một triều đại mới vững mạnh hơn. Sau khi chính thức tiếp quản vận mệnh dân tộc nhà Trần đã làm gì để củng cố bộ máy chính quyền và tạo nên sức mạnh vĩ đại cho Đại Việt? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay **Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226- 1400).***

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Tìm hiểu sự thành lập nhà Trần

a) Mục tiêu: HS nêu được hoàn cảnh, thời gian thành lập nhà Trần.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> Đọc thông tin, tư liệu trong mục 1 và quan sát Hình 1, tr62, hãy cho biết: - Nhà Trần thành lập trong hoàn cảnh nào? - Dựa vào thông tin trong mục “Em có biết”, em có suy nghĩ gì về xuất thân dòng họ Trần? - Em có suy nghĩ gì về việc Nhà Trần lên thay nhà Lý trong thời điểm bấy giờ? <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> - GV hướng dẫn, gợi ý cho HS trả lời. - HS tìm hiểu tư liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. Suy nghĩ cá nhân để đưa ra ý kiến, chia sẻ. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> - GV yêu cầu HS trả lời. - HS trả lời câu hỏi của GV. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức:	1. Sự thành lập nhà Trần - Cuối thế kỉ XII, nhà Lý suy yếu, nhà Trần từng bước thôn tóm quyền hành. - Tháng 1-1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.

2.2. Tìm hiểu tình hình chính trị

- a) Mục tiêu: thông qua hoạt động, HS nắm được tình hình chính trị thời Trần.
- b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến												
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</i> GV tổ chức HS hoạt động nhóm; yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, SGK trang 63, thảo luận nhóm và hoàn thành PHT tìm hiểu về tình hình chính trị thời Trần. <table border="1"> <tr> <th>Tình hình chính trị</th><th>Những nét chính</th></tr> <tr> <td>Tổ chức chính quyền</td><td></td></tr> <tr> <td>Quân đội</td><td></td></tr> <tr> <td>Luật pháp</td><td></td></tr> <tr> <td>Chính sách đối nội</td><td></td></tr> <tr> <td>Chính sách đối ngoại</td><td></td></tr> </table>	Tình hình chính trị	Những nét chính	Tổ chức chính quyền		Quân đội		Luật pháp		Chính sách đối nội		Chính sách đối ngoại		2. Tình hình chính trị - <i>Tổ chức chính quyền:</i> + Nhà Trần tiếp tục củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền, thi hành chính sách cai trị khoan hoà, gần gũi với dân chúng. + Cả nước được chia thành 12 lộ, phủ. Đơn vị hành chính ở địa phương phổ biến là xã. - <i>Quân đội:</i> bao gồm quân triều đình, quân các lộ, phủ, quân vương hầu và dân binh các làng
Tình hình chính trị	Những nét chính												
Tổ chức chính quyền													
Quân đội													
Luật pháp													
Chính sách đối nội													
Chính sách đối ngoại													

- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và quan sát hình 2 trả lời các câu hỏi:

- *Em có nhận xét gì về tổ chức chính quyền thời Trần?*

- *GV yêu cầu HS quan sát hình 2: H2 giúp em hiểu điều gì?*



Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ:

- HS hoạt động nhóm thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập.

- HS hoạt động cá nhân suy nghĩ trả lời các câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và mở rộng kiến thức bằng video “Triều đình thời vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh)”

<https://www.youtube.com/watch?si=yf2PiQL4g9uwAtzh&v=ovUveRaMVIE&feature=youtu.be>

xã; nhà Trần tiếp tục thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”.

- *Luật pháp:* nhà Trần ban hành bộ Quốc triều hình luật, các cơ quan pháp luật được tăng cường và hoàn thiện hơn.

- *Chính sách đối nội:* nhà Trần tăng cường quản lý các địa phương, nhất là các khu vực miền núi và biên viễn.

- *Chính sách đối ngoại:* nhà Trần thi hành chính sách ngoại giao hoà hiếu với các vương triều phương Bắc. Chăm-pa, Chân Lạp, Ai Lao,... đều đến tiến cống, thiết lập quan hệ bang giao và buôn bán với Đại Việt.

2.3. Tìm hiểu tình hình kinh tế, xã hội

a) Mục tiêu: trình bày được những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội thời Trần.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1. Tình hình kinh tế	3. Tình hình kinh tế, xã hội
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</i>	a) Tình hình kinh tế

GV cho HS đọc thông tin trong SGK, tổ chức cho HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu:

- *Nêu những dẫn chứng chứng tỏ nhà Trần chú trọng và khuyến khích phát triển nông nghiệp?*

- Quan sát video Hào khí ngàn năm “Hoạt động buôn bán tại Vân Đồn dưới thời Trần” kết hợp đọc SGK thực hiện nhiệm vụ sau “*Mô tả những nét chính về tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần*”

<https://www.youtube.com/watch?v=GrTB9EiHONg>



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS thảo luận, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2. Tình hình xã hội

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc mục 3b SGK trả lời câu hỏi

- *Xã hội thời Trần gồm những tầng lớp nào?*

- Nhà Trần đề ra nhiều chính sách tích cực nhằm phục hồi và phát triển nông nghiệp: khai hoang, đắp đê phòng lụt...

- Thủ công nghiệp có bước phát triển mới: với các sản phẩm đa dạng, tinh xảo thể hiện trình độ thẩm mỹ và đời sống tinh thần vô cùng phong phú

- Hoạt động buôn bán diễn ra ở khắp nơi.

b) Tình hình xã hội

- Xã hội tiếp tục có sự phân hóa

+ *Tầng lớp quý tộc*: có nhiều đặc quyền, nắm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền.

+ *Nông dân lao động*: cày cấy ruộng đất công làng xã

+ *Thợ thủ công và thương nhân* tăng nhanh

+ *Tầng lớp nông nô và nô tì* chiếm số lượng ngày càng đông đảo.

- <i>Nêu đặc điểm của mỗi tầng lớp đó?</i> - <i>Vẽ sơ đồ về các tầng lớp trong xã hội (theo các cách khác nhau.)</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> - HS đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi. - Nhắc HS linh hoạt theo các cách khác nhau trong Vẽ sơ đồ về các tầng lớp trong xã hội (- GV hỗ trợ HS (nếu cần)) <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> - GV yêu cầu đại diện HS trả lời câu hỏi; HS khác nhận xét, bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định:</i> - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. - GV nhận xét, bổ sung và chuẩn hóa kiến thức.	
--	--

2.4. Tìm hiểu tình hình văn hoá

a) Mục tiêu: trình bày được những thành tựu chủ yếu về văn hóa Đại Việt dưới thời Trần.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS trình bày bài tập dự án HS đã làm trước ở nhà <i>Nhóm 1:</i> Trình bày những nét chính về tư tưởng- tôn giáo thời Trần? <i>Nhóm 2:</i> Trình bày những nét chính về tình hình giáo dục thời Trần? <i>Nhóm 3:</i> Nêu một số thành tựu chính về khoa học kĩ thuật dưới thời Trần? <i>Nhóm 4:</i> Nêu những nét nổi bật về văn học thời Trần. Sự phát triển dòng văn học chữ Nôm thời Trần có ý nghĩa như thế nào?	4. Tình hình văn hoá a) Tư tưởng - tôn giáo - Nho giáo, phật giáo được coi trọng: + Nho giáo ngày càng được nâng cao vị thế. Nhiều nhà nho được giữ các chức vụ quan trọng trong triều. + Phật giáo được vua, quý tộc và nhân dân tôn sùng. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời do Trần Nhân Tông sáng lập. b) Giáo dục: - Quốc Tử Giám được mở rộng là nơi dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc, quan lại cao cấp. - Trường học xuất hiện ở nhiều địa phương.

Nhóm 5. Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc thời Trần?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

HS trình bày sản phẩm của nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

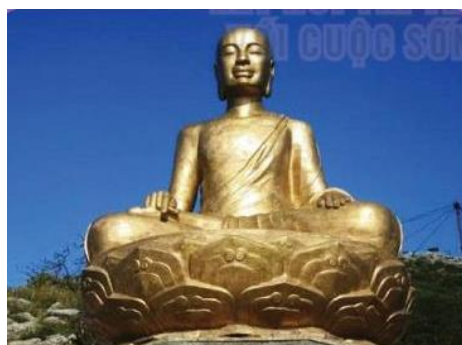
Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung kết quả. Sau phần trình bày và góp ý của HS, GV nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá, nhận xét.

- GV mở rộng kiến thức, tổ chức cho HS xem hình ảnh và video “Phật hoàng Trần Nhân Tông - Phim Lịch Sử Việt Nam Hay Nhất 2022” và “ghi lại một ấn tượng sâu sắc nhất về nhân vật

<https://www.youtube.com/watch?v=7Wu5gO19GRI>



- Các kì thi Nho học được tổ chức thường xuyên và quy củ hơn.

c) Khoa học - kĩ thuật

- *Sử học:* Lê Văn Hưu biên soạn bộ Đại Việt sử ký - bộ sử đầu tiên của nước ta. Ngoài ra còn có một số bộ sử khác như: Việt sử lược, Việt sử cương mục và Việt Nam thế chí,...

- *Quân sự:* có các tác phẩm như Bình thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư của Trần Quốc Toản.

- *Y học:* thầy thuốc Tuệ Tĩnh - chuyên nghiên cứu và viết sách về cây thuốc nam.

d) Văn học, nghệ thuật

- *Văn học:* Văn học chữ Hán và chữ Nôm rất phát triển.

+ *Chữ Hán:* sử dụng để sáng tác thơ, phú, hịch,... phản ánh âm hưởng hào hùng của cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, lòng yêu nước và tự hào dân tộc, ngợi ca cảnh thái bình thịnh trị.

+ *Văn học chữ Nôm:* phản ánh cuộc sống bình dân với những tác giả nổi tiếng như Nguyễn Thuyên, Trần Nhân Tông, Chu Văn An,...

- Ý nghĩa sự phát triển của dòng văn học chữ Nôm thời Trần:

+ Thể hiện ý thức dân tộc cao khi sử dụng ngôn ngữ riêng của đất nước mình để sáng tác các tác phẩm văn học.

+ Góp phần khẳng định người Việt có chữ viết, ngôn ngữ riêng của mình, thể hiện ý thức tự lập, tự cường của dân tộc.

	+ Làm cho nền văn học dân tộc ngày càng phát triển. - Nghệ thuật: - Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc rất phát triển thể hiện rõ nét trong các công trình xây dựng như: kinh đô Thăng Long, thành Tây Đô, các lăng mộ vua Trần, tháp Phổ Minh. - Nghệ thuật diễn xướng phát triển nhiều loại hình như: chèo, tuồng, hát xẩm, múa rối,...
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vào làm bài tập cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV giao bài cho HS: Bài tập 1, 2 trong SGK.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

HS xác định yêu cầu của bài tập và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập.

GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu yêu cầu và làm bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét bài làm của HS, chốt nội dung.

HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức.

Bài tập 1:

Lĩnh vực	Thành tựu	Ý nghĩa
Tư tưởng, tôn giáo	Nho giáo ngày càng phát triển, Phật giáo được tôn sùng.	Hệ tư tưởng phát triển.
Giáo dục:	Quốc tử giám được mở rộng, nhiều trường công và trường tư xuất hiện khắp nơi.	Nhà Trần rất quan tâm tới giáo dục.

Sử học	Nhiều bộ sử lớn và có giá trị được biên soạn.	Sử học được coi trọng phát triển.
Y học	Thầy thuốc Tuệ Tĩnh nghiên cứu về cây thuốc nam.	Y học phát triển.
Văn học	Chữ Hán và chữ Nôm phát triển.	Văn học phát triển.
Kiến trúc, điêu khắc	Nhiều công trình được xây dựng.	Trình độ thợ thủ công cao.
Nghệ thuật	Diễn xướng phát triển gồm nhiều loại hình.	Đời sống tinh thần phong phú.

Bài tập 2: Nhà Trần thay thế nhà Lý là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu lịch sử bấy giờ. Vì:

- Cuối thời Lý, vua quan ăn chơi sa đọa. Vua Lý Chiêu Hoàng là nữ, yếu thế, lực bất tòng tâm, phải dựa vào thế lực họ Trần; chính quyền không chăm lo được đời sống nhân dân, đói kém, mất mùa...

- Nhà Trần tiếp quản chính quyền thay nhà Lý đã củng cố chính quyền, bảo vệ đất nước, chăm lo đời sống nhân dân.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập, GV giao bài tập về nhà cho HS

Bài tập 3: Tìm hiểu thêm từ sách, báo và internet, em hãy viết bài giới thiệu về một thành tựu văn hóa Đại Việt thời Trần còn được bảo tồn và phát huy giá trị cho đến ngày nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà theo hướng dẫn của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

Gợi ý làm bài

- Nêu tên một thành tựu văn hóa thời Trần mà em chọn (ví dụ: Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử / chùa tháp thời Trần...).
- Nêu thời gian ra đời và người/triều đại gắn với thành tựu đó.
- Trình bày đặc điểm hoặc nội dung chính (ví dụ: tư tưởng, kiến trúc, ý nghĩa...).
- Nêu hiện trạng hiện nay (còn tồn tại ở đâu, được bảo tồn/trùng tu/khai thác du lịch...).
- Khẳng định ý nghĩa và giá trị của thành tựu đó đối với ngày nay.

*** Hướng dẫn về nhà**

- HS ôn lại nội dung kiến thức đã học của *Bài 13: Đại Việt thời Trần*
- HS Làm bài tập 13 Sách Bài tập Lịch sử và Địa lí, lớp 7.
- HS Chuẩn bị nội dung tiết học sau *Bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên*.

PL1.3.

BÀI 16. KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 - 1427)

(KHBD lớp đối chứng)

Môn Lịch sử và Địa lí, Lớp 7

Thời gian: 3 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

1. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả khi tìm hiểu các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ trang 78-82, để trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn;
- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- *Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử:* Liên hệ, rút ra được bài học từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với những vấn đề của thực tiễn hiện nay rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2. Về phẩm chất:

Ý thức học tập nghiêm túc; có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Tinh thần nhân đạo, yêu chuộng hòa bình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- SGK Lịch sử và Địa lí lớp 7, SGV Lịch sử và Địa lí lớp 7, lược đồ, hình ảnh liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Máy tính, máy chiếu/tivi

2. Học sinh

- SGK, vở ghi, bài tập dự án

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu:* khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú; kết nối kiến thức hiểu biết ban đầu của HS để tìm hiểu bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện*

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS đọc tư liệu

“Ta đây:

Núi Lam Sơn dấy nghĩa,
Chốn hoang dã nương mình,
Ngầm thù lớn há đội trời chung,
Cầm giặc nước thề không chung sống.”

Những câu thơ trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi giúp em liên hệ đến nhân vật lịch sử nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nhân vật cũng như sự kiện liên quan đến nhân vật đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu một số HS trả lời và HS nhận xét chéo.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét kết quả hoạt động của HS

GV dẫn dắt vào bài mới. “*Vậy để hiểu rõ hơn về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay **Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)***”.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

a) *Mục tiêu:* trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b) *Tổ chức thực hiện*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Hoạt động 1: Tìm hiểu mục a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa <i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK tr78 -79, làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: - Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? - Nếu hiểu biết của em về nhân vật Lê Lợi? - Trước tình cảnh đó Lê Lợi đã có hành động gì?  <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS xử lý thông tin khi xem video và đọc SGK, suy nghĩ đưa ra câu trả lời. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu HS trả lời. Các HS khác nhận xét bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV nhận xét kết quả hoạt động của HS. GV chuẩn hoá kiến thức và mở rộng: - Phân tích thêm đoạn trích trong “<i>Bình Ngô đại cáo</i>” của Nguyễn Trãi để HS hiểu được những thống khổ của nhân dân ta. Là nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa. Hoạt động 2: Tìm hiểu mục mục 1. b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa. <i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i>	a, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa <i>* Nguyên nhân khởi nghĩa:</i> Nhà Minh đặt ách cai trị tàn bạo lên đất nước ta → đời sống nhân dân khổ cực ⇒ nhiều cuộc nổi dậy diễn ra <i>* Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa</i> - Lê Lợi đã tích cực xây dựng lực lượng, dựng cờ khởi nghĩa. Nghe tin, nhiều người yêu nước từ các nơi về hội tụ. - Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 vị hào kiệt đã tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai. - Đầu năm 1418, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương. Truyền hịch kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 - 1423) - Thời kì đầu khởi nghĩa, nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, phải ba lần rút lên vùng núi Chí Linh. - Để khắc phục khó khăn Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương hoà với quân Minh c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 – 1425). - Để gỡ thế bao vây, Nguyễn Chích hiến kế đánh chiếm Nghệ An làm căn cứ.

GV yêu cầu Hs báo cáo sản phẩm bài tập dự án đã hoàn thành ở nhà:

- *Nhóm 1: Tìm hiểu mục 1.b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 - 1427).*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị, kết hợp khai thác lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)

- HS trả lời câu hỏi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức: câu chuyện Lê Lai cứu chúa.



Hoạt động 3: Tìm hiểu mục 1.c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu Hs báo cáo sản phẩm bài tập dự án đã hoàn thành ở nhà:

Nhóm 2: Tìm hiểu mục 1.c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 - 1425).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.

- Cuối 1424, nghĩa quân giải phóng Nghệ An; giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân.

- Những thắng lợi làm thay đổi cục diện cuộc kháng chiến, hướng có lợi cho nghĩa quân.

d, Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427)

*** Tiến quân ra Bắc**

- Tháng 9 – 1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy quyết tiến quân ra Bắc và thắng nhiều trận lớn -> Quân Minh phải rút vào thành Đông Quan cố thủ.

*** Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động**

- Tháng 10 – 1426, Vương Thông dẫn viện binh đến thành Đông Quan và mở cuộc tấn công.

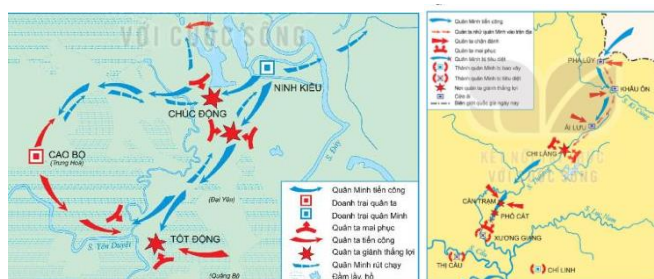
- 7-11-1426, quân ta mai phục và chặn đánh địch ở Tốt Động-Chúc Động. Quân Minh thất bại nặng nề, nghĩa quân giải phóng nhiều đất đai và siết chặt vây hãm thành Đông Quan.

*** Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang**

- Tháng 10 - 1427, Liễu Thăng và Mộc Thạch chỉ huy 15 vạn viện binh tiến vào nước ta.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị, kết hợp khai thác lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)



- HS trả lời câu hỏi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức.

Hoạt động 4: Tìm hiểu mục 1.d. Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427)

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu Hs báo cáo sản phẩm bài tập dự án đã hoàn thành ở nhà:

- + *Nhóm 3:* Tìm hiểu mục 1.d_ phần tiến quân ra Bắc và chiến thắng Tốt Động – Chúc Động.
- + *Nhóm 4:* Tìm hiểu mục 1.d_ phần chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang

- GV yêu cầu HS quan sát SGK trả lời câu hỏi

- + *Nguyên nhân dẫn đến Hội thề Đông Quan?*
- + *Ý nghĩa lịch sử của Hội Thề Đông Quan?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị, kết hợp khai thác lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)

- Nghĩa quân phục kích tại ải Chi Lăng, Liễu Thăng bị giết tại trận

- Nghĩa quân liên tiếp thắng lợi tạo Cẩm Trạm, Phố Cát và Xương Giang.

- Lê Lợi sai người mang ấn tín và thư báo Liễu Thăng tử trận cho Mộc Thạnh. Quân giặc vô cùng khiếp sợ, rút về nước.

* Hội thề Đông Quan

- Nghĩa quân siết chặt vòng vây các thành còn lại vừa khéo dụ hàng quân Minh.

- Ngày 10 - 12 - 1427, bên bờ sông Hồng, Lê Lợi và Vương thông dẫn đầu hai phái đoàn tham gia Hội thề Đông Quan, chấm dứt chiến tranh.

- Đầu tháng 1 - 1428, quân Minh rút về nước, đất nước hoàn toàn giải phóng.

- Lê Lợi giao Nguyễn Trãi soạn Bình Ngô đại cáo, chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh, mở nền hoà bình và xây dựng đất nước.

- HS trả lời câu hỏi các nhóm khác nhận xét, bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV nhận xét, chuẩn hoá và mở rộng kiến thức	
--	--

2.2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

- a) Mục tiêu: trình bày được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- b) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tư liệu SGK, suy nghĩ trả lời câu hỏi: + Nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? + Ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS suy nghĩ kết hợp đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu HS đưa ra đáp án. Các HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có). <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> - GV chuẩn hoá và mở rộng kiến thức.	* Nguyên nhân thắng lợi: - Nhân dân ta có tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí và quyết tâm giành lại độc lập cho dân tộc, toàn dân đã đồng lòng đoàn kết. - Đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân * Ý nghĩa: - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có tính chất nhân dân rộng rãi. - Chấm dứt hơn hai mươi năm đô hộ của nhà Minh - Khôi phục nền độc lập, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.
- b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân dựa vào kiến thức đã học trả lời câu hỏi:

Câu 1. Vị anh hùng nào đã dâng “Bình Ngô sách” với chiến lược “đánh vào lòng người” cho Lê Lợi?

A. Nguyễn Chích.

B. Trần Nguyên Hãn.

C. Nguyễn Trãi.

D. Lê Sát.

Câu 2. Sự kiện nào đánh dấu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn “từ cuộc khởi nghĩa ở địa phương trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc”?

A. Hội thề Lũng Nhai (1416).

B. Giải phóng Nghệ An (1424).

C. Hội thề Đông Quan (1427).

D. Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (1427).

Câu 3. Tại trận Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt đạo quân viện binh của ai?

A. Vương Thông.

B. Liễu Thăng.

C. Mộc Thạnh.

D. Thoát Hoan.

Câu 4. Việc Lê Lợi tổ chức “Hội thề Đông Quan” thay vì tiêu diệt toàn bộ quân địch thể hiện điều gì?

A. Quân ta đã quá mệt mỏi, không thể đánh tiếp.

B. Sự lo sợ quân viện binh của nhà Minh sẽ sang tiếp.

C. Tinh thần nhân đạo và khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

D. Sự thỏa hiệp của nghĩa quân với nhà Minh.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa?

A. Sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân từ miền xuôi đến miền ngược.

B. Đường lối chiến lược đúng đắn của bộ chỉ huy nghĩa quân.

C. Tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của các tướng lĩnh.

D. Nhà Minh đang gặp những khó khăn nội tại về chính trị, quân sự.

Câu 6. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

A. Khẳng định sức mạnh quân sự vượt trội của nước ta so với phương Bắc.

B. Kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc.

C. Đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển nhất Đông Nam Á.

D. Thành lập nhà Tiền Lê và chế độ phong kiến Việt Nam được xác lập.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đánh giá về tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” đối với lịch sử dân tộc?

A. Bản Tuyên ngôn độc lập thứ nhất.

- B. Bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai.
- C. Một bài thơ thần của Lý Thường Kiệt.
- D. Một bức thư dụ hàng của Nguyễn Trãi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát và thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá sự tiếp thu bài của HS.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học để rút ra bài học kinh nghiệm.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, hướng dẫn HS làm bài.

Nhiệm vụ: Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 - 15 câu) chia sẻ cảm nghĩ về tinh thần nhân đạo của quân dân ta qua sự kiện “*Hội thề Đông Quan*”. Từ đó, em rút ra bài học về truyền thống yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS sưu tầm thông tin, hoàn thành bài tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày bài của mình vào buổi học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV thu bài của một số HS để chấm điểm.

Gợi ý trả lời

1. Gợi ý viết đoạn văn: HS có thể triển khai theo cấu trúc sau:

- *Mở đầu:* Giới thiệu sự kiện Hội thề Đông Quan (1427) là cái kết huy hoàng của khởi nghĩa Lam Sơn, thể hiện tâm vóc văn hóa dân tộc.

- *Nội dung chính:*

- + *Phân tích hành động:* quân dân ta không tiêu diệt tận cùng kẻ thù mà mở đường hiếu sinh (cấp thuyền, ngựa, lương thảo cho quân Minh về nước).

- + *Cảm nghĩ về tư tưởng:* đó là tinh thần lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo.

- + *Liên hệ cảm xúc:* sự tự hào trước tấm lòng bao dung, không nuôi hận thù của cha ông.

+ *Ý nghĩa*: hành động này không chỉ chấm dứt chiến tranh tránh xương máu cho cả hai dân tộc mà còn mở nền thái bình lâu dài cho đất nước.

- *Kết luận*: khẳng định giá trị của lòng nhân đạo vẫn còn vang vọng đến ngày nay, thôi thúc thế hệ trẻ sống nhân ái hơn.

2. Bài học về truyền thống yêu chuộng hòa bình hiện nay

- *Giải quyết xung đột bằng đối thoại*: hòa bình không chỉ là không có chiến tranh, mà là cách chúng ta đối xử với nhau hàng ngày. HS cần học cách lắng nghe, thương lượng và hóa giải mâu thuẫn bạn bè bằng lời nói, thay vì sử dụng bạo lực hay sự công kích trên mạng xã hội.

- *Lòng bao dung và sự thấu hiểu*: học cách đặt mình vào vị trí của người khác để thông cảm. Truyền thống nhân đạo của cha ông dạy chúng ta rằng: chiến thắng cao đẹp nhất là chiến thắng bằng lòng nhân nghĩa, hướng thiện lòng người chứ không phải bằng sự trừng phạt.

- *Trách nhiệm của sứ giả hòa bình nhỏ tuổi*: yêu hòa bình hiện nay gắn liền với việc xây dựng môi trường học đường hạnh phúc, lan tỏa những thông điệp tích cực và lên án những hành vi gây mất đoàn kết.

* **Hướng dẫn về nhà**

- HS Làm bài tập về nhà
- HS ôn lại kiến thức đã học *bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn*
- HS Chuẩn bị nội dung tiết học sau *bài 17 đại Việt thời Lê Sơ*

PL1.4.

BÀI 16. KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 - 1427)

(KHBD lớp học thực nghiệm)

Môn Lịch sử và Địa lí, Lớp 7

Thời gian: 3 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

1. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học về khởi nghĩa Lam Sơn
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả trong tìm hiểu các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ trang 78-82 và video, để trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn;

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- *Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử:* Liên hệ, rút ra được bài học từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với những vấn đề của thực tiễn hiện nay rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2. Về phẩm chất:

Ý thức học tập nghiêm túc; có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Tinh thần nhân đạo, yêu chuộng hòa bình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- SGK Lịch sử và Địa lí lớp 7, SGV Lịch sử và Địa lí lớp 7, lược đồ, video, hình ảnh liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Máy tính, máy chiếu/tivi

2. Học sinh

- SGK, vở ghi, bài tập dự án

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu:* khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú; kết nối kiến thức hiểu biết ban đầu của HS để tìm hiểu bài học mới

b) *Tổ chức thực hiện*

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS xem video “*Bài hát về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn*”, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Sự kiện lịch sử nào được phản ánh trong video? Nêu những hiểu biết của em về sự kiện đó?*



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu một số HS trả lời và HS nhận xét chéo.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét kết quả hoạt động của HS và dẫn dắt vào bài mới. “*Vậy để hiểu rõ hơn về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)*”.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

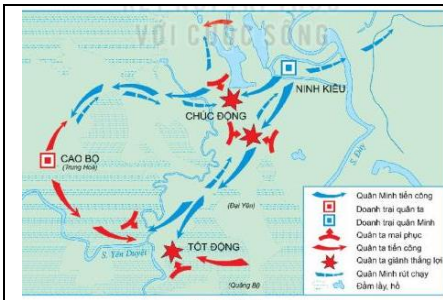
a) *Mục tiêu:* trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b) *Tổ chức thực hiện*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Hoạt động 1: Tìm hiểu mục a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa <i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu học sinh quan sát video “Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn” https://www.youtube.com/watch?v=CtWmTBokZ9U Kết hợp đọc thông tin SGK tr78 -79, làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: - Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? - Nêu hiểu biết của em về nhân vật Lê Lợi? - Trước tình cảnh đó Lê Lợi có hành động gì?  <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS xử lý thông tin khi xem video và đọc SGK, suy nghĩ đưa ra câu trả lời. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu HS trả lời. Các HS khác nhận xét bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV nhận xét kết quả hoạt động của HS. GV chuẩn hoá kiến thức và mở rộng: - Phân tích thêm đoạn trích trong “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi để HS hiểu được những thống khổ của nhân dân ta. Là nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa.	a, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa <i>* Nguyên nhân khởi nghĩa:</i> Nhà Minh đặt ách cai trị tàn bạo lên đất nước ta → đời sống nhân dân khổ cực ⇒ nhiều cuộc nổi dậy diễn ra <i>* Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa</i> - Lê Lợi đã tích cực xây dựng lực lượng, dựng cờ khởi nghĩa. Nghe tin, nhiều người yêu nước từ các nơi về hội tụ. - Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 vị hào kiệt đã tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai. - Đầu năm 1418, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương. Truyền hịch kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 - 1423) - Thời kì đầu khởi nghĩa, nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, phải ba lần rút lên vùng núi Chí Linh. - Để khắc phục khó khăn Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương hoà với quân Minh c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 – 1425). - Để gỡ thế bao vây, Nguyễn Chích hiến kế đánh chiếm Nghệ An làm căn cứ.

+ Video Hội thề Lũng Nhai: https://www.youtube.com/watch?v=m6lbyIcbbkw Hoạt động 2: Tìm hiểu mục 1. b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa. <i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu Hs báo cáo sản phẩm bài tập dự án đã hoàn thành ở nhà: - <i>Nhóm 1: Tìm hiểu mục 1.b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 - 1427).</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> - GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị, kết hợp khai thác lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có) - HS trả lời câu hỏi các nhóm khác nhận xét, bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức. - GV mở rộng kiến thức: sử dụng video “<i>Lê Lai cứu chúa</i>” để mở rộng cho HS về câu chuyện Lê Lai cứu Lê Lợi thoát khỏi sự vây quét của quân Minh. https://youtu.be/3nRcH22uzYQ?si=yEhI7nGZl5sro9-A (Khát vọng non sông) Hoạt động 3: Tìm hiểu mục 1.c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên <i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> - GV yêu cầu Hs báo cáo sản phẩm bài tập dự án đã hoàn thành ở nhà:	- Cuối 1424, nghĩa quân giải phóng Nghệ An; giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân. - Những thắng lợi làm thay đổi cục diện cuộc kháng chiến, hướng có lợi cho nghĩa quân. d, Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427) * Tiến quân ra Bắc - Tháng 9 – 1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy quyết tiến quân ra Bắc và thắng nhiều trận lớn -> Quân Minh phải rút vào thành Đông Quan cố thủ. * Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động - Tháng 10 – 1426, Vương Thông dẫn viện binh đến thành Đông Quan và mở cuộc tấn công. - 7-11-1426, quân ta mai phục và chặn đánh địch ở Tốt Động-Chúc Động. Quân Minh thất bại nặng nề, nghĩa quân giải phóng nhiều đất đai và siết chặt vây hãm thành Đông Quan. * Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang - Tháng 10 - 1427, Liễu Thăng và Mộc Thạch chỉ huy 15 vạn viện binh tiến vào nước ta.
---	--

<i>Nhóm 2: Tìm hiểu mục 1.c. Giai đoạn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 - 1425).</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> - GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị, kết hợp khai thác lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có) - HS trả lời câu hỏi các nhóm khác nhận xét, bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức. Hoạt động 4: Tìm hiểu mục 1.d. Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427) <i>Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập</i> - GV yêu cầu Hs báo cáo sản phẩm bài tập dự án đã hoàn thành ở nhà: + <i>Nhóm 3: Tìm hiểu mục 1.d_ phần tiến quân ra Bắc và chiến thắng Tốt Động – Chúc Động.</i> + <i>Nhóm 4: Tìm hiểu mục 1.d_ phần chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang</i> - GV yêu cầu HS quan sát SGK trả lời câu hỏi + <i>Nguyên nhân dẫn đến Hội thề Đông Quan?</i> + <i>Ý nghĩa lịch sử của Hội Thề Đông Quan?</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> - GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị, kết hợp khai thác lược đồ. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)	- Nghĩa quân phục kích tại ải Chi Lăng, Liễu Thăng bị giết tại trận - Nghĩa quân liên tiếp thắng lợi tạo Cẩm Trạm, Phố Cát và Xương Giang. - Lê Lợi sai người mang ấn tín và thư báo Liễu Thăng tử trận cho Mộc Thạnh. Quân giặc vô cùng khiếp sợ, rút về nước. * Hội thề Đông Quan - Nghĩa quân siết chặt vòng vây các thành còn lại vừa khéo dụ hàng quân Minh. - Ngày 10 - 12 – 1427, bên bờ sông Hồng, Lê Lợi và Vương Thông dẫn đầu hai phái đoàn tham gia Hội thề Đông Quan, chấm dứt chiến tranh. - Đầu tháng 1 – 1428, quân Minh rút về nước, đất nước hoàn toàn giải phóng. - Lê Lợi giao Nguyễn Trãi soạn Bình Ngô đại cáo, chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh, mở nền hoà bình và xây dựng đất nước.
---	--



- HS trả lời câu hỏi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chuẩn hoá và mở rộng kiến thức

2.2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

a) Mục tiêu: trình bày được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc tư liệu SGK, suy nghĩ trả lời câu hỏi: + Nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? + Ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i> HS suy nghĩ kết hợp đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu HS đưa ra đáp án. Các HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có). <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> - GV chuẩn hoá và mở rộng kiến thức.	<i>* Nguyên nhân thắng lợi:</i> - Nhân dân ta có tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí và quyết tâm giành lại độc lập cho dân tộc, toàn dân đã đồng lòng đoàn kết. - Đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân <i>* Ý nghĩa:</i> - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc có tính chất nhân dân rộng rãi. - Chấm dứt hơn hai mươi năm đô hộ của nhà Minh - Khôi phục nền độc lập, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân dựa vào kiến thức đã học trả lời câu hỏi:

Câu 1. Vị anh hùng nào đã dâng “Bình Ngô sách” với chiến lược “đánh vào lòng người” cho Lê Lợi?

- A. Nguyễn Chích.
- B. Trần Nguyên Hãn.
- C. Nguyễn Trãi.
- D. Lê Sát.

Câu 2. Sự kiện nào đánh dấu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn “từ cuộc khởi nghĩa ở địa phương trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc”?

- A. Hội thề Lũng Nhai (1416).
- B. Giải phóng Nghệ An (1424).
- C. Hội thề Đông Quan (1427).
- D. Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang (1427).

Câu 3. Tại trận Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt đạo quân viện binh của ai?

- A. Vương Thông.
- B. Liễu Thăng.
- C. Mộc Thạnh.
- D. Thoát Hoan.

Câu 4. Việc Lê Lợi tổ chức “*Hội thề Đông Quan*” thay vì tiêu diệt toàn bộ quân địch thể hiện điều gì?

- A. Quân ta đã quá mệt mỏi, không thể đánh tiếp.
- B. Sự lo sợ quân viện binh của nhà Minh sẽ sang tiếp.
- C. Tinh thần nhân đạo và khát vọng hòa bình của dân tộc ta.
- D. Sự thỏa hiệp của nghĩa quân với nhà Minh.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa?

- A. Sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân từ miền xuôi đến miền ngược.
- B. Đường lối chiến lược đúng đắn của bộ chỉ huy nghĩa quân.
- C. Tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của các tướng lĩnh.
- D. Nhà Minh đang gặp những khó khăn nội tại về chính trị, quân sự.

Câu 6. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

- A. Khẳng định sức mạnh quân sự vượt trội của nước ta so với phương Bắc.
- B. Kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc.
- C. Đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển nhất Đông Nam Á.
- D. Thành lập nhà Tiền Lê và chế độ phong kiến Việt Nam được xác lập.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đánh giá về tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” đối với lịch sử dân tộc?

- A. Bản Tuyên ngôn độc lập thứ nhất.
- B. Bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai.

- C. Một bài thơ thần của Lý Thường Kiệt.
- D. Một bức thư dụ hàng của Nguyễn Trãi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát và thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá sự tiếp thu bài của HS.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: vận dụng kiến thức đã học để rút ra bài học kinh nghiệm.
- b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, hướng dẫn HS làm bài.

Nhiệm vụ: Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 - 15 câu) chia sẻ cảm nghĩ về tinh thần nhân đạo của quân dân ta qua sự kiện “*Hội thề Đông Quan*”. Từ đó, em rút ra bài học về truyền thống yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS sưu tầm thông tin, hoàn thành bài tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày bài của mình vào buổi học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV thu bài của một số HS để chấm điểm.

Gợi ý trả lời

- 1. Gợi ý viết đoạn văn: HS có thể triển khai theo cấu trúc sau:

- *Mở đầu:* Giới thiệu sự kiện Hội thề Đông Quan (1427) là cái kết huy hoàng của khởi nghĩa Lam Sơn, thể hiện tầm vóc văn hóa dân tộc.

- *Nội dung chính:*

- + *Phân tích hành động:* quân dân ta không tiêu diệt tận cùng kẻ thù mà mở đường hiếu sinh (cấp thuyền, ngựa, lương thảo cho quân Minh về nước).

- + *Cảm nghĩ về tư tưởng:* đó là tinh thần lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo.

- + *Liên hệ cảm xúc:* sự tự hào trước tấm lòng bao dung, không nuôi hận thù của cha ông.

+ *Ý nghĩa*: hành động này không chỉ chấm dứt chiến tranh tránh xương máu cho cả hai dân tộc mà còn mở nền thái bình lâu dài cho đất nước.

- *Kết luận*: khẳng định giá trị của lòng nhân đạo vẫn còn vang vọng đến ngày nay, thôi thúc thế hệ trẻ sống nhân ái hơn.

2. Bài học về truyền thống yêu chuộng hòa bình hiện nay

- *Giải quyết xung đột bằng đối thoại*: hòa bình không chỉ là không có chiến tranh, mà là cách chúng ta đối xử với nhau hàng ngày. HS cần học cách lắng nghe, thương lượng và hóa giải mâu thuẫn bạn bè bằng lời nói, thay vì sử dụng bạo lực hay sự công kích trên mạng xã hội.

- *Lòng bao dung và sự thấu hiểu*: học cách đặt mình vào vị trí của người khác để thông cảm. Truyền thống nhân đạo của cha ông dạy chúng ta rằng: chiến thắng cao đẹp nhất là chiến thắng bằng lòng nhân nghĩa, hướng thiện lòng người chứ không phải bằng sự trừng phạt.

- *Trách nhiệm của sứ giả hòa bình nhỏ tuổi*: yêu hòa bình hiện nay gắn liền với việc xây dựng môi trường học đường hạnh phúc, lan tỏa những thông điệp tích cực và lên án những hành vi gây mất đoàn kết.

* **Hướng dẫn về nhà**

- HS Làm bài tập về nhà
- HS ôn lại kiến thức đã học *bài 16 Khởi nghĩa Lam Sơn*
- HS Chuẩn bị nội dung tiết học sau *bài 17 đại Việt thời Lê Sơ*

PL.1.5

BÀI 18. VƯƠNG QUỐC CHĂM - PA VÀ VÙNG ĐẤT NAM BỘ TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Môn: Lịch sử và Địa lí, Lớp 7

Thời gian: tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Diễn biến cơ bản về chính trị của vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Những nét chính về kinh tế, văn hoá của vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học tìm hiểu vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang 89-94, để tìm hiểu về Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Trình bày được những nét chính về kinh tế, văn hóa của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Rút ra bài học lịch sử về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

3. Phẩm chất:

Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa, của cư dân sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI để lại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- SGK Lịch sử Địa lí 7, SGV Lịch sử Địa lí 7.

- Phiếu học tập dành cho học sinh.
- Video về “*Một số thành tựu văn hóa Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI*”.
- Máy tính, máy chiếu/ti vi.

2. Học sinh

- SGK, vở ghi, phiếu học tập, bài tập dự án.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú, tâm thế cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS quan sát video “*Đối thoại: Chăm-pa và Nam Bộ*” và trả lời câu hỏi: *Nêu những hiểu biết của em về vùng đất Chăm-pa và Nam Bộ?*



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát video, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi; GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học

Ở những bài học trước, chúng ta đã chứng kiến sự thịnh trị của Đại Việt thời Lý, Trần, Lê sơ. Tuy nhiên, bản đồ chữ S thân yêu của chúng ta thời bấy giờ không chỉ có Đại Việt. Phía Nam đèo Ngang là một thế giới đầy màu sắc của Vương quốc Chăm-pa với những vương triều hưng thịnh và những thương cảng sầm uất. Xa hơn nữa về phía Nam là vùng đất Nam Bộ với những lưu dân đầu tiên đến khai phá. Vậy giữa các vùng đất này có mối quan hệ như thế nào? Cư dân nơi đây đã sinh sống và sáng tạo ra sao? Bài học hôm nay sẽ giúp các em có cái nhìn toàn

cảnh về lịch sử nước ta trên khắp các vùng miền trong giai đoạn này. với **Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.**

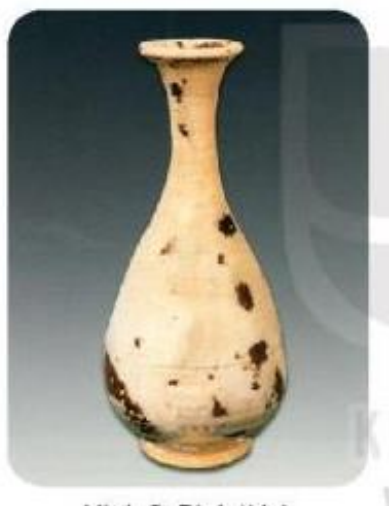
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2. 1. Tìm hiểu vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

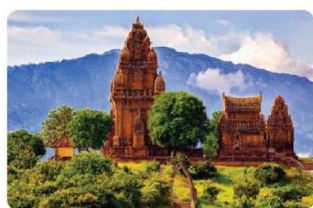
a) Mục tiêu: giới thiệu được diễn biến chính về chính trị của Vương quốc Chăm-pa; trình bày được những hoạt động kinh tế chủ yếu về nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và những nét chính về văn hóa của Vương quốc Chăm-pa.

b) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<i>Bước 1: Gv giao nhiệm vụ học tập</i> - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân quan sát lược đồ Hình 2, đọc thông tin mục 1a SGK tr.90, 91 và thực hiện nhiệm vụ: <i>Giới thiệu những diễn biến chính về chính trị của Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến thế kỉ XI.</i>  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin mục 1b_ Tình hình kinh tế. quan sát Hình 3 SGK tr.92 và trả lời câu hỏi: <i>Nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của Vương quốc Chăm-pa.</i>	1. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI a) Diễn biến cơ bản về chính trị - Năm 988, một quý tộc người Chăm đã lập ra Vương triều Vi-giay-a. Kinh đô được chuyển về Vi-giay-a. - Từ năm 988 đến năm 1220: Chăm-pa phải tiến hành các cuộc chiến tranh với Chân Lạp cũng như giải quyết xung đột với Đại Việt ở phía bắc. - Từ năm 1220 đến năm 1353: thời kì thịnh đạt nhất của Vương triều Vi-giay-a. Chăm-pa thoát khỏi ách đô hộ của Chân Lạp, củng cố chính quyền, mở rộng và thống nhất lãnh thổ,... - Từ cuối thế kỉ XIV đến năm 1471: Vương triều Vi-giay-a lâm vào khủng hoảng, suy yếu rồi sụp đổ. - Từ năm 1471 đến đầu thế kỉ XVI: Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp nhiều phần và chia thành nhiều tiểu quốc khác nhau. b) Tình hình kinh tế, văn hóa * Tình hình kinh tế - Sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ yếu trong hoạt động kinh tế, tiếp tục phát



- GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin mục 1b_ Tình hình văn hóa, quan sát Hình 3, 4 SGK tr.92, 93 và trả lời câu hỏi: *Trình bày những nét chính về văn hóa ở Chăm-pa từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.*



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS đọc thông tin mục 1a, 1b, quan sát Hình 1-5, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày :
+ Diễn biến chính về chính trị của Vương quốc Chăm-pa.
+ Những hoạt động kinh tế chủ yếu của Vương quốc Chăm-pa về nông

trien các kĩ thuật đào kênh, đắp đập thủy lợi,...

- Khai thác nhiều loại lâm thổ sản quý như: trầm hương, long não, sừng tê giác, ngà voi, hồ tiêu,... Đánh bắt hải sản vẫn là một nghề quan trọng của cư dân Chăm-pa.
- Thương mại đường biển ở Vương quốc Chăm-pa vẫn được phát triển mạnh mẽ.
- Các nghề thủ công tiếp tục phát triển.

*** *Tình hình văn hóa***

- Tôn giáo - tín ngưỡng:

+ Hin-đu giáo là tôn giáo có vị trí quan trọng nhất ở Chăm-pa. Phật giáo tiếp tục có những bước phát triển.

+ Tín ngưỡng phồn thực được phổ biến rộng rãi trong đời sống văn hoá của cư dân.

- Chữ viết: chữ Chăm không ngừng được cải tiến và hoàn thiện.

- Kiến trúc và điêu khắc: nổi tiếng nhất là các đền tháp được xây bằng gạch nung và trang trí phù điêu,...

- Ca múa nhạc: người Chăm sử dụng phong phú các bộ nhạc cụ như: trống, kèn Sa-ra-na,...

ng nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. + Những nét chính về văn hóa của Vương quốc Chăm-pa. - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định:</i> - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn hoá kiến thức -GV khai thác video “<i>Đằng sau vẻ đẹp của Thị Nại</i>” mở rộng kiến thức cho HS về kinh tế https://www.youtube.com/watch?v=mSIy0anIwC0	
---	--

2.2. Tìm hiểu sơ lược vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

a) Mục tiêu: HS nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị và những nét chính về kinh tế, văn hoá của vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

b) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	KIẾN THỨC CẦN ĐẠT
<i>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập</i> - HS xem video, đọc thông tin trong SGK tr93, 94, thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi: <i>Hãy cho biết những nét chính về tình hình chính trị vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.</i> - HS đọc thông tin trong SGK tr94, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi: <i>những nét chính về kinh tế, văn hoá của cư dân Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.</i> <i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i>	2. Sơ lược vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI a) Diễn biến cơ bản về chính trị - Khoảng đầu thế kỉ VII, vùng đất Nam Bộ trên danh nghĩa bị đặt dưới quyền cai trị của Vương quốc Chân Lạp. Tuy nhiên, triều đình Chân Lạp hầu như không thể quản lí được vùng đất này. - Từ sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIV, do ảnh hưởng nặng nề bởi điều kiện tự nhiên nên cư dân ở đây rất thưa vắng.

- HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. - GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm. <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</i> GV yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm, HS trả lời. Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét. + HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm; trả lời câu hỏi của GV. + HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn. <i>Bước 4: Kết luận, nhận định</i> GV nhận xét về thái độ, tinh thần và kết quả học tập của HS, chuẩn hoá và mở rộng kiến thức bằng video “<i>Thánh địa Mỹ Sơn</i>” https://vr360.com.vn/my-son-metaverse	- Từ thế kỉ XVI mới có những nhóm lưu dân người Việt đến khẩn hoang và lập ra những làng người Việt đầu tiên. <i>b) Tình hình kinh tế và văn hoá</i> - Kinh tế: Chủ yếu dựa vào canh tác lúa nước kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt thuỷ hải sản. Bên cạnh đó, họ làm các nghề thủ công và buôn bán nhỏ. Thương nghiệp không còn phát triển như thời kì Vương quốc Phù Nam. - Văn hoá: Người dân vẫn giữ nhiều truyền thống văn hoá từ thời Phù Nam, đồng thời dần tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. Hin-đu giáo, Phật giáo, các tín ngưỡng dân gian,... tiếp tục được duy trì trong đời sống văn hoá của cư dân.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

a) Mục tiêu: HS củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Gv giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau

Câu 1. Vào năm 988, một quý tộc người Chăm đã lập ra vương triều nào và chuyển kinh đô về đâu?

A. Vương triều Lâm Ấp, kinh đô ở Trà Kiệu.

B. Vương triều Vi-giay-a, kinh đô ở Vi-giay-a.

C. Vương triều Phù Nam, kinh đô ở Vy-adhapura.

D. Vương triều Chân Lạp, kinh đô ở Ma-hen-dra-pu-ra.

Câu 2. Thời kỳ thịnh đạt nhất của Vương triều Vi-giay-a diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ thế kỷ VII đến thế kỷ IX.

B. Từ năm 988 đến năm 1220.

C. Từ năm 1220 đến năm 1353.

D. Từ năm 1471 đến thế kỷ XVI.

Câu 3. Từ sau thế kỷ X đến đầu thế kỷ XIV, dân cư ở vùng đất Nam Bộ có đặc điểm gì?

A. Dân cư tập trung đông đúc tại các đô thị.

B. Dân cư thưa vắng do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên.

C. Chỉ có lưu dân người Việt sinh sống.

D. Dân cư phát triển mạnh mẽ nhờ thương mại đường biển.

Câu 4. Hoạt động kinh tế nào giữ vai trò chủ yếu của cư dân Chăm-pa từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI?

A. Sản xuất thủ công nghiệp nhà nước.

B. Buôn bán đường bộ qua các nước láng giềng.

C. Sản xuất nông nghiệp.

D. Chăn nuôi gia súc quy mô lớn.

Câu 5. Những loại lâm thổ sản quý nào được cư dân Chăm-pa khai thác để trao đổi và buôn bán?

A. Lúa mì, lúa mạch và các loại đậu.

B. Trầm hương, long não, ngà voi, hồ tiêu.

C. Vải vóc, gốm sứ và tơ lụa.

D. Các loại đá quý và kim loại màu.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây là hoạt động kinh tế chính của cư dân vùng đất Nam Bộ thời kỳ thế kỉ X đến XVI?

A. Buôn bán xuyên quốc gia qua đường biển.

B. Chỉ chuyên làm các nghề thủ công.

C. Canh tác lúa nước kết hợp chăn nuôi và đánh bắt thủy hải sản.

D. Khai thác khoáng sản và luyện kim.

Câu 7. Tôn giáo nào dưới đây có vị trí quan trọng nhất trong đời sống của cư dân Chăm-pa?

A. Đạo Hồi.

B. Hin-đu giáo.

C. Đạo Thiên Chúa.

D. Nho giáo.

Câu 8. Công trình nào dưới đây là loại hình kiến trúc tiêu biểu và nổi tiếng nhất của người Chăm được xây dựng bằng gạch nung?

A. Các nhà sàn gỗ cao tầng.

B. Các đền tháp và phù điêu.

C. Các cung điện bằng đá cẩm thạch.

D. Các thành lũy kiên cố bằng đất sét.

Câu 9. Nhạc cụ nào thường được người Chăm sử dụng trong ca múa nhạc?

- A. Đàn bầu, đàn tranh. B. Trống, kèn Sa-ra-na.
C. Đàn Piano, đàn Guitar. D. Cồng chiêng Tây Nguyên.

Câu 10. Trong đời sống văn hóa, cư dân vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI chịu ảnh hưởng của những dòng văn hóa nào?

- A. Văn hóa phương Tây và Nhật Bản. B. Văn hóa Ả Rập và Ba Tư.
C. Văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ. D. Văn hóa Hy Lạp và La Mã.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của bài tập và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu yêu cầu và làm bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét bài làm của HS, chốt nội dung.
- HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn, đồng thời giúp HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, tranh ảnh, tư liệu lịch sử, các thông tin có liên quan đến bài học, rèn luyện kỹ năng sưu tầm tài liệu, viết tự luận.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân

Nhiệm vụ: sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để viết một đoạn văn giới thiệu về một di tích đền tháp Chăm-pa được xây dựng trong giai đoạn từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI. Theo em cần phải làm gì để bảo vệ và phát huy giá trị của di tích đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của bài tập và làm bài tập.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu yêu cầu và làm bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của học sinh.

Gợi ý trả lời:

1. Gợi ý cấu trúc đoạn văn

+ Phần mở đoạn: Giới thiệu tên di tích đền tháp Chăm-pa, địa điểm và thời gian xây dựng (thuộc giai đoạn từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI).

+ Phần thân đoạn (Phát triển nội dung): HS cần làm nổi bật được các đặc điểm dựa trên tài liệu đã học:

Về vật liệu và kỹ thuật: nhấn mạnh đặc trưng xây bằng gạch nung và trang trí bằng các phù điêu đá.

Về tôn giáo và hình dáng: nêu mục đích thờ tự (thường liên quan đến Hindu giáo) và hình dáng đặc sắc của tháp.

Về giá trị nghệ thuật: Nhắc đến các hoa văn, điêu khắc như hình ảnh vũ nữ, hoa lá hoặc các vị thần.

+ Phần kết đoạn (Cảm nghĩ và trách nhiệm): khẳng định giá trị của di tích và nêu ngắn gọn ý thức bảo vệ.

2. Việc cần làm để bảo vệ và phát huy giá trị di tích

Để những di tích đền tháp ngàn năm tuổi tiếp tục trường tồn, các em học sinh và cộng đồng có thể thực hiện những hành động thiết thực sau:

- Bảo vệ di tích:

+ *Giữ gìn vệ sinh*: không vứt rác bừa bãi khi đến tham quan di tích.

+ *Tôn trọng hiện vật*: tuyệt đối không vẽ bậy, khắc tên lên tường tháp hoặc tự ý di chuyển các hiện vật điêu khắc tại di tích.

+ *Báo cáo vi phạm*: Kịp thời báo với người lớn hoặc cơ quan chức năng khi thấy có hành vi phá hoại, xâm phạm vùng đất thuộc phạm vi di tích.

- Phát huy giá trị di tích

+ *Tìm hiểu và chia sẻ*: tích cực tìm hiểu lịch sử về vương quốc Chăm-pa và chia sẻ những hình ảnh đẹp, thông tin hay về di tích lên mạng xã hội hoặc thông qua các buổi thuyết trình tại lớp.

+ *Trở thành “Đại sứ du lịch”*: khi có bạn bè hoặc người thân đến thăm, các em có thể giới thiệu về kiến trúc gạch nung độc đáo hoặc các nhạc cụ truyền thống như kèn Sa-ra-na thường được diễn tấu tại đây.

+ *Tham gia hoạt động ngoại khóa*: hăng hái tham gia các buổi tham quan thực tế hoặc các cuộc thi vẽ tranh, viết văn về di sản do nhà trường và địa phương tổ chức.

*** Hướng dẫn về nhà**

- HS làm bài tập về nhà bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- HS ôn lại kiến thức đã học bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.
- HS ôn tập và chuẩn bị kiểm tra đánh giá cuối năm.

PL2.1

PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG VIDEO TRONG DẠY HỌC

Kính gửi: Quý Thầy/Cô

Nhằm thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp: “*Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7)*”, tác giả đề tài xin trân trọng gửi tới Quý Thầy/Cô phiếu lấy ý kiến phản hồi về việc xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy.

Ý kiến của Quý Thầy/Cô sẽ là cơ sở quan trọng để chúng tôi triển khai xây dựng hệ thống video và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kho tư liệu dạy học điện tử. Chúng tôi cam kết các thông tin của Quý Thầy/Cô hoàn toàn được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy/Cô!

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:

2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

3. Trình độ: ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau Đại học

4. Đơn vị công tác:

5. Thâm niên giảng dạy:

☐ Dưới 5 năm

☐ 5 – 10 năm

☐ Trên 10 năm

PHẦN B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Thầy/Cô vui lòng lựa chọn mức độ phù hợp nhất với ý kiến của mình cho các nội dung sau:

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

STT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Thầy/cô thường xuyên sử dụng video trong dạy/học môn Lịch sử.					

2	Video giúp học sinh dễ hình dung hơn về các sự kiện, nhân vật lịch sử.					
3	Việc sử dụng video giúp tiết học sinh động, hấp dẫn hơn.					
4	Thầy/cô gặp khó khăn trong việc tìm hoặc tạo video phù hợp nội dung.					
5	Học sinh hứng thú và tích cực tham gia khi có video minh họa.					
6	Video giúp học sinh hiểu sâu hơn về bối cảnh, ý nghĩa sự kiện.					
7	Cơ sở vật chất (thiết bị, Internet...) tại trường đáp ứng tốt việc dạy học bằng video.					
8	Thầy/cô cần được hướng dẫn thêm về cách khai thác video hiệu quả.					

Câu 2. Theo Thầy/cô, video nên được sử dụng trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở các hình thức nào? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Giới thiệu khởi động bài học
- ☐ Minh họa sự kiện, nhân vật lịch sử
- ☐ Tóm tắt nội dung bài học
- ☐ Ôn tập, củng cố kiến thức
- ☐ Hướng dẫn học sinh tự học, làm dự án

Câu 3. Theo Thầy/cô, tiêu chí của một video dạy học môn Lịch sử và Địa lí hiệu quả là gì?

- ☐ Hình ảnh - âm thanh rõ nét, sinh động
- ☐ Thời lượng ngắn gọn, phù hợp
- ☐ Nội dung chính xác, khoa học

- ☐ Có câu hỏi hoặc nhiệm vụ học tập kèm theo
- ☐ Liên hệ được với thực tế, giáo dục tư tưởng – tình cảm
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 4. Trong kế hoạch bài dạy, việc thiết kế hoạt động học tập với video thường chiếm tỷ trọng bao nhiêu trong tổng thời lượng hoạt động hình thành kiến thức?

- ☐ A. Khoảng 10 - 20%
- ☐ B. Khoảng 20 - 40%
- ☐ C. Trên 50%
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 5. Đề xuất của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả xây dựng và sử dụng video là gì?

- ☐ A. Xây dựng ngân hàng video tư liệu chuẩn hóa cho từng bài học.
- ☐ B. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng biên tập video và ứng dụng AI.
- ☐ C. Đầu tư đồng bộ trang thiết bị trình chiếu tại các phòng học.
- ☐ D. Giảm tải nội dung kiến thức để có thêm thời gian thảo luận video.
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 6. Việc xây dựng và khai thác video trong dạy học nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - XVI (Lớp 7) là:

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Bình thường
- ☐ Không cần thiết

Câu 7. Thầy/Cô đã từng tự thiết kế (cắt ghép, lồng tiếng, biên tập) video phục vụ bài học Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - XVI chưa?

- ☐ A. Đã từng và thường xuyên thực hiện.
- ☐ B. Đã từng nhưng rất ít.
- ☐ C. Chưa từng, chủ yếu sử dụng video có sẵn trên mạng (Youtube, truyền hình...).
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 8. Đối với nội dung Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - XVI, loại hình video nào mang lại hiệu quả trực quan nhất?

- ☐ A. Phim tài liệu, tư liệu lịch sử có thực.
- ☐ B. Phim hoạt hình 2D/3D tái hiện trận đánh.
- ☐ C. Video bài giảng số của các chuyên gia/giáo viên khác.
- ☐ D. Video giới thiệu di tích lịch sử, bảo vật quốc gia hiện có.

Câu 9. Thầy/Cô mong muốn mức độ tích hợp công nghệ (AI, thực tế ảo, 3D) vào các video này ở mức nào?

- ☐ Rất cao (Cần mô phỏng 3D sinh động thay thế tranh vẽ tĩnh).
- ☐ Cao (Cần kỹ xảo đồ họa tốt để thu hút học sinh).
- ☐ Trung bình (Chỉ cần video tư liệu truyền thống rõ nét).
- ☐ Không cần thiết (Chủ yếu cần nội dung chính xác).

Câu 10. Đề xuất hoặc góp ý khác của Thầy/cô nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng video trong dạy học Lịch sử và Địa lí nói chung và phần Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - XVI nói riêng?

.....

.....

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA QUÝ THẦY/CÔ!

PL.2.2.

PHIẾU HỎI Ý KIẾN HỌC SINH - LỚP ĐỐI CHỨNG

(Không sử dụng video trong giờ Lịch sử)

Kính gửi: Các em học sinh

Nhằm thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp “*Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7)*”, tác giả đề tài xin trân trọng gửi tới các em phiếu lấy ý kiến phản hồi về việc *sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy*. Các em vui lòng cho biết ý kiến qua các câu hỏi dưới đây bằng cách chọn vào ô trống các em cho là phù hợp hoặc viết tiếp vào chỗ chấm. Ý kiến của các em sẽ giúp chúng tôi có cơ sở để triển khai việc xây dựng *hệ thống video và đề ra các giải pháp nhằm sử dụng video hiệu quả làm giàu thêm kho tư liệu dạy học điện tử cho bộ môn Lịch sử và Địa lí*.

Tác giả đảm bảo các thông tin của các em trong phiếu này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn các em!

A. THÔNG TIN HỌC SINH

1. Họ và tên học sinh:
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Kết quả học tập môn Lịch sử học kỳ I:
☐ Hoàn thành tốt ☐ Hoàn thành ☐ Chưa hoàn thành

B. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VIDEO TRONG DẠY HỌC

Câu 1: Em có hiểu nội dung bài học Lịch sử hôm nay không?

- ☐ Không ☐ Khó hiểu ☐ Bình Thường ☐ Rất hiểu

Câu 2: Qua bài học không có sử dụng video, em có cảm nhận được hết nội dung, sự kiện, nhân vật lịch sử một cách sinh động và dễ hiểu không?

- ☐ Không ☐ Bình thường ☐ Có

Câu 3: Tiết học như thế này có giúp em phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập không?

- ☐ Không ☐ Rất ít ☐ Bình thường ☐ Có

Câu 4: Em có mong muốn các thầy/cô sử dụng các video vào bài học không?

- ☐ Không ☐ Bình thường ☐ Có ☐ Rất mong muốn

Câu 5: Em có thích học những tiết Lịch sử như thế này không? Vì sao?

.....

.....

.....

PL2.3.

PHIẾU HỎI Ý KIẾN HỌC SINH – LỚP HỌC THỰC NGHIỆM (Sử dụng video trong dạy học)

Kính gửi: Các em học sinh

Nhằm thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp “*Xây dựng và sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI (môn Lịch sử và Địa lí lớp 7)*”, tác giả đề tài xin trân trọng gửi tới các em phiếu lấy ý kiến phản hồi về việc *sử dụng video trong thiết kế kế hoạch bài dạy*. Các em vui lòng cho biết ý kiến qua các câu hỏi dưới đây bằng cách chọn vào ô trống các em cho là phù hợp hoặc viết tiếp vào chỗ chấm. Ý kiến của các em sẽ giúp chúng tôi có cơ sở để triển khai việc xây dựng *hệ thống video và đề ra các giải pháp* nhằm sử dụng video hiệu quả làm giàu thêm kho tư liệu dạy học điện tử cho bộ môn Lịch sử và Địa lí.

Tác giả đảm bảo các thông tin của các em trong phiếu này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn các em!

A. THÔNG TIN HỌC SINH

1. Họ và tên học sinh:.....
2. Trường:
3. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
4. Kết quả học tập môn Lịch sử học kỳ I:
☐ Hoàn thành tốt ☐ Hoàn thành ☐ Chưa hoàn thành

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Em có thích học tiết học Lịch sử này không?

- ☐ Có ☐ Không ☐ Bình thường

Câu 2: Trong giờ học, giáo viên có sử dụng video để minh họa bài học không?

- ☐ Thường xuyên ☐ thỉnh thoảng ☐ Không

Câu 3: Khi giáo viên sử dụng video trong giờ học Lịch sử, em cảm thấy thế nào?

- ☐ Hứng thú ☐ Bình thường ☐ Không hứng thú

Câu 4: Em có cảm thấy hiểu bài và nhớ lâu hơn khi được học bằng video không?

- ☐ Có ☐ Không ☐ Bình thường

Câu 5: Theo em, việc sử dụng video giúp bài học Lịch sử trở nên:

☐ Dễ hiểu và sinh động hơn ☐ Khó hiểu ☐ Không khác biệt

Câu 6: Em có muốn được học những tiết Lịch sử có sử dụng video nhiều hơn không?

☐ Có ☐ Không ☐ Không có ý kiến

Câu 7: Em thấy không khí lớp học trong giờ Lịch sử có sử dụng video như thế nào?

☐ Vui tươi, sôi nổi ☐ Bình thường ☐ Trầm, ít sôi động

Câu 8: Sau bài học em thấy mình rèn luyện được những kỹ năng gì?

.....
.....

PL3.1.**DANH MỤC VIDEO VÀ DỰ KIẾN THỜI LƯỢNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

(Nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI)

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
1	Ngô Quyền dựng nền tự chủ	https://www.youtube.com/watch?v=vhk6O-wpE24	10:25 - 13:45	Ngô Quyền xây dựng chính quyền độc lập	Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939-967)	HTKT Ngô Quyền dựng nền độc lập
2	Vua Đinh Tiên Hoàng - Đinh Bộ Lĩnh	https://www.youtube.com/watch?v=7htqP4IgbvU	06:50 - 13: 45	Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân và thành lập nhà Đinh		HTKT Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh
2.1	Vua Đinh Tiên Hoàng - Đinh Bộ Lĩnh	https://www.youtube.com/watch?v=7htqP4IgbvU	13:50 - 17:15	Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, thành lập Đại Cồ Việt và chọn kinh đô	Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê	KĐ/ HTKT Nhà Đinh Thành lập
			17:16 - 24:09	Thiết lập bộ máy chính quyền		HTKT Chính quyền thời Đinh
3	Cố đô Hoa Lư	https://www.youtube.com/watch?v=Qa19LKUtGOI	00:00 -02:05	Ý nghĩa vị trí của kinh đô Hoa Lư		HTKT Chính quyền thời Đinh
4	Vua Lê Hoàn - Lê Đại Hành		07:00 - 10:15	Đinh Bộ Lĩnh bị ám sát, Lê Hoàn phò tá nhà Đinh		KĐ/ HTKT

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
		https://www.youtube.com/watch?v=DhN3SXNSoog	13:40 - 17:00	Âm mưu xâm lược của nhà Tống xâm lược		Cuộc kháng chiến chống Tống (năm 981)
			17:05 - 24:00	Lê Hoàn lên làm vua, thành lập nhà Tiền Lê		
5	Vua Lê Đại Hành và kháng chiến chống Tống - Năm 981	https://www.youtube.com/watch?v=wFG4Db2Ds6k	10:06 – 13:30	Cuộc chiến trên sông Bạch Đằng		
6	Nhà Lý thành lập: Lý Công Uẩn lên ngôi và việc dời đô về Thăng Long	https://www.youtube.com/watch?v=Uc_jThHvYmo	10:23 - 16:07	Lí do chọn Thăng Long làm kinh đô	Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1077)	KĐ/ HTKT Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long
			16:21 - 18:40	Khái quát thành Thăng Long		
7	Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long	https://youtu.be/BUe9JRlsV4w	3 phút 40 giây	Lí do chọn Thăng Long làm kinh đô		KĐ/ HTKT Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long
8	Lần đầu tiên phục dựng cung điện nhà Lý bằng công nghệ 3D	https://www.youtube.com/watch?v=qlHQruVHxwQ	3 phút 15 giây	Phục dựng kiến trúc cung điện thời Lý		HTKT/ VD Nhà Lý thành lập và định đô ở Thăng Long
9	Vua Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn Vua Lý #1 Lịch Sử Việt Nam	https://www.youtube.com/watch?v=iM3Cct53q7U&list=PLQ4Ord	42:52 - 46:17	Tổ chức chính quyền và quản lí thuế		HTKT Tình hình chính trị
			46:19- 50:08	Chính sách của Lý Thái Tổ đối với vùng biên viễn		HTKT

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
10	Vân Đồn – Thương cảng quốc tế đầu tiên của Việt Nam	wi0Zg7Pn448b1rAnA0_NGdzrap2				Chính sách đối nội, đối ngoại
			58:58 - 01:02:21	Phật giáo dưới thời Lý		HTKT Tình hình văn hoá, giáo dục
			3 phút 30 giây	Tình hình trao đổi buôn bán tại cảng Vân Đồn thời Lý		HTKT Tình hình kinh tế, xã hội
11	VR3D Di sản Việt Nam - Chùa Diên Hựu thời Lý	https://www.google.com/search?q=https://www.youtube.com/watch?v=h%3Fv%3DEFb7TmG-D9o	1 phút 50 giây	Kiến trúc độc đáo Chùa Diên Hựu thời Lý		HTKT/VD Tình hình văn hoá giáo dục
12	Thái úy Lý Thường Kiệt kháng chiến chống Tống	https://www.youtube.com/watch?v=K-xBHK8iPH0	00:00 - 03:02	Âm mưu xâm lược của nhà Tống	Bài 12: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077)	HTKT Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075)
			03:03 - 06:40	Đổi sách của nhà Lý		
			06:42 - 23:22	Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy, đánh vào đất Tống		HTKT Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ hai (năm 1077)
			23:25 - 33:29	Quân Tống xâm lược nước ta, nhà Lý chuẩn bị cho cuộc kháng chiến		

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
13	Nhà Trần thành lập	https://youtu.be/hhetbsZ16Rg?si=zCbrI1Er22e2r-bG	3 phút 52 giây	Chiếu truyền ngôi của vua Lý Chiêu Hoàng	Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226-1400)	KĐ/ HTKT Sự thành lập nhà Trần
14	Triều đình thời vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh)	https://youtu.be/ovUVeRaMVIE?si=yf2PiQL4g9uwAtzh	2:00 - 4:00	Tổ chức chính trị		HTKT Tình hình chính trị
			4:00 - 6:00	Kinh tế		HTKT Tình hình kinh tế
			6:00 - 9:30	Quân sự, kháng chiến		HTKT Tình hình chính trị
			11:00 - 12:30	Văn hóa, xã hội (tư tưởng Nho - Phật - Đạo, giáo dục thi cử, đời sống tinh thần)		HTKT Tình hình văn hóa xã hội
15	Hoạt động buôn bán tại Vân Đồn dưới thời Trần	https://youtu.be/GrTB9EiHONG?feature=share	3 phút 28 giây	Hoạt động buôn bán tại Vân Đồn dưới thời Trần		HTKT Tình hình kinh tế
16	Phật hoàng Trần Nhân Tông	https://youtu.be/7Wu5gO19GRI?si=1V1fWxf33m-j3nes	01:32 – 08:15	Tôn giáo dưới thời Trần, thượng hoàng Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm		HTKT/VD Tình hình văn hoá
17	Kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258	https://youtu.be/_CHKhx5yGGY?si=WuFVp qNMLjNLH6QD	5 phút 26 giây	Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258	Bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm	HTKT Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
18	Đại Việt dưới thời vua Trần Nhân Tông (Trần Khâm)	https://youtu.be/Y_5Z0-Kzx-4?si=DZk-aWDL_B64-2Ip	10:10 - 13:36	Hội nghị Bình Than	lược Mông – Nguyên	HTKT Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285
			17:04 - 20:18	Trần Quốc Toản và sự kiện bóp nát quả cam		
			20:18 - 23:43	Trần Quốc Toản và Lá cờ thêu 6 chữ vàng		
19	Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ 2	https://youtu.be/n7tCDObZDCs?si=si9nvccW--1VAX1H	00:00 - 06:43	Trần Quốc Tuấn và hịch tướng sĩ		
			06:44 - 10:08	Hội nghị Diên Hồng		
			10:09 - 13:25	Trần Quốc Tuấn rút quân về Vạn Kiếp		
20	Quân dân nhà Trần chống giặc Nguyên Mông lần thứ 2	https://youtu.be/CtqHS2khUAA?si=5hRNnfYVYC7ZfZBC	00:00 - 03:25	Quân Nguyên vào thành Thăng Long, nhà Trần thực hiện kế thanh dã,		
			10:18 - 13:22	Nhà Trần thực hiện kế hoạch vườn không nhà trống		
21	Kháng chiến chống Quân Nguyên Mông lần thứ 2 thắng lợi	https://youtu.be/e1U7YWSJigY?si=Z6KayNHynSEWJ-CJ	23 phút 24 giây	Kháng chiến thắng lợi		

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
22	Quân Nguyên Mông xâm lược Đại Việt lần thứ 3	https://youtu.be/QAZ2sIBqPV4?si=7_w5VnBtGFVQHmet	00:00 - 03:24	Nhận định của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn về thế giặc		HTKT/LT Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên 1287 – 1288
			03:25 - 06:48	Quân Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ 3		
			06:50 - 10:11	Nghệ thuật dụng binh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn		
			10:12 - 13:26	"Năm nay đánh giặc nhàn"		
23	Cuộc Kháng chiến chống Quân Nguyên Mông lần 3 thắng lợi	https://youtu.be/lLOxZWj57P8?si=jYo8iN-BED8gDWjj	16:50 - 23:53	Cuộc Kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần 3 thắng lợi		
24	Nhà Trần thời vua Trần Thiệu Đế và sự thành lập nhà Hồ.	https://youtu.be/mHdNDHpK_fE?si=B3hqy6AS30SbKp-u	09:30 - 12:40	Sự thành lập của triều Hồ	Bài 15: Nước Đại Ngu thời Hồ (1400-1407)	HTKT/LT Sự thành lập Nhà Hồ
			12:41 - 15:50	Thanh tra quan lại ở địa phương		HTKT Cải cách của Hồ Quý Ly
			15:52 - 19:02	Hồ Hán Thương lên ngôi vua		HTKT Sự thành lập nhà Hồ

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
25	Nhà Hồ chống quân xâm lược nhà Minh	https://youtu.be/HfjSO p0FsUw?si=ZrJY2cfe KC7GNEzd	7:00 – 23:04	Nhà Hồ chống quân xâm lược nhà Minh		HTKT Kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ
26	Về thành Tây Đô khám phá những câu chuyện kỳ bí	https://www.youtube.com/watch?v=80ry4cNfVZ8&t=64s	4 phút 15 giây	Tổng quan về thành nhà Hồ những huyền tích, giá trị di sản		KĐ/HTKT/VD Sự thành lập nhà Hồ
27	Thành nhà Hồ qua miêu tả của người Pháp	https://www.youtube.com/watch?v=uV8CsV kD_Q	4 phút 26 giây	Bối cảnh xây dựng, thành nhà Hồ qua góc nhìn của người Pháp		KĐ/HTKT/VD Sự thành lập nhà Hồ
28	Đất nước dưới sự cai trị của Nhà Minh	https://youtu.be/w_ifb ZF95Mk?si=1VrOgNI rGV0VZi9q	08:25 – 17:54	Đất nước dưới sự cai trị của nhà Minh	Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1527)	HTKT Đất nước dưới sự cai trị của Nhà Minh
29	Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	https://youtu.be/CtWm TBoKZ9U?si=shpJmH UcqRKfQsr8	6 phút 45 giây	Nguyên nhân diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn		HTKT Những năm tháng đầu của cuộc khởi nghĩa
30	Hội thề Lũng Nhai	https://www.youtube.com/watch?v=m6lbyIc bkw	2 phút 09 giây	Hội thề Lũng Nhai thể hiện tinh thần đoàn kết quyết tâm đánh giặc		HTKT Những năm tháng đầu của cuộc khởi nghĩa
31	Lê Lợi và nghĩa quân		00:00 - 04-20	Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa		HTKT

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
	những ngày đầu khởi nghĩa	https://youtu.be/TtyepbT_HUw?si=9BXGDdPGSqPWF56V	04:21 - 07:17 20:35 - 24:00	Sự tích groom thần Lê Lai cứu chúa		Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa
32	Nghĩa quân Lam Sơn đại thắng ở Chi Lăng	https://youtu.be/Z2MUwyHdY4A?si=KMx67Ny8jKStul9d	23 phút 15 giây	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang		HTKT Khởi nghĩa toàn thắng
33	Hội thề Đông Quan - nhà Minh rút quân về nước	https://youtu.be/9BmRDekEgi0?si=i9SzjGksLC-5w6zH	00:00 - 10:30 10:31 - 13:52	Hội thề Đông Quan Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi		
34	Lê lai cứu chúa	https://youtu.be/3nRcH22uzYQ?si=yEhI7nGZl5sro9-A	3 phút 30 giây	Câu chuyện Lê Lai cứu chúa “Mở đường máu” để thoát vòng vây quân địch		KĐ/ HTKT Những năm tháng đầu của cuộc khởi nghĩa
35	Kể chuyện danh nhân: Nguyễn Trãi và Bình Ngô đại cáo	https://youtu.be/9tCFzkGYaEg?si=H00hPm8SR-2mYhU	3 phút 26 giây	Kể chuyện danh nhân: Nguyễn Trãi và Bình Ngô đại cáo		Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa
36	Sự thành lập vương triều Lê sơ	https://youtu.be/cuzZ-ayb85k?si=qiFTiwr62hNYHpoM	4 phút 03 giây	Nhà Lê Sơ thành lập	Bài 17. Đại Việt thời Lê sơ (1428 - 1527)	HTKT Sự thành lập Vương triều Lê Sơ
37	Đất nước dưới thời Vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi)	https://youtu.be/NPTHftQKqp4?si=XgJ-aJiAd2PA6jVC	23 phút 19 giây	Tình hình đất nước thời vua Lê Thái Tổ		HTKT

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
						Tình hình kinh tế xã hội, phát triển văn hoá xã hội
38	Dựng bia đề danh Tiến sĩ thời Vua Lê Thánh Tông	https://vtv.vn/video/khat-vong-non-song-dung-bia-de-danh-tien-si-thoi-vua-le-thanh-tong-343253.htm	3 phút 58 giây	Quá trình dựng bia Tiến sĩ và ý nghĩa của việc dựng bia Tiến sĩ		HTKT Phát triển văn hoá - giáo dục
39	Nghệ thuật múa Chăm pa	https://www.youtube.com/watch?v=G05xdvfeHd4	03:04 – 04:14	Nghệ thuật múa Chăm pa độc đáo	Bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất	KĐ/HTKT Văn hóa nghệ thuật
40	Mỹ Sơn - 20 năm di sản thế giới phần 1 và 2	https://youtu.be/ilHLKSi0zoY?si=Af9kTJi8-CLiGMGR	18 phút 08 18 phút 40	Di tích Mỹ Sơn		HTKT/VD Tình hình văn hoá
41	Đằng sau vẻ đẹp của Thị Nại	https://www.youtube.com/watch?v=mSIy0anIwC0&t=29s	4 phút 11 giây	Tình hình buôn bán, trao đổi tại cảng Thị Nại		HTKT/VD Tình hình kinh tế
42	Tác phẩm Điệu múa "Rước nước" ở thánh địa Mỹ Sơn - Giải Khuyến khích Happy Vietnam	https://www.youtube.com/watch?v=0WkIqf30Ias	3 phút 25	Điệu múa của người Chăm tại thánh địa Mỹ Sơn	Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	HTKT/VD Tình hình văn hoá

STT	Tên video	Nguồn	Thời lượng	Nội dung	Dự kiến bài sử dụng	Dự kiến hoạt động
43	Thánh địa Mỹ Sơn	https://vr360.com.vn/my-son-metaverse		Tham quan thực tế ảo kiến trúc quần thể tháp Chăm		VD

PL3.2**DANH MỤC VIDEO XÂY DỰNG VÀ DỰ KIẾN KHAI THÁC, SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

(Nội dung phần Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI)

STT	Chương/Bài học	Tên video	Nội dung video	Mục đích sử phạm	Dự kiến hoạt động sử dụng
1	Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939-967)	Đối thoại: Đất nước buổi đầu độc lập	Tiến trình lịch sử đất nước thời Ngô – Đinh.	Củng cố, hệ thống hóa kiến thức về tiến trình xây dựng và bảo vệ đất nước thời Ngô – Đinh giúp học sinh khắc sâu các sự kiện, nhân vật và thành tựu tiêu biểu sau bài học.	LT
2	Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009)	Đối thoại: Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền Lê	Giải thích lý do chọn Hoa Lư làm kinh đô, ý nghĩa tên nước, niên hiệu và cuộc kháng chiến chống Tống.	Giúp HS hiểu rõ hơn lí do chọn Hoa Lư là kinh đô, ý nghĩa của việc đặt tên nước, niên hiệu và cuộc kháng chiến chống Tống một cách sinh động	HTKT Công cuộc xây dựng chính quyền và bảo vệ đất nước thời Đinh – Tiền Lê
3	Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1077)	Đồ họa động: Bộ máy chính trị thời Lý	Tóm tắt sự kiện rời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, bộ máy chính quyền dưới thời Lý	Giúp HS khái quát lại sự kiện Lý Thái Tổ khi dời đô về Thăng Long và trực quan hóa quá trình xây dựng, củng cố chính quyền thời Lý.	HTKT Tình hình chính trị
4		Bản tin thời sự: Rời đô về Đại La	Tái hiện không khí náo nức và ý nghĩa của sự kiện Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La.	Tạo hứng thú cho HS về sự kiện Lý Công Uẩn dời đô và nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước	KĐ
5	Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226-1400)	Trailer hào khí “Đông A”	Nhịp điệu nhanh về hình ảnh quân	Tạo những ấn tượng ban đầu và khơi gợi sự tò mò cho HS về triều đại nhà Trần	KĐ
6	Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)	Bài hát AI về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	Bài hát khái quát về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	Kích hoạt hiểu biết sẵn có của học sinh về nhân vật, sự kiện lịch sử; đồng thời tạo	KĐ

				hứng thú và định hướng vào nội dung cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	
7		Nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	Tái hiện sự tàn bạo của quân Minh và cuộc gặp gỡ định mệnh giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi.	Phân tích sâu nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến bùng nổ cuộc khởi nghĩa.	HTKT Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa
8		AI Avatar: Nguyễn Trãi kể chuyện	Nhân vật Nguyễn Trãi dẫn dắt về những năm tháng đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn	Tạo tình huống học tập hấp dẫn thông qua hình thức nhập vai nhân vật lịch sử, khơi gợi hứng thú về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.	KĐ
9		Đối thoại: Chăm-pa và Nam Bộ	HS thảo luận về vẻ đẹp tháp Chăm và sự chuyển mình của vùng đất phía Nam.	Kích thích sự tò mò và mong muốn khám phá về lịch sử, văn hóa vùng đất phía Nam.	KĐ
10	Bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ (X - XVI)	Khái quát: Vương quốc Chăm-pa (X - XVI)	Mình họa sự dịch chuyển kinh đô về Vijaya, hưng thịnh của thương cảng và nghệ thuật kiến trúc tháp.	Cung cấp góc nhìn toàn cảnh về sự thay đổi địa chính trị và thành tựu văn hóa rực rỡ của Chăm-pa.	HTKT Vương quốc Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến thế kỉ XVI
11		Video sơ đồ hóa vùng đất Nam Bộ thế kỉ X-XVI	Dễn biến chính trị và văn hóa của Nam Bộ	Hệ thống hóa kiến thức về biến biến lịch sử và đặc điểm văn hóa của Nam Bộ, giúp học sinh khái quát nội dung bài học và ghi nhớ kiến thức trọng tâm.	LT

PL4.1

KỊCH BẢN VIDEO ĐỐI THOẠI: ĐẤT NƯỚC BUỔI ĐẦU ĐỘC

Sử dụng trong bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939-967)

- *Nhân vật*: Học sinh nam và nữ
- *Thời lượng*: 1,5 - 2 phút.
- *Bối cảnh*: Cổng của cố đô Hoa Lư

Nhân vật nam: Loa loa loa loa! Tin vui từ sông Bạch Đằng! Quân Nam Hán đã chạy sạch, đất nước ta đã tự do rồi!

Nhân vật nữ: Bông nhập vai nhanh quá nhỉ! Đúng là sau năm 938, cụ Ngô Quyền đã mở ra một kỷ nguyên mới. Không còn là “quận huyện” của phương Bắc nữa, mà là một quốc gia độc lập.

Nhân vật nam: Tuyệt vời thật! Nhưng mà Lan ơi, sau khi đánh giặc xong, cụ Ngô Quyền làm gì tiếp theo? Cứ thế là sống yên ổn mãi mãi à?

30s - 60s: Công cuộc xây dựng của nhà Ngô

Nhân vật nữ: Đâu có dễ thế! Xây nước khó hơn giữ nước nhiều. Ngô Quyền lên ngôi vua, chọn Cổ Loa làm kinh đô và thiết lập một bộ máy chính quyền riêng.

Nhân vật nam: Thế nhưng tớ nghe nói sau khi vua Ngô Quyền mất, tình hình bắt đầu “căng” lắm đúng không? Tớ đọc thấy chữ gì mà... “loạn” ấy nhỉ?

Nhân vật nữ: Đúng rồi, đó là “Loạn 12 sứ quân”. Đất nước bị chia xẻ thành 12 vùng, ai cũng muốn làm vua, đánh nhau chí tử. Dân mình vừa thoát giặc ngoài lại khổ vì nội chiến.

Nhân vật nam: Ôi không! Thế ai là người “đẹp loạn” để chúng mình có hòa bình đây?

Nhân vật nữ: Bông nhìn cái này đi! Một cậu bé chăn trâu ở Hoa Lư, lấy bông lau làm cờ, luyện tập quân đội từ thuở nhỏ...

Nhân vật nam: (Reo lên) À! Là Đinh Bộ Lĩnh! Người đã dùng mưu lược và uy tín để quy phục cả 12 sứ quân, thống nhất đất nước!

Nhân vật nam: Chính xác! Ông ấy lên ngôi, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Một trang sử mới rực rỡ bắt đầu với triều đại nhà Đinh và sau đó là nhà Tiền Lê.

PL4.2

KỊCH BẢN VIDEO ĐỐI THOẠI: ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐÌNH - TIỀN LÊ

Sử dụng trong bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009)

- *Nhân vật:* 2 Học sinh
- *Thời lượng:* 1,5 - 2 phút.
- *Bối cảnh:* Trong lớp học

Lan: Nam ơi, tại sao Đinh Bộ Lĩnh không đóng đô ở Cổ Loa như Ngô Quyền mà lại chọn Hoa Lư nhỉ? Tớ thấy ở đây toàn núi là núi thôi!

Nam: Đó chính là ý đồ chiến thuật đấy! Hoa Lư là một “kinh đô đá”. Những ngọn núi đá vôi cao vút tạo thành bức tường thành tự nhiên vững chắc để phòng thủ.

Lan: À, ra là thế! Và ông ấy cũng đặt tên nước là Đại Cồ Việt nữa. Nghĩa là “Nước Việt lớn” đúng không?

Nam: Đúng rồi! Không chỉ đặt tên nước, vua Đinh Tiên Hoàng còn đặt niên hiệu riêng là Thái Bình, cho đúc đồng tiền riêng. Đó là cách khẳng định: Chúng ta là một quốc gia độc lập, ngang hàng với các hoàng đế phương Bắc!

Lan: Nhưng tớ nhớ sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, quân Tống lại kéo sang xâm lược đúng không? Lúc đó vua mới còn quá nhỏ...

Nam: Một tình thế vô cùng khó khăn! Nhưng chính lúc đó, một vị tướng tài ba đã được mời lên ngôi vua để lãnh đạo cuộc chiến. Bông nhớ là ai không?

Lan: Tớ nhớ rồi! Là Thập đạo tướng quân Lê Hoàn! Bà thái hậu Dương Vân Nga đã trao áo long bào cho ông ấy để ông lên làm vua, lập ra nhà Tiền Lê.

Nam: Chính xác! Trên sông Bạch Đằng và ải Chi Lăng, quân dân nhà Tiền Lê đã đánh cho quân Tống tan tác, bảo vệ vững chắc nền độc lập.

Lan: Đánh giặc giỏi rồi, thế còn lúc hòa bình thì sao? Các vua thời này có thân thiện với dân không?

Nam: (Hào hứng) Có chứ! Bông có biết lễ hội Tịch điền không? Đích thân vua Lê Hoàn đã xuống ruộng đi cày để khuyến khích dân chúng sản xuất đấy.

Lan: Vua mà cũng đi cày á? Thú vị thật! Chắc hẳn thời đó nông nghiệp và thương nghiệp phát triển lắm.

Nam: Đúng vậy, thời kỳ này đã đặt những viên gạch đầu tiên vững chắc cho nền kinh tế và văn hóa tự chủ của chúng ta.

Lan: Tớ nóng lòng muốn biết cụ thể quân đội thời đó được tổ chức ra sao và cuộc sống của người dân ở Hoa Lư như thế nào rồi.

Nam: Vậy thì hãy cùng khám phá chi tiết nội dung Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê ngay bây giờ thôi!

PL4.3.

KỊCH BẢN VIDEO ĐỒ HOẠ ĐỘNG: BỘ MÁY CHÍNH TRỊ THỜI LÝ **Sử dụng trong bài 11: Nhà lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 - 1077)**

Thời lượng dự kiến: 01:10

Nhân vật chính: Cô gái nhỏ (người dẫn chuyện)

Phần 1: quyết định dời đô lịch sử

00:00 - 00:05: Hình ảnh cô gái đi bộ từ phải sang trái trên nền xanh nhạt.

Lời thoại: “Chào các bạn! Nếu phải chọn ra một sự kiện mang tính bước ngoặt nhất thế kỷ 11, mình sẽ không ngần ngại gọi tên quyết định dời đô năm 1010 của vua Lý Công Uẩn.”

00:15 - 00:28: Cô gái tỏ vẻ suy nghĩ. Bên cạnh xuất hiện hình ảnh núi Hoa Lư và sau đó là Hoàng thành Thăng Long kèm hình ảnh minh họa thế đất “*Rồng cuộn hổ ngồi*”.

Lời thoại: “Tại sao không tiếp tục ở lại vùng núi Hoa Lư cho an toàn? Đó là bởi nhà Lý đã có một tầm nhìn xa hơn. Thăng Long với địa thế ‘Rồng cuộn hổ ngồi’ mới chính là nơi hội tụ dân cư và thúc đẩy quốc gia vươn mình mạnh mẽ.”

00:28 - 00:34: Hình ảnh bến thuyền tấp nập. Cô gái hào hứng nhảy múa. Dòng chữ chạy trên màn hình: “*Đây không chỉ là việc chuyển địa điểm, mà còn là lời tuyên bố đánh thép rằng Đại Việt đã sẵn sàng.*”

Lời thoại: “Đây không chỉ là việc chuyển địa điểm, mà còn là lời tuyên bố đánh thép rằng Đại Việt đã sẵn sàng!”

Phần 2: chế độ quân chủ tập quyền

00:34 - 00:44: Cô gái chạy tung tăng, sau đó dừng lại khi xuất hiện sơ đồ: “*Chế độ quân chủ tập quyền*”.

Lời thoại: “Để vận hành một kinh đô mới và một đất nước đang trên đà phát triển, nhà Lý đã thiết lập một bộ máy quản trị cực kỳ logic mà chúng ta gọi là chế độ quân chủ tập quyền.”

00:44 - 00:52: Hình ảnh đôi bàn tay nâng vương miện và chữ “*Quyền lực*”. Tiếp theo là hình ảnh Quan văn và Quan võ.

Lời thoại: “Mọi quyền lực cao nhất đều tập trung vào tay vua. Giúp việc cho vua là dàn cộng sự gồm các Quan văn, Quan võ tại Trung ương.”

00:52 - 01:00: Xuất hiện sơ đồ chi tiết bộ máy nhà nước:

Lời thoại: “Còn ở địa phương, cả nước được chia thành 24 Lộ, Phủ, giúp các mệnh lệnh từ kinh thành được thực thi nhanh chóng đến tận Huyện, Xã.”

01:00 - 01:10: Hình ảnh một vị quan và cô gái

Lời thoại: “Đặc biệt, để đảm bảo sự ổn định tuyệt đối, các vị trí chủ chốt thường được tin tưởng giao cho những người trong hoàng tộc đảm nhiệm.”

PL4.4.

KỊCH BẢN VIDEO BẢN TIN THỜI SỰ RỜI ĐÔ VỀ ĐẠI LA

Sử dụng trong bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1077)

- *Nhân vật:* MC (Trường quay), Phóng viên (Hiện trường), Người dân (Hiện trường).

- *Bối cảnh:* Trường quay, bến sông Hồng

Phần 1: Tại trường quay

MC: Chào buổi sáng quý vị khán giả. Bản tin đặc biệt của chúng tôi hôm nay sẽ truyền hình trực tiếp một sự kiện chưa từng có trong lịch sử: Cuộc dời đô quy mô lớn của Vua Lý Thái Tổ. Ngay lúc này, đoàn thuyền rồng của nhà Vua đang tiến vào địa phận thành Đại La. Chúng ta cùng kết nối với phóng viên tại hiện trường.

Phần 2: Tại bến sông Hồng

Phóng viên: Xin chào MC, tôi đang có mặt tại bến sông Hồng. Không khí tại đây đang nóng hơn bao giờ hết! Sau hành trình dài từ kinh đô Hoa Lư, đoàn thuyền rồng dẫn đầu bởi đức vua Lý Thái Tổ đang dần cập bến. Quý vị có thể thấy, hàng nghìn người dân đã đứng dọc hai bên bờ sông để chào đón. Theo Chiếu dời đô vừa được công bố, đây là vùng đất “rồng cuộn hổ ngồi”, nơi trung tâm của trời đất, hứa hẹn một kỷ nguyên phát triển rực rỡ cho nước Đại Việt chúng ta.

Phần 3: Phỏng vấn nhanh

Phóng viên: Thưa bác, bác cảm thấy thế nào về quyết định dời đô của nhà Vua?

Người dân (AI): Phấn khởi lắm nhà báo ơi! Về đây đất rộng, bằng phẳng, dân mình dễ làm ăn, buôn bán. Tôi tin chắc rằng đời sống con cháu sau này sẽ sung túc, hiển vinh hơn nhiều!

PL4.5

KỊCH BẢN VIDEO TRAILER “HÀO KHÍ ĐÔNG A”

Sử dụng trong bài 13: Đại Việt thời Trần (1226-1400)

Chủ đề: Tinh thần đoàn kết và ý chí chống giặc ngoại xâm của quân dân nhà Trần.

Âm nhạc: Tiếng trống trận dồn dập, âm hưởng sử thi, hào hùng.

Nội dung chi tiết

00:00 - 00:02: Màn hình đen, chữ TRAILER đỏ rực hiện lên với hiệu ứng nhiễu

00:02 - 00:06: Cận cảnh gót ngựa dấn trên vũng bùn lầy, đội quân Mông - Nguyên hung mãnh

00:06 - 00:08: Chuyển cảnh vào cung điện: Hàng ngàn cánh tay giơ cao, đồng lòng vị vua đang ngự trên ngai vàng

00:11 - 00:13: Cận cảnh cánh tay vạm vỡ cầm chặt thanh gươm, trên bắp tay xăm hai chữ “SÁT THÁT”. Phía sau là chiến thuyền rực lửa.

00:13 - 00:16: Đại cảnh trận thủy chiến, khói lửa ngợp trời, tàu thuyền giặc tan tác trên sông.

00:16 - 00:18: Hình ảnh thanh kiếm cắm xuống đất, một con rồng vàng uốn lượn quanh chuôi kiếm dưới ánh hoàng hôn rực rỡ. Biểu tượng của sự bất khuất.

00:18 - 00:21: Hình ảnh lặp lại nhanh của giây thứ 2 đến giây thứ 6

00:22 - 00:27: Màn hình hiện dòng chữ lớn: HÀO KHÍ ĐÔNG A. Phía dưới là câu hỏi dẫn dắt: “*Bí quyết nào giúp một quốc gia nhỏ bé tạo nên hào khí Đông A?*”

PL4.6

KỊCH BẢN VIDEO BÀI HÁT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (DO AI SÁNG TÁC)

Sử dụng trong bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)

Thời lượng: 01:56

Phong cách hình ảnh: Chuyển từ hoạt họa màu sang phong cách tranh thủy mặc, bán sử thi đen trắng.

Nội dung chi tiết theo

00:00 - 00:05: Hình ảnh chiếc nón lá đặt giữa hai khóm tre trên nền đen. Xuất hiện dòng chữ lưu ý: “Video trên được xây dựng bằng AI - Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa”.

00:05 - 00:11: Cảnh thiên nhiên núi non hùng vĩ, mây mù bao phủ, có dòng sông xanh biếc chảy uốn lượn qua các khe núi.

00:11 - 00:17: Khung cảnh làng quê thanh bình với một người nông dân mặc áo nâu đang cúi khom lưng cấy lúa bên bờ ruộng, cạnh đó có một con trâu đang lội dưới dòng nước nhỏ. Trên trời có vài cánh chim bay qua.

00:17 - 00:23: Góc nhìn từ trên cao xuống một vùng nông thôn trù phú với các ngôi nhà mái ngói cổ kính, xung quanh là ruộng đồng lúa xanh ngắt, ao hồ và những con sông nhỏ bao quanh xóm làng. Người dân đi lại yên bình trên đường làng.

00:23 - 00:25: Toàn cảnh một ngôi làng lớn hơn với các nếp nhà san sát nằm ven sông, có thuyền bè xuôi ngược.

00:25 - 00:29: Giặc ngoại xâm tràn đến. Ngôi làng bốc cháy dữ dội với khói đen ngùn ngụt. Quân giặc mặc giáp che kín đầu, cầm giáo mác và cờ trận kéo vào xâm lược. Chúng đốt phá các ngôi nhà cổ, khói lửa ngập trời.

00:29 - 00:35: (*Chuyển sang phong cách tranh đen trắng*) Cảnh xóm làng điêu tàn, xơ xác. Các mái nhà tranh bị đốt cháy, lửa đỏ rực rỡ bốc lên tương phản trên nền tranh đen trắng. Một người đàn ông đội nón lá bước đi bất lực trước cảnh quê hương bị tàn phá.

00:35 - 00:39: Người đàn ông đội nón lá đeo túi vải một mình bước đi cô độc trên con đường mòn uốn lượn qua những dãy núi mờ sương. Hình bóng mờ dần vào màn đêm.

00:39 - 00:45: Trong rừng sâu, một nhóm nghĩa quân đội nón lá, mặc áo bà ba đang tập hợp.

00:45 - 00:50: Quân giặc cầm giáo tấn công vào một ngôi làng khác. Người dân gồm người già, phụ nữ và trẻ em hét hoảng khóc lóc, dắt díu nhau chạy trốn trước lưỡi giáo của kẻ thù. Cận cảnh gương mặt một người lính giặc hung hãn và một người phụ nữ lộ rõ vẻ sợ hãi tội đồ.

00:50 - 00:53: Cận cảnh đôi mắt của một nhân vật đầy căm hờn.

00:53 - 01:00: hình ảnh tinh hoa của đất trời hội tụ.

01:00 - 01:05: Người dân hốt hoảng tháo chạy trên đường làng. Bất ngờ, một vệt lửa/sao băng màu đen đuôi sáng rực từ trên trời lao thẳng xuống đất khiến quân giặc ngược nhìn kinh ngạc.

01:05 - 01:10: Cận cảnh lồng ngực của một tráng sĩ giấu mặt rực cháy lên một ngọn lửa đỏ (biểu tượng cho ý chí phát khởi). Tráng sĩ siết chặt nắm tay đầy quyết tâm.

01:10 - 01:15: Người truyền lệnh mở cuộn chiếu thư ra đọc với gương mặt cương nghị. Sau đó chiếu thư được loan khắp muôn phương.

01:15 - 01:21: Nghĩa sĩ xếp thành hàng dưới chân núi. Tất cả đồng loạt giơ cao nắm tay lên trời biểu thị sự đồng lòng, quyết tâm đứng lên.

01:21 - 01:26: Sự tích trả gươm. Một vị chủ tướng (Lê Lợi) đứng bên bờ hồ nhìn ra mặt nước. Một con Rùa Vàng khổng lồ nhô lên từ dòng nước, trên lưng rùa xuất hiện một thanh kiếm rực sáng. Vị chủ tướng nhận lấy thanh kiếm, giơ cao trước mặt, cận cảnh bàn tay nắm chặt chuôi kiếm có khắc hoa văn cổ.

01:26 - 01:30: Nghĩa quân rầm rộ tiến quân ra trận.

01:30 - 01:33: Hàng loạt binh sĩ đồng lòng giơ tay hô vang quyết chiến. Khung cảnh bùng sáng lên một màu vàng cam như ngọn lửa thiêng bùng cháy.

01:33 - 01:37: Hai người lính giáp trụ đứng trang nghiêm, ở giữa là thanh thần kiếm được tuốt vỏ, giơ cao lên trời rực sáng.

01:37 - 01:43: Cảnh chiến đấu giáp lá cà ác liệt: Các chiến sĩ dùng giáo đầu vũ khí với quân giặc. Cận cảnh gương mặt hét vang trận mạc của binh sĩ và cảnh đao kiếm va chạm.

01:43 - 01:50: Đại quân cưỡi ngựa và đi bộ hành quân vượt qua những dãy núi mờ sương. Thấp thoáng trên bầu trời cao là một con Rồng lớn màu trắng uốn lượn bay lượn theo như sự bảo hộ.

01:50 - 01:56: Cận cảnh một con Rồng quyền uy hiển linh giữa trời mây, rồng há miệng gầm vang dũng mãnh để kết thúc video. Màn hình tối dần.

PL4.7

KỊCH BẢN VIDEO AI NGUYÊN NHÂN CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN

Sử dụng trong bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1527)

- Thời lượng dự kiến: 3 - 4 phút

- Hình ảnh: Bản đồ Đại Việt bị nhuộm đỏ

Lời bình: “Đầu thế kỷ 15, sau thất bại của nhà Hồ, đất nước Đại Việt chìm trong đêm tối. Một triều đại ngoại bang đã xâm chiếm và cai trị tàn bạo, đẩy nhân dân vào cảnh lầm than”.

Cảnh 1: sự tàn bạo của giặc (nguyên nhân khách quan) (0:15 - 1:15)

- Bối cảnh: Việt Nam xưa, nhà cửa xiêu vẹo, tiêu điều. Cảnh tượng quân Minh đang cướp bóc, đánh đập người dân.

- Nhân vật:

Tướng Minh: “Lũ dân đen kia! Thuê năm nay còn thiếu một nửa. Không có vàng bạc, không có ngọc trai, đồi mồi, chim trả,... thì đừng trách thanh gươm của ta không nể tình!”

Lão nông: “Lạy quan lớn! Nhà tôi không còn hạt gạo nào cả. Bà lão đã không được ăn ba ngày rồi...”

Tướng Minh: “Đói à? Đói thì lên rừng mà tìm tề giặc, xuống biển mà mò châu báu về đây cống nạp!”

Lời bình “Chính sách cai trị hà khắc và sự bóc lột đến tận cùng của nhà Minh đã đẩy nhân dân Đại Việt vào con đường cùng. Mâu thuẫn dân tộc không thể điều hòa được nữa.”

Cảnh 2: tư tưởng lớn gặp nhau (nguyên nhân chủ quan) (1:15 - 2:30)

- Bối cảnh: Tại Lam Sơn. Ánh đèn dầu le lói, không gian trang nghiêm.

- Nhân vật:

Lê Lợi: “Tiên sinh xem, ngoài kia máu dân ta đang chảy thành sông. Lòng tôi như lửa đốt, chẳng lẽ cứ đứng nhìn giang sơn này tàn lụi sao?”

Nguyễn Trãi “Thưa chủ tướng! Giặc tàn bạo nhưng lòng dân ta chưa bao giờ nguội lạnh. Nay Chúa công là người có uy tín khi phát cờ khởi nghĩa, nhân dân nhất định sẽ đồng lòng.”

Lê Lợi: “Tôi đã âm thầm tích trữ lương thảo, chiêu mộ hào kiệt bấy lâu nay. Chỉ đợi một ngày tụ nghĩa, quét sạch bóng quân thù!”

Nguyễn Trãi: “Đúng thế! Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo. Đó mới là kế sâu rễ bền gốc.”

Lời bình: “Lòng yêu nước nồng nàn, sự chuẩn bị chu đáo và vai trò lãnh đạo kiệt xuất của Lê Lợi chính là những nhân tố quyết định thấp lên ngọn lửa Lam Sơn.”

Cảnh 3: hội thề lũng nhai (sức mạnh đoàn kết) (2:30 - 3:30)

- Bối cảnh: Núi Chí Linh và các dãy núi phía sau tạo khung cảnh hùng vĩ, đêm tối. Một đồng lửa lớn cháy bập bùng ở giữa và các tướng sĩ ở xung quanh.

- Hình ảnh: Toàn cảnh 18 anh em hào kiệt đứng vòng quanh đồng lửa. Trang phục chiến binh Việt Nam thời phong kiến, vẻ mặt cương nghị.

Tổng kết & kêu gọi (3:30 - 4:00)

Lời bình “Như vậy, khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra không chỉ bởi sự tàn bạo của quân thù mà còn là ý chí bất khuất, tinh thần đoàn kết và tài năng lãnh đạo của cha ông ta. Một chương mới hào hùng của lịch sử dân tộc bắt đầu từ đây.”

PL4.8

KỊCH BẢN VIDEO AI AVATAR: NGUYỄN TRÃI KỂ CHUYỆN SỬ DỤNG TRONG BÀI 16: KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418-1427)

Thời lượng: 00:41

Nhân vật: Nguyễn Trãi

Bối cảnh: Căn phòng truyền thống với bình gốm và tranh thủy mặc.

Nội dung chi tiết

00:00 - 00:09: chuyển từ hình ảnh bức chân dung cổ của Nguyễn Trãi sang hình AI phục dựng theo phong cách người thật.

00:09 - 00:13: Nhân vật giơ tay chào, khung cảnh xung quanh là một gian phòng truyền thống với bình gốm và tranh thủy mặc.

Lời thoại: "Ta là Nguyễn Trãi, người đã cùng Bình Định Vương Lê Lợi viết nên thiên cổ hùng văn Bình Ngô Đại Cáo. Rất vui được gặp các con trong tiết học hôm nay."

00:13 - 00:22: Nhân vật cầm gậy, ánh mắt biểu cảm sâu sắc, nhớ về quá khứ. Có hiệu ứng khói bay nhẹ xung quanh.

Lời thoại: "Các con có biết, để có được ngày toàn thắng, ta và Bình Định vương Lê Lợi cùng các nghĩa sĩ đã phải trải qua những ngày nếm mật nằm gai tại núi rừng Chí Linh."

00:22 - 00:30: Cận cảnh gương mặt nhân vật thể hiện sự đau buồn khi nhắc về những khó khăn ở vùng núi rừng Chí Linh.

Lời thoại: "Nơi ấy quân nhu cạn kiệt, có lúc không còn một hạt gạo. Ta và các chiến sĩ đã phải ăn củ sắn, rau rừng để nuôi chí lớn."

00:30 - 00:41: Nhân vật hướng về phía người xem với ánh mắt khích lệ.

Lời thoại: "Giữa cái đói, cái rét và vòng vây quân thù, các con có tò mò điều gì đã giúp nghĩa quân Lam Sơn giữ vững ý chí để giành lại độc lập cho dân tộc không? Để trả lời, chúng ta hãy tìm hiểu trong bài học hôm nay nhé."

PL4.9

KỊCH BẢN VIDEO ĐỐI THOẠI CHĂM-PA VÀ NAM BỘ

Sử dụng trong bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

- *Bối cảnh*: trong lớp học

- *Lời thoại*:

Lan: Nam ơi, cậu có thấy ngôi tháp này đẹp không? Tớ ước một lần được đến tận nơi để chạm vào những viên gạch đỏ này.

Nam: Đẹp thật, nhưng tớ thắc mắc là ai đã xây chúng từ khi nào nhỉ?

Lan: Đây là tháp của người Chăm cổ đây Nam ạ. Họ đã xây dựng những kiệt tác bằng gạch nung này từ hàng nghìn năm trước để thờ thần linh, thể hiện một nền văn minh vô cùng rực rỡ.

Lan: Cậu biết không, từ thế kỷ mười đến thế kỷ mười sáu là giai đoạn cực kỳ quan trọng đấy. Lúc này vương quốc Chăm-pa có nhiều biến động lắm, và vùng đất Nam Bộ phía dưới cũng bắt đầu những bước chuyển mình lịch sử.

Nam: Thế kỷ mười đến mười sáu à? Tớ cứ thắc mắc mãi, không biết cuộc sống của người dân ở Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ lúc đó có gì giống và khác nhau nhỉ? Họ đã làm gì để phát triển kinh tế và văn hóa rực rỡ như thế?

Lan: Câu hỏi hay lắm! Đó chính là lý do chúng mình cần khám phá Bài 18 này. Từ những ngôi tháp cổ cho đến vùng đất phù sa Nam Bộ, tất cả sẽ giải đáp cho cậu về sự hình thành và phát triển của vùng đất phía Nam chúng ta ngày nay đấy!

Chuyển cảnh: Góc quay trung bình hai học sinh trong lớp học 3D. Lan cười tươi khích lệ, Nam gật đầu tán thành đầy hứng khởi, video chuyển về cảnh vùng đất Nam Bộ kèm nhạc.

PL4.10

KỊCH BẢN VIDEO KHÁI QUÁT: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (X - XVI)

Sử dụng trong bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Phân đoạn 1: Sự chuyển dịch trung tâm chính trị (Vijaya)

- Hình ảnh: Bản đồ chuyển động minh họa mũi tên di chuyển từ kinh đô Indrapura (Quảng Nam) về Vijaya (Bình Định). Hình ảnh từ trên cao của Thành Đồ Bàn.

Lời thuyết minh: “Từ thế kỉ X, vương quốc Chăm-pa bước vào giai đoạn biến động. Do sức ép từ các cuộc xung đột và nhu cầu tìm kiếm vùng đất mới an toàn, ổn định hơn, trung tâm chính trị đã dịch chuyển dần về phía Nam. Đến năm 1000, Vijaya (thuộc Bình Định ngày nay) chính thức trở thành kinh đô, mở đầu cho thời kỳ hưng thịnh của vương quốc tại vùng đất mới.”

Phân đoạn 2: Sự hưng thịnh của các thương cảng miền Trung

- Hình ảnh tranh vẽ mô phỏng cảnh thuyền buôn nước ngoài cập bến. Hình ảnh hiện vật gốm sứ cổ, các đồng tiền giao thương được tìm thấy.

Lời thuyết minh: “Sở hữu dải duyên hải dài với nhiều vịnh kín gió, kinh tế Chăm-pa thời kỳ này gắn liền với biển. Các thương cảng miền Trung như Thị Nại trở thành điểm dừng chân quan trọng trên con đường tơ lụa trên biển. Tại đây, lâm thổ sản quý và đồ gốm Chăm-pa được trao đổi nhộn nhịp với các thương nhân từ Trung Hoa, Ấn Độ và khu vực Ả Rập.”

Phân đoạn 3: Thành tựu văn hóa và nghệ thuật kiến trúc

- Hình ảnh cận cảnh các cụm tháp tại Bình Định: tháp Cánh Tiên, tháp Bánh Ít, Tháp Đôi. Video tư liệu về các phù điêu vũ nữ Apsara đang múa.

Lời thuyết minh: “Về văn hóa, thời kỳ Vijaya để lại dấu ấn đậm nét qua những cụm tháp gạch đồ sộ và uy nghi. Kiến trúc tháp Chăm giai đoạn này đạt đến độ tinh xảo với các tầng mái vút cao, hoa văn trang trí bằng đá sa thạch. Đây không chỉ là nơi thờ phụng các vị thần mà còn là biểu tượng cho quyền uy và sự sáng tạo không ngừng của cư dân Chăm-pa.”

Phân đoạn 4: chuyển cảnh điệu múa apsara

Video điệu múa apsara

PL4.11

KỊCH BẢN VIDEO: VÙNG ĐẤT NAM BỘ THẾ KỈ X – XVI

Sử dụng trong bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Hình ảnh: Bức tranh cổ phong cảnh sông nước Nam Bộ với thuyền bè qua lại, nhà lá ven bờ. Xuất hiện khung chữ tiêu đề: “*Vùng đất Nam Bộ thế kỉ X-XVI*”. Sau đó chuyển sang nền màu kem với biểu tượng vương miện màu vàng và chữ “*Phù Nam*”.

Lời thoại: Đầu thế kỷ VII, Vương quốc Phù Nam sụp đổ, vùng đất Nam Bộ được quản lý bởi Chân Lạp.

Hình ảnh: Vương niệm tượng trưng cho quyền quản lí chuyển từ Phù Nam sang Chân Lạp.

Lời thoại: Đầu thế kỷ VII, Vương quốc Phù Nam sụp đổ, vùng đất Nam Bộ được quản lý bởi Chân Lạp.

Hình ảnh: đồ họa triều đình Chân Lạp bắt lực trong kiểm soát.

Lời thoại: Tuy nhiên, triều đình quản lý gặp nhiều khó khăn nên không thể quản lý được vùng đất này.

Hình ảnh: Một dấu gạch chéo đỏ lớn đè lên toàn bộ sơ đồ cai trị trước đó. Sau đó màn hình xuất hiện lại hai cặp đôi đại diện cho.

Lời thoại: Việc cai trị vùng đất Nam Bộ phải giao cho những người thuộc dòng dõi vua Phù Nam.

Hình ảnh: Ba bức tranh nhỏ minh họa cho ba nguyên nhân: *Cuộc tấn công* (chiến tranh), *Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, khó sản xuất nông nghiệp* (đất đai nứt nẻ, mặt trời gay gắt), và *Dân cư thưa thớt* (vài ngôi nhà lưa thưa).

Lời thoại: Cuối thế kỷ XIV, Chân Lạp phải đối phó với quân Xiêm nên càng không có khả năng kiểm soát trực tiếp vùng đất Nam Bộ. Cũng từ sau thế kỷ X, do chịu ảnh hưởng nặng nề bởi điều kiện tự nhiên. Một phần đất nhiễm mặn làm cho việc sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn dẫn đến dân cư ở đây thưa thớt

Hình ảnh: Hình ảnh hai người nông dân (nam và nữ) đi vào từ bên trái màn hình, mặc áo bà ba, đi chân đất, đội nón lá, người nam vác cuốc, người nữ bưng rổ.

Lời thoại: Phải đến vài thế kỷ sau mới có người Việt đến khai hoang lập ra những làng người Việt.

Hình ảnh: Xuất hiện thêm các biểu tượng xung quanh hai người nông dân.

Lời thoại: Thời kỳ này dân cư chủ yếu ở vùng đất cao phía Tây tạo thành những xóm làng. Kinh tế chính là nông nghiệp lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt thủy, hải sản. Bên cạnh đó họ làm những nghề thủ công và buôn bán. Người dân giữ những nét truyền thống văn hóa từ thời Phù Nam, đồng thời dần tiếp xúc với văn hóa Trung Quốc, Hindu giáo, Phật giáo, các tín ngưỡng dân gian được lưu truyền

PL5.

**KIỂM TRA MỨC ĐỘ NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH SAU TIẾT HỌC
BÀI 16: KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418-1427)**

Họ và tên:.....

Lớp:.....Trường:.....

Câu 1: Ai là người đứng lên phát cờ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

- A. Nguyễn Trãi B. Lê Lợi C. Lê Lai D. Đinh Lễ

Câu 2: Năm 1418, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ tại căn cứ thuộc địa phương nào ngày nay?

- A. Nghệ An B. Thanh Hóa C. Hà Nội D. Ninh Bình

Câu 3: Tập "Bình Ngô sách" do ai soạn thảo và dâng lên cho Lê Lợi?

- A. Nguyễn Trãi B. Nguyễn Chích
C. Trần Nguyên Hãn D. Lưu Nhân Chú

Câu 4: Trong giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa, ai là người đã hy sinh thân mình, cải trang thành chủ tướng để cứu Lê Lợi thoát khỏi vòng vây của quân Minh?

- A. Lê Khôi B. Lê Lai C. Lê Thạch D. Lê Ngân

Câu 5: Trận đánh nào sau đây đã tiêu diệt hoàn toàn viện binh của giặc, buộc quân Minh phải xin hòa và rút về nước?

- A. Trận Tốt Động – Chúc Động
B. Trận Chi Lăng – Xương Giang
C. Trận vây hãm thành Đông Quan
D. Trận giải phóng Nghệ An

Câu 6: Hội thề Lũng Nhai (năm 1416) có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với cuộc khởi nghĩa?

- A. Là lễ lên ngôi của Bình Định Vương
B. Thể hiện sự đoàn kết, quyết tâm đánh giặc của các hào kiệt
C. Là ngày chính thức tổng tiến công ra Bắc
D. Là buổi lễ mừng chiến thắng quân Minh

Câu 7: Tại sao kế sách chuyển quân vào Nghệ An (năm 1424) được coi là bước ngoặt của cuộc khởi nghĩa?

- A. Vì nghĩa quân đã tiêu diệt được toàn bộ quân Minh ở đây
B. Vì giúp nghĩa quân thoát khỏi thế bị bao vây, mở rộng vùng giải phóng
C. Vì Nghệ An là quê hương của chủ tướng Lê Lợi
D. Vì quân Minh ở Nghệ An không có khả năng chống cự

Câu 8: Tư tưởng "Tâm công" (đánh vào lòng người) trong chiến lược của Nguyễn Trãi được thể hiện rõ nhất qua việc:

- A. Sử dụng tiền bạc để mua chuộc nội gián trong hàng ngũ địch
B. Dùng thư từ vạch rõ chính nghĩa, thuyết phục quân giặc đầu hàng
C. Tấn công vào các thành trì lớn nhất của quân Minh
D. Âm sát tướng lĩnh địch

Câu 9: Việc nghĩa quân Lam Sơn cấp thuyền, ngựa, lương thực cho quân Minh về nước sau khi thắng lợi nhằm mục đích gì?

- A. Thể hiện sự sợ hãi trước sức mạnh của nhà Minh
- B. Để quân Minh sớm quay lại trả ơn dân tộc ta
- C. Thể hiện tinh thần nhân đạo và mong muốn hòa bình lâu dài
- D. Vì nghĩa quân không còn đủ sức để quản lý tù binh

Câu 10: Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?

- A. Sự giúp đỡ quân sự từ các nước láng giềng
- B. Vũ khí của nghĩa quân hiện đại hơn quân Minh
- C. Sự lãnh đạo tài tình và sức mạnh đoàn kết toàn dân
- D. Quân Minh gặp khó khăn về kinh tế ở chính quốc

Đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	A	B	B	B	B	B	C	C

PL6.



Hình ảnh tiết học thực nghiệm hoạt động khởi động
(Nguyễn Thị Thuỳ Dung 09/04/2026)



Hình ảnh tiết học thực nghiệm hoạt động khởi động
(Nguyễn Thị Thuỳ Dung 09/04/2026)



Hình ảnh tiết học thực nghiệm hoạt động khởi động
(Nguyễn Thị Thuỳ Dung 09/04/2026)



Hình ảnh tiết học thực nghiệm hoạt động hình thành kiến thức
(Nguyễn Thị Thuỳ Dung 09/04/2026)



Hình ảnh tiết học thực nghiệm hoạt động hình thành kiến thức
(Nguyễn Thị Thuỳ Dung 09/04/2026)



Hình ảnh tiết học thực nghiệm hoạt động hình thành kiến thức
(Nguyễn Thị Thuỳ Dung 09/04/2026)